

MỘ VÂN CƯ'
Người dịch: LÊ HẢI ĐĂNG

Những
CÂU CHUYỆN
VỀ THIÊN
(TẬP 3)



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

NHỮNG
CÂU CHUYỆN
VỀ THIÊN

MỘ VÂN CƯ

NHỮNG
CÂU CHUYỆN
VỀ THIỀN

(TẬP 3)

Người dịch: LÊ HẢI ĐĂNG

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỌI THỨ ĐỀU LÀ THIỀN

Có một vị tướng chinh chiến nhiều trên sa trường, vì chán ngán việc chinh chiến lâu năm, tự cho rằng mình đã nhìn thấu hồng trần, xin thiền sư Đại Huệ tích độ cho ông xuất gia.

Thiền sư nói: “Khí thần thể của ngài còn quá nặng, chưa thể xuất gia được.”

Vị tướng nói: “Lòng tôi đã lặng, mọi thứ đều có thể bỏ.”

Thiền sư cười nói: “Hôm khác lại nói chuyện nhé.”

Vị tướng hết cách, chỉ biết ra về.

Hôm khác, vị tướng tới chùa lễ Phật từ rất sớm, thiền sư Đại Huệ bèn hỏi: “Tướng quân làm gì tới lễ Phật sớm vậy?”

Vị tướng học dùng thơ kệ lời Thiền đáp: “Để trừ lừa trong lòng, dậy sớm lễ sư tôn.”

Thiền sư đùa cũng dùng lời Kệ trả lời: “Dậy đến sớm như vậy, chẳng sợ vợ tên trộm?”

Vị tướng vừa nghe, bực mình nói: “Thầy đồ quái tăng, mở miệng làm người khác bị tổn thương!”

Thiền sư Đại Huệ cười ha ha nói: “Nhẹ nhàng đóng cánh cửa, Lửa tính lại bùng lên, Tính khí nóng nảy vậy, Làm sao bỏ cho được?”

Vị tướng xấu hổ liền đốn ngộ.

Trí tuệ Thiền:

Tập tính được hình thành lâu năm, không dễ nhất thời có thể bỏ được? Càng không thể vì ý niệm nhất thời mà tâm cuồng ngôn đã thành không, trở thành thứ gia vị thế nhân cười nhạo. Còn tiếp nhận người đời, càng không thể tin lời lẽ của người đời là thật, đối với người và mình đều là một thứ rất bất lợi.

TÍNH KHÔNG SINH DIỆT

Thiền sư Hữu Đạo từng đi qua một phường trà chuyên bán trà, vì khát, liền vào uống ly trà nghỉ ngơi giây lát. Chủ quán nhiệt tình hỏi han: “Thiền sư! Vất vả quá? Uống trà đi?” Thiền sư Hữu Đạo gật đầu đồng ý.

Chủ quán lại nói: “Thiền sư! Tôi có một câu hỏi khó giải, nếu thầy có thể khai thị, tôi cúng dường thầy! Thế nào?”

Thiền sư Hữu Đạo nhìn anh ta bằng cặp mắt nhạt nhòa: “Anh hỏi đi”.

Chủ quán hỏi: “Khi gương cũ không lau thì thế nào?”

Thiền sư Hữu Đạo trả lời liền rằng: “Đen như mực.”

Chủ quán lại hỏi: “Gương cũ đã lau thì sao?”

Thiền sư Hữu Đạo đáp: “Chiếu trời đất.”

Chủ quán không đồng tình, nói: “Xin lỗi! Đừng trách tôi không cúng dường.”

Nói rồi quay vào trong quán. Thiền sư Hữu Đạo nghĩ bụng: “Mấy chục năm tham Thiền, rốt cuộc chẳng bằng một gã chủ quán, có thể thấy đạo Thiền của hần ta cao, còn

ta ngu dốt thật.” Vì thế quyết định khỏ tâm đóng cửa tu luyện sâu hơn để cầu khai ngộ.

Vài năm sau, thiền sư Hữu Đạo lại tới quán trà đó. Chủ quán vẫn thân thiết mời chào: “Mấy năm không gặp, vẫn muốn thỉnh giáo thầy câu cũ đó, “Khi gương cũ không lau thì thế nào?”

Thiền sư Hữu Đạo liền đáp: “Pháp này Hán Dương chẳng xa.”

Chủ quán lại hỏi: “Gương cũ đã lau thì sao?”

Thiền sư Hữu Đạo lại trả lời: “Trước lầu Hoàng Hạc châu Anh Vũ.”

Chủ quán nghe xong, thành khẩn nói: “Xin thiền sư nhận cúng dường của con ạ!”

Tức thì quay người gọi: “Hỏa ký! Châm trà, loại trà ngon!”

Sở dĩ cuối cùng thiền sư có thể được uống trà ngon là vì ông đã ngộ ra rằng, gương cũ ví như Tự tính của chúng sinh, Tự tính vốn tự thanh tịnh, vốn chẳng sinh diệt, vốn tự chiếu sáng, đâu có thể phân biệt giữa đã lau hay chưa. Tự tính không tăng lên ở thánh, chẳng diệt đi ở phàm, nên khi thiền sư Hữu Đạo chưa thể nhận thức được Tự tính của gương cũ, chẳng trách không được uống trà. Câu trả lời ““Pháp này Hán Dương chẳng xa”, “Trước lầu Hoàng Hạc châu Anh Vũ.” về sau đã nhận thực ra Tự tính liền lúc đó, nên được uống trà ngon.

MỘT SINH VẠN PHÁP, VẠN PHÁP ĐỀU LÀ MỘT

Thiền sư Long Đàm Sùng Tín là người Hồ Nam, trước khi xuất gia vô cùng nghèo khó, có bày một cửa hàng bán bánh ở cạnh chùa của thiền sư Thiên Hoàng Đạo Ngộ, ngay đến một chỗ trú cũng chẳng có. Thiền sư Đạo Ngộ thương ông nghèo khó bèn cho một căn phòng nhỏ của chùa làm chỗ tá túc. Vì lòng biết ơn hàng ngày Sùng Tín biểu thiền sư Đạo Ngộ mười chiếc bánh. Sau mỗi lần thiền sư Đạo Ngộ nhận đều sai Thị giả đem một chiếc trả lại Sùng Tín.

Một hôm, Sùng Tín cự lại thiền sư Đạo Ngộ: “Bánh là của con biểu thầy, tại sao ngày nào thầy cũng trả con một chiếc. Đó là ý gì vậy?”

Thiền sư Đạo Ngộ ôn hòa giải thích rằng: “Hàng ngày con có thể biểu ta mười chiếc, tại sao ta không thể trả lại con một chiếc chứ?”

Sùng Tín không phục, biện minh rằng: “Con đã có thể biểu thầy mười chiếc, đâu còn để ý đến một chiếc thầy trả lại?”

Thiền sư Đạo Ngộ cười ha ha nói: “Mười chiếc ta chẳng chê nhiều, một chiếc người còn chê ít?”

Sùng Tín nghe xong, dường như ngộ ra, bèn quyết tâm thỉnh cầu thiền sư Đạo Ngộ tích độ cho mình để được xuất gia.

Thiền sư Đạo Ngộ nói: “Một sinh mười, Mười sinh trăm và có thể sinh hàng nghìn hàng vạn, các Pháp đều được sinh ra từ Một.”

Sùng Tín ứng đáp một cách tự tin: “Một sinh vạn pháp, Vạn pháp đều là Một!”. Thiền sư Đạo Ngộ tích độ cho ông, về sau trú ở am Long Đàm Kết, người đời gọi là thiền sư Long Đàm Sùng Tín.

Tâm thiền “Tự tha nhất thể, năng sở bất nhị”. Thiền sư Đạo Ngộ đưa phòng của mình cho Sùng Tín ở, điều đó chứng tỏ của ta chính là của người; sau khi thiền sư Đạo Ngộ nhận bánh nướng của thiền sư Sùng Tín lại trả về thiền sư Sùng Tín một chiếc, chứng tỏ của người chính là của ta. Đương nhiên, bấy giờ nổi khổ trong lòng của thiền sư Đạo Ngộ không nằm ở một chiếc bánh đem bán mà người trần biết. Nhưng, qua việc này, cuối cùng đã làm thay đổi suy nghĩ của Sùng Tín, từ theo đuổi nghi vấn đó cho tới kháng biện tranh luận, cuối cùng Long Đàm Sùng Tín đã ngộ ra được.

Trí tuệ thiên:

Tâm thiên biểu hiện ở “Tự tha nhất thể, năng sở bất nhị”. Người vừa là ta, ta cũng là người, Ít nhiều chẳng phải là Hai, Người ta chẳng phải là Hai, Tâm vật chẳng phải là Hai, Có không chẳng phải là Hai, Vạn vật trong trời đất, thiên hình vạn trạng đều là Một trái tim Thiên.

NHẤT TÚC THIỀN

Tác giả Huyền Giác (665 – 713) của “Chánh đạo ca” họ Đới, người Vĩnh Gia, Triết Giang, xuất gia từ nhỏ, học hết Tam tạng, tinh thông Pháp môn Thiên Đài Chỉ Quan và quan hệ tốt với Tả Khê Huyền Lãng. Về sau gặp đệ tử của Lục Tổ Huyền Sách, được ông gợi mở, không ngại đường xa ngàn dặm cùng tới Tào Khê lễ bái Lục Tổ.

Gặp Đại sư Lục Tổ đang thuyết pháp trên Đường, Đại sư Vĩnh Gia bèn khoác áo, tay cầm tích trượng đi quanh tòa Pháp ba vòng. Sau đó dừng trước mặt Đại sư Lục Tổ, chấn uy một giọng, la lớn một tiếng, cũng chẳng khẩu đầu đội lễ. Đại sư Lục Tổ nói: “Người xuất gia phải có lễ phép, cái gọi là lễ nghi ba trăm, uy nghi ba nghìn, tại sao nhà ngươi tới đây? Làm gì một chút lễ phép cũng chẳng có?”

Đại sư Vĩnh Gia nói: “Sinh tử sự đại, vô thường tán tốc.” Ý nói, thời gian gấp gáp, dụng công phải nhanh, không có thời gian để ý tới những Lễ nghi ba trăm, Uy nghi ba nghìn.

Đại sư Lục Tổ nói: “Hà bất thể thủ vô sinh, Liễn vô tốc hồ?”. Tức tại sao ngươi không cầu chứng Vô sinh pháp thể? Tại sao ngươi không đi thể ngộ đạo lý Vô thường tán tốc vậy?

Đại sư Vĩnh Gia nói: “Thế tức vô sinh, Liễu vốn vô tóc.” Thầy đừng nói cầu chứng, cầu chứng cũng chẳng có sinh tử, Thế ngộ cũng chẳng có chậm nhanh.

Đại sư Lục Tổ nói: “Người đã nói Thế tức vô sinh, Liễu bản vô tóc, ai đang phân biệt vậy?”

Đại sư Vĩnh Gia nói: “Phân biệt cũng chẳng có ý.”

Đại sư Lục Tổ ẩn chứng nói: “Như thị! Như thị!”

Vì thế, Đại sư Vĩnh Gia đội lễ cáo từ Lục Tổ, đại sư Lục Tổ nói: “Tại sao người muốn đi nhanh như vậy?”

Đại sư Vĩnh Gia nói: “Bỏ tự phụ động, Khởi hữu tóc da?”, ý nói vốn chẳng có động, đâu có gì chậm nhanh chứ?

Đại sư Lục Tổ khen: “Con thực thể ngộ được vô sinh rồi.”

Đại sư Vĩnh Gia nói: “Vô sinh làm gì có ý gì?”

Đại sư Lục Tổ nói: “Không có ý, ai đang phân biệt?”

Đại sư Vĩnh Gia nói: “Phân biệt cũng chẳng có ý.”

Đại sư Lục Tổ nói: “Con đã khế ngộ rồi, hãy ở lại đây một đêm đi.”

Vì thế, Đại sư Vĩnh Gia ở lại chùa Nam Hoa một đêm, bởi vậy người đời gọi là “Nhất Túc Thiên”.

Sau khi khai ngộ, Đại sư Vĩnh Gia không muốn chỉ riêng mình được lợi ích từ việc đắc Pháp, vì thế viết tác phẩm “Chính đạo ca” để khởi thị cho người sau, khiến người đời sau cũng hiểu được việc tu hành, nhận thức được Chánh pháp chân chính.¹

-
1. Chùa Hoa Nghiêm – Tổ đình Hoa Nghiêm tông - Chùa Hoa Nghiêm nằm ở trên bờ Thiều Lăng Nguyên, phía đông nam trấn thành Đồ Khúc, huyện Trường An, phía nam thành phố Tây An, cách thành phố Tây An chừng 15km, bắt đầu xây dựng vào năm Trinh Nguyên thứ 19 đời Đường (803). Toàn chùa chia làm hai trên và dưới, các bên đều mở Sơn môn, tạo thành một thể độc lập, là một trong 8 ngôi chùa lớn ở Phan Xuyên nổi tiếng đời Đường, nơi phát tích của Phật giáo Hoa Nghiêm tông Trung Quốc. Trong chùa có hai tòa tháp ngói, phía đông là tháp thiền sư sơ tổ Hoa Nghiêm tông thiền sư Đỗ Thuận, bốn mặt 7 tầng, cao khoảng 13m, mé tây là tháp quốc sư Thanh Lương tổ thứ 4 Hoa Nghiêm tông, 6 mặt 5 tầng, cao 7m. Trước tháp còn có bia “Trùng tu Hoa Nghiêm tứ thiền Thanh Lương quốc sư tháp ký” cuối đời Thanh.

Trí tuệ Thiên:

Thiên giống như cây cỏ mộc gập xuân, lấy tĩnh chế động. Thật đúng như câu: “Vạn vật quy nhất, Vạn pháp quy nhất, Vạn sinh vạn vật nhất sinh vạn pháp.”

THIỀN BẤT SINH

Nếu nói ý Thiền có ảnh hưởng lớn tới giới văn nhân và văn nghệ Trung Quốc, chủ yếu biểu hiện ở trong văn hóa thể tục cao nhã, thì ở Nhật Bản thì không chỉ liên quan tới mặt Nhã, mà còn đi vào mặt Tục, thậm chí cũng có những ảnh hưởng sâu sắc đối với văn hóa dân gian.

Lâm Tế tông là một trong năm Thiền tông Nam tông, do thiền sư Hy Vận trụ trì chùa Nghi Phong Hoàng Bách tuyên lộ. Lâm Tế tông được truyền bá rộng rãi ở Nhật Bản vào thời Giang Hộ và ăn sâu vào đời sống. Có thể nói, Thiền đã vượt lên trên bề mặt tôn giáo ăn sâu vào tâm khảm người dân Nhật Bản và trở thành một thứ tinh thần gần như tôn giáo (Á tông giáo). Loại tinh thần này thường thể hiện ở phương diện sử dụng sống động trong lối suy tưởng Thiền, phương pháp tư duy siêu nghiệm và lòng tự tin bất khuất. Tự lực, Tự độ của Lâm Tế tông trở thành một thứ tinh thần dân tộc tự cường bất diệt trong văn hóa Nhật Bản, cung cấp cho con người trí tuệ to lớn.

Thiền sư Bàn Khuê (1622 – 1639) là cao tăng Lâm Tế tông thời Giang Hộ, chủ trương phế trừ Công án, trực tiếp thâm nhập Phật tính bất sinh bất diệt, người đời sau gọi là “Thiền bất sinh”, là cao tăng Thiền tông của thế kỷ XVII.

Một hôm, thiền sư Bàn Khuê dẫn dò Thị giả lên Kinh mua loại giấy thượng đẳng. Thị giả này xưa nay được mệnh danh là “Tư tài của Tử Cống” (Tử Cống là một trong 72 hiền nhân, học trò của Khổng Tử), không chỉ tài trí thông tuệ mà còn giỏi về tranh biện), càng có tính thông minh tự ngạo. Chính vì thế thiền sư mới sai anh đi mua giấy.

Thị giả chẳng hề hỏi thầy về chất liệu giấy, trong bụng nghĩ cứ dựa vào tài trí và nguyên tắc quản lý tiền bạc của mình nhất định sẽ được thầy khen ngợi. Thị giả sau khi lựa chọn kỹ càng mua giấy đem về.

Nhưng, thiền sư vừa nhìn xong, bèn nói lạnh lùng: “Không được!”

Thị giả rất buồn rầu, vì thế chỉ biết lại lên Kinh đi mua.

Sau khi lần nữa trở về, Thị giả nghĩ lần này chắc không có vấn đề gì nữa. Ai biết thiền sư lại nói: “Cái này cũng không được!”

Vì thế, cậu chỉ biết lại lên Kinh mua đồ lần nữa. Bấy giờ giao thông bất tiện, còn đường xá lại xa xôi, Thị giả trong bụng bắt đầu oán giận, cho rằng thầy không hiểu tình lý.

Chờ tới lần nữa trở về, thiền sư vẫn nói: “Không được.”

Vì thế cậu bèn hỏi thầy rốt cuộc muốn loại giấy thế nào, cậu chuẩn bị lên Kinh lần nữa. Thiền sư nói: “Bất kể loại gì cũng đều không được.”

Bấy giờ Thị giả liền đốn ngộ, vì bèn xin lỗi thiền sư về việc mình tự cho trước đây. Thiền sư bèn nói: “Kỳ thực loại giấy mua lần thứ nhất là tốt nhất rồi.”

Thị giả trước cho rằng mình thông minh hơn người, mua giấy là chuyện nhỏ, chắc sẽ được thầy khen ngợi, chẳng cần phải hỏi nhiều. Còn thiền sư Bàn Khuê nhìn ra được suy nghĩ lầm lạc đó của Thị giả, nên cố ý lên mặt nói: “Không được!”, kỳ thực đối với việc khai ngộ của thiền sư thì chẳng có phân biệt loại giấy tốt hay xấu cả. Dù rằng có đưa cho ông loại giấy cỏ tồi tệ, ông cũng chẳng chê bai, nhưng đối với Thị giả, chỉ có thực sự khiến cậu ý thức được giấy Tự ngã mới là loại giấy đạt tiêu chuẩn.¹

-
1. Chùa Từ Ân – Tổ đình của Pháp Tướng tông - Chùa Từ Ân nằm ở ngoại ô phía nam cổ thành Tân An, được xây dựng vào năm Trinh Quan thứ 12 đời Đường (648), là chùa Phật giáo nổi tiếng thế giới, một trong bốn nơi dịch kinh lớn ở Trường An, đời Đường, cũng là Tổ đình của Duy thức tông Pháp Tướng Phật giáo Trung Quốc. Chùa hướng về hướng đông, diện tích xây dựng là 2.995m². Toàn chùa có tổng cộng 135 gian phòng, chính diện là Sơn môn, trong có hai lầu Chung, Cô, kiến trúc phía tây của chùa chia làm ba đường. Đường giữ phía trước là điện Thiên Vương, tiếp là Đại hùng bảo điện, đàn Tỳ Khâu, lầu Tàng Kinh. Trong lầu Chung có treo một chiếc chuông bằng sắt thời nhà Minh, đúc vào năm Gia Khánh (1548), chuông nặng khoảng 15 tấn, trên có chữ “Ứng tháp tấn chung”, là một trong tám cảnh nổi tiếng ở Quan Trung.

Trí tuệ Thiên:

Suy nghĩ lầm lạc chẳng phải là sai trái, cái mà thiên sư muốn trách, muốn diệt trừ chẳng phải là sai trái của Thị giả mà là sự lầm lạc trong tâm. Giải trừ được suy nghĩ lầm lạc, cũng sẽ tự nhiên giảm được sai trái.

THIỀN PHÒNG HOA MỘC THÂM

Võ sĩ hỏi cao tăng rằng: “Khi hoa sen chưa nở thì như thế nào?”

Cao tăng nói: “Hoa sen.”

Võ sĩ lại hỏi: “Hoa sen sau khi ngoi lên mặt nước thì sao?”

“Lá sen.” Cao tăng trả lời.

Cao tăng nói hoa sen chưa sinh là hoa sen, chẳng hạn có một người trồng hoa sen ở đó, bạn hỏi anh ta đang làm gì, anh ta nhất định sẽ trả lời: “trồng hoa sen.” Anh ta tuyệt đối không nói hoang đường với bạn rằng: “Trồng lá sen.” Vậy sau khi hoa sen ngoi lên mặt nước, làm sao lại trở thành lá sen chứ? Hãy quan sát kỹ càng sẽ rõ, hoa sen vừa lên khỏi mặt nước nhất định mọc đầy lá, ai từng trông thấy cảnh hoa sen giăng đầy chứ?

Đó chính là “Thiền phòng hoa mộc thâm, Thiền cơ bất khả thuyết” mà cao tăng nói, dùng vật để khiến cho người ngộ, có thể chuyển hoa để tiếp cây, trí tuệ bất phạm. Thiền có thể khiến cho tâm thái hiền hòa, giúp cho người đời bỏ đi ngạo khí, tạo dựng ngại khí, điều được gọi là cao

nhân. Còn “ngai” chẳng hề ngu độn mà là trong lòng đã tự đắc tự ngộ, coi vạn vật như nhau.

Trí tuệ Thiên:

Thiên chính là sự va chạm của tâm hồn, thế giới của Thiên chính là sự phát triển của mình tâm kiến tánh. Thiên là thứ chung của mọi người, toàn xã hội, vốn có, cộng tồn trong thiên nhiên, vũ trụ.

BẠC THẦY

Thiền sư Cổ Linh Thần Tán đời Đường ban đầu làm tiểu hòa thượng ở chùa Đại Trung, Phúc Châu. Hòa thượng Cổ Linh có một đặc điểm là thích ngao du giang hồ.

Về sau ông tới gần Nam Xương, Giang Tây, gặp thiền sư Bách Trượng Hoài Hải, đắc Pháp, khai ngộ ở chỗ đó. Bấy giờ mới phát hiện ra thầy ở Phúc Châu của ông chưa hề giác ngộ, cảm thấy ông thật tội nghiệp. Ông muốn trở về báo đáp ơn dạy dỗ của thầy, vì thế trở về chùa Đại Trung để độ hóa cho thầy mình.

Thầy hỏi ông ở ngoài học được những gì. Ông trả lời rằng chẳng học được gì, vì thế ở lại trong chùa làm việc lật vật. Mùa hè ông giúp thầy lau lưng, tự nói năng một mình. Thầy có thân hình to lớn, Thần Tán khen rằng: “Một tòa Phật đường đẹp, đáng tiếc bên trong chẳng có Phật thật.” Ý nói là thầy có một thân hình đẹp, đáng tiếc chẳng giác ngộ.

Một thời gian trôi qua, một hôm thầy đang giờ sách xem kinh dưới cửa sổ, có một con ong bay qua cửa sổ ra ngoài, liền đập vào giấy ở cửa. Tiếng giờ sách của thầy và tiếng con ong va vào cửa diễn ra đồng thời. Thầy Tán thấy thời cơ đến rồi, bèn nói: “Thế giới bên ngoài mênh mông chẳng buồn ra, rúc vào giấy cũ của ông ta, đến tết Công Gô

chắc qua khỏi?” Thầy vừa nghe thấy lời đó, vô cùng kinh ngạc, bỏ sách kinh xuống hỏi ông bên ngoài rốt cuộc đã gặp được cao nhân nào.

Thần Tán nói: “Sau khi con gặp hòa thượng Bách Trượng, trong lòng được nghỉ ngơi, bây giờ là muốn báo đáp ân đức của thầy.” Thầy biết ông đã khai ngộ, vì thế mời ông thuyết pháp.

Trí tuệ Thiên:

Thầy dạy trò, trò cũng có thể độ được cho thầy, đó chính là Thiên.

HỔ SÓI VÀ PHẬT

Các thiền sư đều coi thường tác dụng của bí mật hoặc năng lực của thần bí, Nguru Đầu Pháp Nhung chính là một minh chứng tốt nhất. Pháp Nhung là người Diên Lăng, Giang Tô, xuất thân con nhà thư hương. Năm 19 tuổi, tinh thông kinh sử, về sau say mê Ban nhược, ngộ thấu Chân không, ông tới núi Nguru Đầu, ở trong động đá ở phía bắc chùa U Tích, làm bạn với muông thú hoa cỏ.

Tứ Tổ Đạo Tín Cung Minh tới thăm ông, thấy Pháp Nhung ngồi đó, đã chẳng thềm dậy hỏi hen, cũng không chấp tay lễ bái, bèn hỏi: “Thầy đang làm gì vậy?”

“Quan tâm.” Pháp Nhung đáp.

“Là đang quan sát gì? Cái thấy là gì?” Đạo Tín lại hỏi.

Pháp Nhung cảm thấy quái đản, vì thế đứng dậy hành lễ, nói: “Thầy là người ở đâu? Đã nghe qua Đạo Tín chưa?”

Đạo Tín đáp: “Ta chính là ông ấy.”

Vì thế, Pháp Nhung mời Đạo Tín vào trong am nhỏ.

Đạo Tín thấy trong phòng có cả hổ, sói cảm thấy sợ hãi. Pháp Nhung nói: “Trong lòng thầy còn có những thứ đó?”

Đạo Tín không nói, một lát, ông viết một chữ Phật lên trên viên đá mà Pháp Nhung thường ngồi, Pháp Nhung trông thấy chữ này, không dám ngồi xuống, sắc mặt lộ rõ vẻ kính sợ.

Đạo Tín nói: “Trong lòng thầy còn có cái này?”

Pháp Nhung chẳng biết sao, bèn mời Đạo Tín giảng giải Pháp yếu.

Đạo Tín nói: “Trăm ngày Pháp môn đều quy về tác lòng. Sông cát Diệu Đức đều ở nguồn tâm. Mọi Giới môn, Định môn, Huệ môn, thần thông biến hóa, tất cả tự đủ, chẳng lánh lòng người. Mọi phiền não nghiệp chướng, Bỏ lại (vốn) không tịch. Mọi nhân quả đều như giấc mộng. Chẳng có Tam giới hiện ra, cũng chẳng có Bồ Đề có thể cầu, người và không phải là người, tính tướng đều bình đẳng. Đại đạo hư không, mệnh mang, chẳng tư chẳng lự, Pháp Như thị đó, nay người đã có, từng chẳng thiếu xót gì, không khác nào Phật, càng chẳng khác Pháp. Người cứ bỏ lòng tự tại, đừng làm việc Quan hành, cũng đừng lọc tâm, đừng nầy tham sân, đừng ôm sầu lự, thanh thản chẳng có trở ngại, tự ý tung hoành, chẳng làm việc thiện, không làm việc ác, đi ở ngồi nằm, thấy gì tùy duyên, đó là chỗ diệu dụng của Phật. Sung sướng vô ưu, nên gọi là Phật.”

Pháp Dung nghe xong, hoắc nhiên đại ngộ, vì thế không còn sống ẩn cư và đi khắp nơi hành hóa, đi sâu tìm hiểu kinh Đại Ban nhược.¹

Trí tuệ Thiền:

Có chứng ngộ Thiền một cách thiết thực mới có thể nắm vững được giá trị tinh thần của cuộc sống. Sự dựa dẫm vào cảm quan đương nhiên không nên coi thường, nhưng khi bước vào cảnh giới cao nhất, sẽ tự nhiên thoát khỏi chúng.

-
1. Tam tai bát nạn, tục gọi là Đa tai đa nạn, “Tam tai” và “Bát nạn” trong kinh Phật đều có những nội dung xác thực và hoàn toàn khác với cách dùng của tục ngữ. Phật giáo cho rằng, thế giới từ hình thành cho đến hủy hoại là một đại kiếp, trải qua bốn giai đoạn “thành, trụ, hoại, không”, thay nhau luân chuyển. Sau thời “Trụ kiếp”, hành vi sai trái của chúng sinh khiến cho bị giảm thọ, rồi tiếp tục sản sinh những tai họa như đói khát, tật bệnh và binh đao, gọi là “Tiểu tam tai”. Tới cuối “Hoại kiếp” thì nảy sinh những tai nạn đáng sợ hơn, như hỏa tai, thủy tai và phong tai, gọi là “Đại tam tai”. Phong tai cuối cùng cuốn thế giới này đến chỗ hết sạch sành sanh, do đó tiến vào “Không kiếp”; “Bát nạn” nhằm chỉ tám cảnh ngộ khó thể kiến Phật kiến Pháp, không thể tu đạo: “Thứ nhất là Địa ngục, thứ hai là Súc sinh, thứ ba là Ngọa quỷ, thứ tư là câm điếc, thứ năm là Thế Trí biện thông, thứ sáu là Phật tiền Phật hậu, thứ bảy là Ưc Đon vượt quốc, thứ tám là Thọ thiên.”

NGƯỜI NGỘ XUNG ĐẮC

Thiền sư Lãng ở núi Tả Khê, huyện Phổ Dương, châu Trú Ngao viết cho thiền sư Huyền Giác một bức thư. Trong thư nói: Từ hồi ông tới núi Tả Khê, sống ở trong núi, tâm ý thanh thoi. Nhưng, thấy tùng xanh, ao biếc, trăng sáng tự sinh, danh hoa thơm trái, ong chim dập dề, vượn hú ngâm dài, gần xa đều nghe thấy. Hàng đêm lấy cuộc làm gối, cỏ mịn làm thảm. Nhìn lại thế gian cao ngất, người người tranh giành, chỉ cảm thấy ngồi yên trong núi, tâm tình vô cùng thoải mái.

Sau khi Huyền Giác nhận được thư, hồi âm cho thiền sư Lãng, nói về cách nhìn của ông đối với việc ở ẩn. Huyền Giác viết rằng: “Trong núi Bộ ức mọc thành rừng, đỉnh núi sừng sững, chim thú xôn xao, nước đá cao ngất, xuân hạ thu đông, hoa cỏ theo đó mà hưng tàn, sớm tối trưa chiều, mây khí theo đó mà thay đổi. Tình cảnh này, nếu chưa nhận ra đạo mà đã ở trong núi, thì chỉ có thể thấy núi mà quên đạo của nó. Ngược lại, nếu nhận ra đạo rồi mới ở núi sau, thì sẽ chỉ thấy đạo mà quên mất núi của nó. Quên núi thì đạo tính sáng khoái, quên đạo thì bóng núi làm cho mờ mắt.”

Vì thế nói, có thể làm được việc nhìn thấy đạo mà quên núi thì dù ở trong nhân gian hồng trần, trong lòng cũng an nhiên tịch tĩnh, nếu thấy núi mà quên đạo thì dù ở trong núi, tâm cũng xao động không thôi.

Nhập mê gọi là Tác thất, Nhập ngộ gọi là Tác đắc, được mất ở con người, có quan hệ gì với hoàn cảnh xô bồ và sự yên tĩnh? Thật giống như bản thân chẳng biết lái tàu, làm sao có thể oán trách nước sông trắc trở chứ?¹

Trí tuệ Thiền:

Tiêu dao nơi sơn động, buông lời nơi thành thị, cơ thể giống như bị gò bó, nhưng, trong lòng lại thanh thoi, nhục thể sống ở nhân thế, còn tinh thần lại cao siêu.

-
1. Phật giáo Tạng truyền còn gọi là Lạt ma giáo, là một nhóm của Phật giáo, chủ yếu phổ biến ở khu vực tộc người Tạng và Mông Cổ ở Trung Quốc. Lạt ma là tiếng Tạng, mang ý nghĩa “Thượng sư”. Lạt ma giáo là sản vật được hình thành và ảnh hưởng, đấu tranh qua lại lâu dài giữa Phật giáo và Bốn giáo vốn có của Tây Tạng. Cuối thế kỷ XIII, được sự hậu thuẫn của giai cấp thống trị nhà Nguyên, Lạt ma thượng tăng bắt đầu nắm chính quyền đồng thời đưa giáo phái này vào khu vực tộc người Mông Cổ. Lịch sử của Phật giáo Tạng truyền lâu đời, giáo phái đa dạng, phát triển tới nay có bốn nhóm lớn là: phái Cách Lỗ, Cát Cừ, Ninh Mã và Tát Ca.

NHẤT NIỆM TỰ TẠI

Quê hương của thiền sư Đạo Nguyên ở vùng Thái Châu, Tô Bắc, ông nói lúc nhỏ làm tiểu hòa thượng, địa phương có một gã ăn xin, về sau con trai phát tài, nhưng cha vẫn đi ăn xin đầu đường, người thân bạn bè đều không tha thứ cho ông. Ông cảm thấy chẳng còn mặt mũi gì, bèn sai người đi bắt cha về. Sau khi bắt về, muốn cấp dưỡng cho cha chu đáo, nào ngờ lão già đó không quen, sau vài ngày lại lên đi ăn xin.

Người đời đều rất lấy làm ngạc nhiên, còn ông cha này lại nói: “Sung sướng như thế, tự tại, vô sầu vô tư, tới đâu cũng được ăn, được ở, cả ngày du non ngoạn nước.”

Có một thương nhân học Thiền đem rất nhiều vãng bạc châu báu đi thăm bạn, kết quả giữa đường bị tên trộm lấy hết. Nhưng, anh vẫn chẳng hề buồn bã, ngược lại nói: “Ta tặng cho bạn hay cho tên trộm chẳng khác gì nhau, dù sao cũng là tặng cho người.”

Lòng dạ mở mang, “có thể tặng bạn, tương tự vậy cũng có thể tặng cho ăn trộm, cho ai cũng chẳng khác gì nhau?”. Ý niệm vừa thay đổi, tấm lòng này tự tại xiết bao, đó gọi là phúc lượng. Nếu cứ đắn đo tính toán, của mất

cũng chẳng quay về, đem lòng phiền muộn, chấp mê vào
bể hận, đâu thể có được tự tại chứ?

Trí tuệ Thiên:

Con người ở đời, sống cho sung sướng, không phiền
muộn, không lo nghĩ là hạnh phúc nhất, sung sướng nhất!

GIÁC MÀ KHÔNG MÊ

Có một người giàu có xây một lầu các trong sân, mời thầy phong thủy tới xem, xem xong thầy nói phong thủy không tốt, ở đây sẽ phá sản, chẳng giữ được người.

Vì thế ông xin thỉnh một pho tượng Phật Mật tông đặt ở cửa cầu thang, nói phong thủy như thế sẽ thay đổi, tụ tài, có thể giữ được người.

Đúng lúc có một thiền sư đắc đạo đi qua nơi này sau khi biết chuyện đó, bèn cười nói: “Anh làm như vậy vẫn không thể giữ được người và của.”

Người giàu hỏi: “Vậy xin pháp sư khai thị, làm sao mới có thể được bình an?”

Thiền sư đáp: “Đáng bình an thì bình an, nếu có nghiệp ác, làm sao cũng khó thoát khỏi nhân quả. Lòng dạ mình ngay thẳng, mọi thứ tất sẽ bình, đó đều là thiện quả.” Nói xong rào bước đi.

Người hiểu về lý biết được rằng, thứ kiến trúc này chẳng hề có quan hệ gì với vận mạng. Quan hệ nằm ở trái tim, hành vi của người trú tại nơi này. Nếu lòng dạ anh ta ngay thẳng, hành vi đúng đắn, tự nhiên chư Phật hộ niệm, Long thiên thiện Thần phù hộ; nếu tâm thuật, lời nói và

hành vi của anh ta bất chính, thì có ma quỷ hộ trì, như thế rơi vào ma cảnh.

Cái gọi là “Sự vô ngại, lý vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”, đó chính là cảnh giới Phật. Đạt tới cảnh giới không còn trở ngại, vận mệnh, phong thủy cũng đều chẳng còn. Tu Thiền, phải niệm Niệm yếu giác và đừng mê, mọi lúc phải giác mà không mê, trong mọi con người, sự vật, thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên đều phải luôn giác chứ đừng mê.

Trí tuệ Thiền:

Tâm tạo ra Pháp quả, niệm Biến pháp giới, suy nghĩ có thể làm thay đổi Pháp giới, đó là Chánh lý, là chân tướng sự thật chân chính.

NGỘ KHÔNG SINH NHÃN

Sa di Cao triều Đường tới gặp thiền sư Dược Sơn, thiền sư Dược Sơn hỏi: “Con có thể biết được lòng người náo nhiệt, ồn ào giống như thành Trường An không?”

Sa di Cao nói: “Lòng con Trung Quốc thái dân an.”

Dược Sơn hỏi: “Thế ngộ này của con có được từ việc đọc kinh hay thu được từ kết quả học?”

Sa di Cao nói: “Vừa chẳng phải có được từ đọc kinh, cũng chẳng phải có được từ việc học.”

Dược Sơn hỏi: “Có người chẳng đọc kinh, cũng không học, tại sao chẳng thu được kết quả đó vậy?”

Sa di Cao nói: “Chẳng phải người ta không thể ngộ được mà là họ chẳng chịu gánh vác trách nhiệm.”

Người lòng dạ hẹp hòi, chẳng mở mang, quan trọng nhất nằm ở chỗ không có khả năng gánh vác. Không thể gánh vác chứng tỏ thiếu năng lực. Người có khả năng gánh vác, bất kể gặp phải hoàn cảnh thay đổi thế nào, tốt hay xấu, thuận hay nghịch, họ cũng nảy sinh trí tuệ từ trong Định, mọi việc giải quyết như chẻ tre. Có lẽ đó chính là Nhân tâm chí lý của câu mà nhà Nho nói “Tạo thứ tất vu thị, Điền bái tất vu thị.”

Người dám gánh vác chẳng hề oán giận, không hề đổ kỵ, trong lòng thường giữ trạng thái thanh thoi tự tại, sức sống tự nhiên ngày một tăng thêm, cuộc sống cũng khá phóng khoáng, chẳng bị câu nệ. Thiền gia sau khi bỏ vạn duyên, thứ khoáng đạt dạt dào chẳng hề gò bó đó thực là cái mà con người hiện đại thiếu. Buông lòng, ra ngoại ô, phóng khoáng một chút, hát vang một bài, có lẽ có thể nảy sinh trí tuệ.

Trí tuệ Thiền:

Thiền giả thường có quan niệm khoáng đạt, yên ổn tùy ngộ. Còn không thể khoáng đạt, hoàn toàn phải xem lại những thứ có thể gánh vác trong cuộc sống; tiếp nhận nó, bao dung nó, thích thú nó. Kinh Thiền nói: “Ngộ vô sinh nhĩ”, chẳng ngoài chỉ năng lực gánh vác.

PHẬT NGŨ TÂM VI TÔNG

Đời sống tinh thần chẳng phải thứ được chứng ngộ từ việc nhất tâm dưỡng tĩnh hay chẳng chịu suy xét từ vạn vật, mà là sự chứng ngộ từ việc thực hiện cuộc sống. Còn yếu quyết của việc thực hiện cuộc sống con người chính nằm ở quá trình dụng tâm trong Chân không diệu hữu. Con người chỉ có trải qua việc thực hiện cuộc sống, mà lại chẳng chịu ràng buộc bởi thực hiện, vậy mới là tịnh tâm, mới là Chân không diệu hữu, nhập vô sinh nhẫn.

Có một người thợ rèn, mỗi ngày vì nuôi sống gia đình, làm việc cật lực. Một hôm, có một vị cao tăng hoá duyên cho ông. Ông tiện xin thỉnh giáo vị cao tăng đó về đạo giải thoát. Ông hỏi: “Làm thế nào mới có thể khiến cho mình có được đời sống tinh thần khá tốt chứ?”

Vị cao tăng đó niệm Phật pháp môn rằng: “Mỗi lần đập thếp niệm một tiếng Phật, mỗi lần quay gió niệm một âm Phật.”

Vì thế, người thợ rèn cứ thế làm theo.

Từ đó trở đi, công việc của người thợ rèn có thêm ý nghĩa trong đời sống tinh thần, cộng với sức mạnh không thể ngờ tới của Phật pháp môn, hàng ngày ông làm việc

vô cùng hăng hái. Vài năm qua đi, đời sống tinh thần của người thợ rèn này đã được nâng lên tới Pháp giới hoặc thế giới Tịnh độ.

Một ngày, ông rất phấn khởi sau khi tắm xong, từ biệt người nhà rồi cầm chiếc búa to thường ngày, rồi đập vài nhát hát rằng: “Tinh tinh tang tang, trăm luyện thành thép, thái bình sắp đến, ta về Tây Phương.”

Cuộc sống trải qua quá trình rèn luyện về “Tâm”, khiến cho việc tôi luyện về tâm càng trở nên tinh táo, tăng thêm sức mạnh, dồi dào, sáng suốt. Có thể làm vậy trong cuộc sống, chính là việc tu hành chân chính, chính là cuộc sống được thực hiện. Sự tồn tại kỳ diệu trong đời sống nằm ở chỗ nhất tâm, việc bồi dưỡng đời sống tinh thần cũng nằm ở chỗ một lòng, bởi vậy nói rằng “Phật ngữ tâm vi tông.”¹

-
1. Xá lợi tử có phải là kết thạch chăng – “Xá lợi tử” tức là Xá lợi của Phật, nhằm chỉ thi thể hoặc thân cốt. Phật giáo gọi những vật dạng hạt được kết thành sau khi thi thể Thích Ca Mâu Ni hỏa táng là Xá lợi tử, về sau cũng nhằm chỉ cả những cốt tro còn lại sau hỏa táng của các cao tăng. Các dạng hiện tượng của Xá lợi tử đều chứng tỏ chúng không phải là kết thạch, bề ngoài của kết thạch và tính vật lý đều khác. Kết thạch chủ yếu phân thành chất canxi hoặc có tích kim loại kiềm, hình thái tương tự như nước cạn, cũng rất dễ vỡ, dưới nhiệt độ cao đều biến thành chất ô xi hóa dạng bột. Lưỡi, tim của Đại đức chẳng có tổ chức mềm trong chất xương cũng có thể hỏa táng không hỏng làm thành Xá lợi tử. Có khi xuất hiện số lượng Xá lợi tử đáng kinh ngạc, đồng thời màu sắc và hình thái khác nhau. Có những Xá lợi tử vô cùng cứng, dùng búa đập mạnh

Trí tuệ Thiền:

Đạo trong cuộc đời không nằm ở cho và nhận, không nằm ở sự lựa chọn hay biện bạch mà nằm ở “Tình cảm có nhất niệm ngộ, Mong thoát ngày xưa mê”. Đem trí tuệ trong Tự tính thể hiện vào cuộc sống của bạn, cho việc thực hiện và thanh tịnh sau tỉnh giấc mãi mãi nằm trong lòng ngực của bạn.

mà chẳng hề bị hư tổn. Đương nhiên cũng có một bộ phận gọi là “Xá lợi” đích thực là chất xương và răng chưa cháy hết, những kết thạch không thể trụi lửa để trở thành “Xá lợi” sau khi hỏa táng.

TÂM TRỆ, CÁC PHÁP ĐỀU CHẴNG THÔNG

Bạch Cư Di đời Đường một hôm đi thăm một thiền sư tên là Điều Khoa. Ông phát hiện nơi ở của vị thiền sư này cỏ từng mọc um tùm, ngả bóng râm mát, thiền sư thì ở phía trên, tổ chim thước ở trên, tự nhiên hồn hậu. Bạch Cư Di cảm thấy thiền sư ở trên cây thực quá nguy hiểm, vì thế nói: “Thiền sư ở nguy hiểm quá.”

Thiền sư nói: “Nơi thầy ở còn nguy hiểm hơn tôi.”

Bạch Cư Di nói: “Đệ tử ở trấn Giang Sơn, có gì nguy hiểm chứ?”

Thiền sư nói: “Bản thân không ngừng khởi tâm động niệm, đâu đâu cũng bị hoàn cảnh làm cho chuyển động, giống như lửa củi tương giao, khiến cho bản thân nóng bỏng, không còn tự tại, chẳng lấy làm nguy hiểm sao?”

Thiền đối với cuộc sống rất coi trọng những chuyển biến về ý thức chủ quan. Cách ngôn của Thiền là “Vạn pháp duy tâm tạo”, mọi hiện tượng tâm lý đều do ý thức chủ quan tạo thành. Song, cái mà Thiền giả coi trọng chính là tỉnh giác và tự tại. Thường khi việc đối nhân xử sự bị mất thể chủ động, không thể tự giác hoặc mất năng lực kiểm

soát thì bản thân cảm nhận được sự khốn đốn, phiền nhiễu. Bây giờ mình trở thành thứ vô năng, không có năng lực tự kiểm soát, bất an, chấp chước, không thể tiếp nhận sự thực. Rơi vào tình cảnh vật dục, vội vã vì công lợi, chẳng khác nào bị chuyển cảnh, nội tâm cũng sẽ bất an. Phần nộ làm tổn hại người và lo sợ chùn bước, cả hai đều bị ràng buộc bởi tâm cảnh, đều là căn nguyên của tâm bệnh, cái gọi là “Tâm hễ ngưng trệ, Chư pháp không thông.”¹

Trí tuệ Thiền:

Tự tại chính là tỉnh giác chân chính, tự tại chân chính. Có thực sự thoát khỏi hư ảo mới có thể sống được cuộc đời hiện thực, cuộc đời sung sướng.

-
1. Pháp sư Thái Hư - Pháp sư Thái Hư (1889 – 1947), người Sùng Đức, Triết Giang, họ Trương, vốn tên là Kim Sâm, lấy pháp danh Duy Tâm, hiệu Hoa Tử, Bi Hoa, lão tăng Tuyết Sơn, lão tăng Tấn Vân. Cả đời Pháp sư Thái Hư chủ trương cách mạng Phật giáo, nỗ lực cho sự nghiệp Phật giáo và có ảnh hưởng rất sâu rộng. Các luận văn về Duy thức học của ông có “Phật pháp tông quyết trạch đàm”, “Tân đích Duy thức”, “Luận pháp tướng tất tông Duy thức”, “Tái luận pháp tướng tất tông Duy thức”... đồng thời còn tập hợp các buổi diễn giảng, giải thích về sớ, bài viết biên soạn thành cuốn “Pháp tướng Duy thức học” liên quan tới Duy thức, nghiên cứu khá sâu sắc về Duy thức học. Người đời sau biên tập thành cuốn “Pháp sư Thái Hư toàn thư”.

THỂ TƯỚNG VỐN TỰ NHIÊN

Đơn thuần chính là gốc rễ của Thiên định và Ban nhược. Đừng ngại giải thích nó là Tịnh tâm. Tịnh tâm này chính là tâm Phật, là thứ mà Thiên môn rất coi trọng.

Một thương nhân buôn bán đồ cổ giáo quyết tới một ngôi chùa, thấy trong Phật có một chiếc bàn hoàng tộc cổ, điêu khắc tinh xảo, chất gỗ quý hiếm, có thể nói đó là một tuyệt phẩm, bất kể xét về giá trị nghệ thuật hay giá trị sử dụng. Vì thế, gã thương nhân bắt đầu nổi máu láu cá đã quen từ nhỏ.

Đúng lúc có một tiểu hòa thượng chuyển chiếc bàn đó ra phơi nắng. Vì thế, thương nhân tiến lên trước nói: “Đây quả là chiếc bàn đẹp.”

Tiểu hòa thượng chẳng nói gì, tiếp tục công việc.

Gã thương nhân liền than: “Chiếc bàn đó của nhà ta thực chẳng ra làm sao, à! Chỉ đáng tiếc là đồ dỏm.”

Tiểu hòa thượng vẫn chẳng lên tiếng, chỉ hiêu kỳ nhìn gã ta.

Thương nhân chuyển nói: “Chiếc bàn đó của ta khi chuyển nhà làm gãy mất hai chiếc chân, tiểu sư phụ có thể

bán cho tôi chiếc bàn đó được không? Tôi sẽ trả giá cao 1 nghìn đồng.”

Tiểu hòa thượng bèn nói: “Thí chủ đã nói đó là đồ giả, vậy mua làm gì?”

Thương nhân cười: “Ta muốn dùng chân của nó thay cho thứ đồ thiệt của ta. Như vậy xem ra, thầy cũng có thể dùng số tiền này để mua chiếc bàn mới. Tôi cũng có thể phục hồi nguyên trạng được đồ thật của mình, vẹn cả đôi đường, cũng coi như thầy đã làm được một việc tốt, tích thêm công đức. Thầy thấy thế nào?”

Gã thương nhân lúc này vừa rất hưng phấn, miễn cưỡng dồn nén nỗi sợ hãi điên cuồng của bản thân, trong bụng nghĩ chiếc bàn này ít nhất cũng có thể bán được trên trăm nghìn, rốt cuộc bỏ ra mua có 1 nghìn; vừa giận mình ra giá cao quá và muốn xin tiểu hòa thượng giúp hắn chuyển ra, chờ hắn đến nhận. Nói xong bèn ba chân bốn cẳng chạy đi gọi xe.

Bấy giờ tiểu hòa thượng lo lắng xe của thương nhân quá nhỏ, không chở được chiếc bàn đó. Trong bụng nghĩ thương nhân dùng chiếc chân bàn, chẳng thà chia chiếc bàn làm hai nửa, để chở hơn bao nhiêu. Vì thế bèn lấy cưa cưa đứt chiếc bàn ra làm đôi.

Sau khi gã thương nhân quay trở lại, tức hộc máu, chẳng cất lên lời.

Không giả dối có thể nói là bản chất đơn thuần, không tham lam có thể nói là hiện tượng của đơn thuần, cả hai mãi mãi khăng khít bên nhau. Không giả dối, có thể giảm được nhiều chuyện phiền não; không tham lam có thể tránh được tội ác vô lượng. Bởi vậy, một hàm nghĩa khác của thanh tâm chính là đơn thuần.

Có một vị cao tăng từng nói: “Ta có một tấm thân Phật, người đời đều không biết, chẳng nhào nặn cũng chẳng cần trang sức, chẳng tô thêm, cũng chẳng khắc thêm. Không một mảy bunn, không chút màu mè, người vẽ chẳng được, trộm lấy chẳng xong, Thể tướng bốn tự nhiên, thanh tịnh chẳng cần phủi, mặc dù là một tấm thân, phân thân là nghìn vạn tỷ.” Đó chính là “Phân thân nghìn vạn tỷ, Chẳng đâu không gặp nguồn”, điều mà người đời nói.¹

-
1. Pháp sư Cự Tán - Pháp sư Cự Tán (1908 – 1984) là cao tăng nổi tiếng thời đương đại, tư tưởng Phật học của ông sâu sắc, thâm thúy, tự hình thành hệ thống, chiếm địa vị quan trọng trong lịch sử tư tưởng Phật giáo thế kỷ XX của Trung Quốc, nhiều lần ông được trúng tuyển ủy viên Chính hiệp cả nước, từng đảm nhận chức Ủy viên hội đồng thường vụ, Phó hội trưởng Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc, nghiên cứu về Duy thức, Thiền Đài, Hoa Nghiêm, Thiền học, Mật giáo... Tác phẩm có hơn trăm bài viết, như: “Linh Ấn tiêu chí”, “Tác phẩm của Bình Hùng Thập Lực”, “Long Thụ Đề Bà và Vô Chước Thế Thân”, “Hai đại sư Pháp Hiền và Huyền Trang”, “Pháp sư Cưu Ma La Thập”, “Thiền Đài và Giai Tường”, “Tư tưởng và phong thái của Thiền tông”, “Sự phát triển của tư tưởng Ban nhược tại khu vực người Hán ở Trung Quốc”.

Trí tuệ Thiền:

Đơn thuần cũng là thức ăn của đời sống tinh thần. Nó khiến cho một người tránh được những dày vò của phiền não, không bị dục vọng làm cho mê hoặc, từ đó mà được bình tâm tĩnh khí, khởi phát trí tuệ Ban nhược. Vì vậy, đơn thuần cũng chính là tâm Phật, nó thực lòng hiển lộ bản thân.

ĐẠO NHÂN LANH LỢI

Cuộc sống của con người vốn tự do, nhưng vì theo đuổi dục vọng thường phải hy sinh mất thứ tự do quý báu đó. Con người cam chịu hy sinh bản chất của mình nhằm theo đuổi thứ danh lợi nhất thời; chịu bán rẻ bản tính nhân hậu của mình, đi ngược lại bản chất cao quý của mình để làm một kẻ cù bất cù bơ, sống theo kiểu “bèo dạt mây trôi”. Khi con người mong cầu được sự khẳng định của người khác tất nhiên đã đánh mất tính nét quý giá nhất của bản thân.

Khi thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyên đời Đường ở trong am có nói với một vị hòa thượng mới đến thăm rằng: “Ta lên núi làm việc, tới giờ nhờ thầy làm cơm và đem một phần lên cho.”

Một lát sau, vị tăng này làm cơm cho mình ăn, trong lúc rảnh rỗi bèn nằm trên giường đánh một giấc. Nam Tuyền chẳng thấy tăng đem cơm lên, trở về Am thấy vị tăng đang ngáy o o. Nam Tuyền hài hước cũng nằm lên giường ngủ bên cạnh.

Một lát nữa, vị tăng dậy, vì thế Nam Tuyền nói: “Ngày trước ta từng gặp một Đạo nhân hoạt bên “lạnh lợi”, cho tới tận hôm nay vẫn chưa được gặp lại.

Tiếp theo ông cầm chiếc phát trần lắc lắc nói với vị tăng rằng: “Vị Đạo nhân lạnh lợi đó chẳng phải giống đây sao?”

Vị tăng nói: “Không giống”.

Nam Tuyền nói: “Thầy đã gặp ở đâu chưa, làm sao biết họ khác nhau.”

Vị tăng nói: “Nếu thầy muốn biết tôi đã gặp ở đâu, mời hòa thượng bỏ phát trần xuống trước đã.”

Nam Tuyền vui vẻ nói: “Ta đã ứng chứng cho cặp mắt trí tuệ hiển lộ tự nhiên của thầy rồi.”

Nếu vị tăng câu nệ mà không thoải mái thì mất đi tự do, cứ lo lắng việc quên đem cơm. Nếu bản thân là một Đạo nhân “lạnh lợi”, tự do tự tại thì rất tự nhiên xin Nam Tuyền bỏ cái phát trần có thể dùng để đánh người đó xuống, người muốn ông buông phát trần đúng là chủ thể tinh thần chủ động tự do.

Câu “Nhất bát thiên gia phạn, Cô thân vạn lý du, Thanh mục đồ nhân thiếu, Vấn lộ bạch vân đầu”, dồn nén bản tính của mình sẽ khiến cho năng lực sáng tạo hoàn toàn bị phá hoại, không chỉ làm mất đi óc hài hước mà còn khiến cho niềm vui thú trong cuộc sống cũng bị tiêu tan. Giải thoát từ trong ánh mắt của mọi người và thế tục, bấy giờ đâu thể nói rằng mình không sung sướng chứ?

Trí tuệ Thiền:

Tự do mà thiền gia nói là thứ trí tuệ bộc phát tự nhiên, giống như dòng suối hỷ xả vọt trào, như mây ngàn tự nhiên chưa từng bị trói buộc.

MUỐN GÌ ĐƯỢC NÀY

Triệu Châu vào cửa của Nam Tuyền, khi gặp Nam Tuyền, ông đang nằm nghỉ. Nam Tuyền hỏi: “Con từ đâu đến đây?”

Triệu Châu nói: “Từ viện Thụy Tượng tới.”

Nam Tuyền lại hỏi: “Đã gặp Thụy Tượng chưa?”

Triệu Châu đáp: “Chưa gặp Thụy Tượng, chỉ gặp Như Lai nằm.”

Vì thế, Nam Tuyền ngồi dậy, tỏ ra khá thương mến tiểu hòa thượng này. Vì thế, Nam Tuyền lại hỏi: “Con là tiểu hòa thượng có chủ, hay là tiểu hòa thượng lang thang vô chủ?”

Triệu Châu trả lời: “Con là Sa di có chủ.”

Nam Tuyền lại hỏi: “Ai là chủ của con chứ?” Bấy giờ Triệu Châu cung kính đi tới cạnh Nam Tuyền, không trả lời liền câu hỏi mà hành trì một cách bình thường, nói: “Mùa đông giá rét, hòa thượng Phù Duy tôn hầu vạn phúc.”

Vì thế, Nam Tuyền vô cùng coi trọng ông, vì Triệu Châu đã hiểu được cách biểu đạt tư tưởng không cần dùng tới lời lẽ mà dùng hành động bình thường để thể hiện.

Vài ngày sau, Triệu Châu hỏi Nam Tuyền: “Đạo là gì?”

Nam Tuyền nói với ông rằng: “Tâm bình thường chính là Đạo.”

Triệu Châu hỏi mãi tới chỗ Tâm yếu rằng: “Ngoài tâm bình thường còn có cảnh giới nào cao hơn nữa chứ?”

Nam Tuyền nói: “Nếu trong lòng còn tồn tại thú hướng gì, vậy Đạo đã bị méo mó rồi.”

Triệu Châu rất thông tuệ tìm ra nghi vấn, vì thế lại hỏi: “Nếu không có chủ hướng, con làm sao biết được đó là Đạo chứ?”

Vì thế Nam Tuyền nói một thôi, giống như nước suối trong lan tỏa làm tan biến các điểm nghi vấn của Triệu Châu. Ông nói: “Đạo không thuộc loại biết, không thuộc không biết; Biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu thực đạt tới Đạo không nghi ngờ, giống như Thái hư, mệnh môn bao la, đâu thể không mạnh hơn được thị phi tà chứ?”

Đạo trong cuộc sống chẳng phải là vấn đề biết hay không biết mà là vấn đề bộc lộ chân thành và thực tiễn trong cuộc sống bình dị. Một người trong cuộc sống thường ngày, lời lẽ cử chỉ, nếu có thể không đi ngược lại quy củ mà muốn gì được nấy, vậy chính là tâm bình thường; nếu không thể, vậy là hành vi thao túng. Đạo sống phải tránh xa lánh, phải thực thi lòng chân thành trên lời lẽ cử chỉ, không

vấy tạt, tác yêu, mà chân thực trong sáng. Vì thế, Triệu Châu nghe xong những lời đó liền đại ngộ.¹

Trí tuệ Thiên:

Tâm bình thường mà Thiên gia nói là phải vận dụng Phật pháp vào nhất cử nhất động trong đời sống thường ngày. Bởi vậy, bất cứ đâu cũng đều là nơi tu hành, phải tu hành rèn luyện trong tâm bình thường.

1. Đại sư Hàm Sơn

Đại sư Hàm Sơn (1545 – 1623), pháp danh là Đức Thanh, tự Trùng Ấn, một trong bốn cao tăng lớn đời Minh, ông vốn họ Thái, người Toàn Tiêu (nay thuộc An Huy). Hàm Sơn xuất gia năm 19 tuổi, học Thiền pháp ở núi Tích Hà, sau lại học pháp môn niệm Phật Tịnh Thổ tông. Từ đó trở đi, Hàm Sơn vân du khắp nơi, thanh danh cũng càng ngày càng lớn, năm Vạn Lịch ông tới núi Ngũ Đài, vì thích cảnh núi Hàm thần kỳ tú lệ ở Ngũ Đài mà lấy đó làm hiệu. Sau ông tới Quảng Đông hoằng dương Thiền tông, thuyết pháp ở chùa Bảo Lâm, Tào Khê của Lục Tổ Huệ Năng, chủ trương dung hợp Thiền tông và Hoa Nghiêm tông, hợp nhất tam giáo Phật Đạo Nho, được người bấy giờ tán đồng, danh tiếng khắp miền nam bắc Đại Giang. Tác phẩm của Hàm Sơn có hơn 10 bộ, như: “Pháp Hoa kinh thông nghĩa”, “Trang Tử nội thiên chú” đề cập tới tam giáo Phật, Đạo, Nho, môn đồ của ông còn tập hợp biên soạn thành “Tập Hàm Sơn mộng du”, “Hàm Sơn ngữ lục”...

VỊ THIỀN

Giáo dục về Thiền là quan niệm, kinh nghiệm, lễ nghi, cơ chế truyền bá Phật pháp hướng tới các tầng lớp trong xã hội và là phương thức, phương pháp khiến cho các giáo đoàn Phật giáo được lưu truyền tự thân. Mục đích cuối cùng của việc giáo dục Thiền là Duy chứng để biết mà giác ngộ thành Phật.

Môn cao nhất trong Thiền gia Mật tông có Tâm trung tâm pháp, thuộc Thượng thượng thừa mật pháp, mục đích quan trọng trước tiên của việc tu hành là minh tâm kiến tánh nhằm Vô tướng tất địa. Pháp này không nằm ở tướng cũng không xa rời tướng, 2/3 là Phật lực, 1/3 là Tự lực, bắt đầu tu từ Thức thứ 8, trước hết phá Vô minh, sau giảng Cái chướng, trong khoảng thời gian ngắn có thể khiến cho hành giả mở ra Bản lai, chứng đắc Căn bản.

Một hôm, nhà giáo dục nổi tiếng Hà Cái Tôn tới thăm Đại sư Hoằng Nhất (Lý Thúc Đồng), đúng lúc Đại sư Hoằng Nhất đang ăn cơm. Cái Hà thấy ông chỉ toàn ăn đồ mặn, trong bụng không nhịn được hỏi: “Chẳng lẽ thầy không chê những món này quá mặn sao?”

Đại sư Hoằng Nhất trả lời: “Mặn có vị của mặn chứ!”

Một lát sau, Đại sư Hoàng Nhất ăn xong, tay cầm lên chiếc ly nước lọc, ông Hà lại trau mày nói: “Chẳng lẽ không có trà à? Sao hàng ngày đều uống thứ nước nhạt này?” Đại sư Hoàng Nhất cười nói: “Nước lọc tuy nhạt, nhưng nhạt cũng có vị nhạt của nó.”

Vì, ông Hà và Đại sư Hoàng Nhất là đôi bạn thân thời trai trẻ, nhưng, khi Đại sư Hoàng Nhất chưa xuất gia, từng trải qua những ngày tháng sung sướng hát ca, bởi vậy mới hỏi như thế. Nhưng, Đại sư Hoàng Nhất đã sớm vượt qua sự phân biệt về mặn nhạt, sự siêu việt này chẳng phải không có mùi vị, mà là năng lực có thể tận hưởng được hương vị ngon thật sự của món mặn và thanh khiết của nước lọc.

Trí tuệ Thiền:

Con người phải học được cách tiếp thu, học cách thưởng thức các cảnh ngộ khác nhau và mùi vị trong cuộc sống. Ngọt ngào, chua chát, đắng xót, nhạt nhẽo, chúng ta đều phải học cách đối diện thẳng thắn.

TẤT CẢ ĐỀU HƯ VỌNG

Thiền sư Nam Tháp Quang Dũng khi mới học thiền sư Ngưỡng Sơn, Ngưỡng Sơn hỏi: “Con tới đây làm gì?”

Quang Dũng đáp: “Tới gặp thiền sư.”

Ngưỡng Sơn lại hỏi: “Gặp được thiền sư chưa?”

Quang Dũng trả lời: “Gặp được rồi!”

Ngưỡng Sơn lại hỏi: “Bộ dạng của thiền sư giống lừa không?”

Quang Dũng nói: “Con thấy thiền sư cũng chẳng giống Phật!”

Ngưỡng Sơn khó chịu hỏi tiếp: “Đã không giống Phật, vậy giống cái gì?”

Quang Dũng chẳng chịu thua trả lời: “Phàm thánh cả hai đều quên, Thê lộ hết tình, trong 20 năm, cũng chẳng có người nào hơn được người, người cố gắng bảo trọng.” Về sau, thiền sư Ngưỡng Sơn hề gặp ai cũng khen nói: “Quang Dũng có nhục thân Phật.”

Thiền sư Ngưỡng Sơn và thiền sư Quang Dũng bàn luận về chuyện không giống lừa, chẳng giống Phật, vậy rốt cuộc giống cái gì? Là giống mình. Chỉ có gặp được

Tự tính của mình mới có thể hư không một thể, giống gì? Giống tướng Hư không vô tướng. Giả sử có giống gì, chính là chẳng giống gì vậy. Người giống ma, trong ma cũng có người; Ma giống người, trong người cũng có ma. “Kinh Kim Cang” nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.” “Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai.” Hư không giống cái gì? Hư không vô tướng chẳng có gì không có tướng, thực là vì Hư không vô tướng mới có thể bao dung được tất cả; Hư không vô tướng, nên giống mọi thứ.

Trí tuệ Thiền:

Có thể quên cả phàm và thánh, thể dụng làm Một, đó chính là gặp được chân lý vô tướng rồi.

CẦU PHÁP NGOÀI TÂM, BỆNH ĐƯỢC MẮT

Thiền sư Văn Hỷ đi hành hương núi Ngũ Đài, trước khi tới, ngủ đêm trong lều tranh của một ông lão. Văn Hỷ hỏi ông lão rằng: “Nội dung đạo tràng này thế nào?”

Ông lão trả lời: “Rồng rắn hỗn tạp, phạm thánh giao nhau.”

Văn Hỷ hỏi: “Chúng sinh ở có bao nhiêu?”

Ông lão đáp: “Trước 33, sau 33.”

Hôm sau Văn Hỷ dậy, chẳng thấy lều tranh đâu, mà chỉ thấy sư tử Văn Thù ở trên không trung, tự hỏi hận mình có mắt mà không nhận ra Bồ Tát, để lỡ mất cơ hội.

Sau Văn Hỷ khai ngộ khi tới gặp thiền sư Ngưỡng Sơn, vì thế yên lòng ở lại đảm nhận công việc nấu nướng (Điển tọa). Một hôm ông lại thấy hiện thân của Văn Thù trên khói bếp, bèn lấy xẻng cơm đánh, rồi nói: “Văn Thù tự Văn Thù, Văn Hỷ tự Văn Hỷ, hôm nay làm mê hoặc ta nhiều quá.”

Văn Thủ đọc Kệ rằng: “Khổ qua liên cân khổ, Điem qua triệt để diêm, Tu hành tam đại kiếp, Khước bị giá tăng hiêm.”

Vi, không hiểu bản tính của mình, cả ngày cầu Pháp ngoài tâm, nên mắc bệnh được mất. Nếu có thể tự ngộ tự tánh, cái gọi là “Văn Thủ tự Văn Thủ, Văn Hỷ tự Văn Hỷ”, cả hai đều khác nhau, thực thì không khác biệt, hà tất tự hỏi hận phiền não làm gì?

Trí tuệ Thiền:

Tu thiền là ta và người một thể, tâm Thiền không có hai. Ngộ được bao nhiêu Không phải hai? Người ta chẳng phải hai, Tâm vật không là hai, Có không chẳng phải hai, vạn vật trong vũ trụ, thiên hình vạn trạng vốn là một trái tim Thiền vậy.

TÂM Ở TRONG NGỘ

Đời Đường có một thiền sư tên là Lãn Toàn ẩn cư trong một cái động ở Nam Nhạc, Hồ Nam, từng viết một bài thơ nhằm biểu đạt tâm cảnh của ông rằng:

Thế sự du du, Bất như sơn khâu.

Ngọa đẳng mộng hạ, Khởi thạch chằm đầu.

Bất chiêu thiên tử, Khởi ngưỡng vương hầu?

Sinh tử vô lụy, Cánh phục hà ưu?

Ý bài thơ này đã nói lên cuộc sống thoải mái của ông. Ông chính là thiền sư Lãn Toàn.

Về sau bài thơ này truyền đến tai của Đường Đức Tông. Đức Tông rất muốn gặp thiền sư, rốt cuộc ông là một nhân vật thế nào?

Vì thế bèn sai đại thần tới mời thiền sư. Đại thần mang thánh chỉ tìm tới động, đúng lúc thấy thiền sư đang đốt củi trong động, đại thần bèn la lớn trước cửa động: “Thánh chỉ giá đáo, mau quỳ tiếp chỉ!” Thiền sư Lãn Toàn trong động lại chẳng thêm để ý như giả câm giả điếc.

Đại thần ngó đầu vào nhìn, chỉ thấy thiền sư dùng phân trâu đốt lửa, thứ đốt trên lò là khoai lang, lửa bập

bùng, khói um, cả trong ngoài động đều mù mịt, hun cho thiền sư nước mắt giàn dụa. Thị vệ thấy không chịu được nói: “Áy! Thiền sư, nước mũi của thầy chảy ra rồi, tại sao không chùi?”

Thiền sư Lãn Toàn chẳng thèm quay đầu đáp: “Ta mới chẳng rồi để chùi mũi như người tục đấy?”

Thiền sư Lãn Toàn nói xong, bèn lấy kẹp gấp củ khoai nóng cho vào miệng, và xuýt xoa khen: “Ngon thật! Ngon thật!”

Đại thần thấy vậy, kinh ngạc ngẩn tò te. Lúc thiền sư Lãn Toàn ăn, tiện tay lấy hai củ đưa cho đại thần và nói: “Đang nóng ăn đi! Tam giới chỉ có tâm, Vạn pháp chỉ có thức, giàu nghèo quý tiện, sống chín cứng mềm, đừng có chia chúng thành hai bên trong ruộng tâm biển thức.”

Đại thần thấy cử chỉ kỳ dị và nói về Phật pháp khó hiểu như thế của thiền sư, chẳng dám trả lời, chỉ vội quay về triều, bẩm lại sự thực với hoàng thượng. Vua Đức Tông nghe xong vô cùng cảm thán nói: “Nước có vị thiền sư như thế, thực là phúc cho mọi người!”¹

1. Pháp sư Ứng Từ - Pháp sư Ứng Từ (1873 – 1965) là người huyện Hấp, tỉnh An Huy, ông vốn họ Dư, tự Hiên Thân, tự hiệu Hoa Nghiêm Tọa Chủ. Cả đời ông lấy việc hoằng dương Hoa Nghiêm tông làm nghiệp, tâm tông chính là tham Thiền. Ông là người đầu tiên đề xuất khắc ba loại bản dịch “Kinh Hoa Nghiêm, các kinh sơ như “Hoa Nghiêm ngũ giáo chương”, “Hoa Nghiêm đại sở diễn nghĩa sao”, “Pháp hoa”, “Lăng Nghiêm”, “Lăng Già”. Ông là

Trí tuệ Thiền:

Người tu Thiền, có người ở hồng trần, tâm ở núi rừng; có người ở đạo tràng, tâm trong thế tục. Người như thiền sư Lãn Toàn gặp Sùng chiếu của vua, coi như Diêm Vương gọi ma; báu vật ban thưởng coi như nổi lo liên đới, thực đã trở thành thánh tăng siêu việt nhân gian rồi.

một cao tăng yêu nước yêu giáo trong giới Phật giáo, trong thời kỳ kháng chiến, nhiều lần từ chối lời mời của địch yêu cầu ông chủ trì pháp hội. Khí tiết dân tộc đó được người đời xưng tụng. Tác phẩm chủ yếu của ông có “Tâm kinh thiền thuyết”, “Chính pháp nhãn tàng”, “Bát thức quy củ tụng lược giải”.

NHÀ SƯ HÀNH HƯƠNG

Tăng nhân chẳng ở nơi cố định, lúc đi tìm danh sư hoặc tự mình tu trình, có khi giáo hóa tha nhân, du quảng bốn phương. Tăng du phương chính là nhà sư hành hương. Các Thiền tăng xưa nay, có người hành cước vân thủy, có người ẩn cư lục tràm, có người ẩn nấu để tránh tên tuổi lụy vào thân, vào núi còn sơ chưa đi sâu, có người tiếp đãi thập phương, chờ người truyền đăng hữu duyên. Dường như đó vẫn chưa phải là những con số xác định thật sự, nhưng trong đó có quy luật vạn pháp đều là Một. Đó chính là việc lúc này, vì việc mà hành sự.

Thiền sư Vô Đức thường xuyên đi hành hương, một hôm ông tới chỗ của thiền sư Phật Quang. Thiền sư Phật Quang nói với ông rằng: “Thầy là một Thiền giả rất nổi tiếng, đáng tiếc tại sao không tìm một nơi ẩn cư chứ?”

Thiền sư Vô Đức bất đắc dĩ đáp: “VẬY NƠI NÀO MỚI LÀ CHỖ ẨN CƯ CỦA TA VẬY?”

Thiền sư Phật Quang nói: “Mặc dù thầy là một thiền sư trưởng lão rất tốt, nhưng đến cả chỗ ẩn cư cũng chẳng biết.”

Thiền sư Vô Đức nói: “Ta cưỡi ngựa đã 30 năm, chẳng ngờ hôm nay lại bị lừa làm té.”

Thiền sư Vô Đức ở lại chỗ của thiền sư Phật Quang. Một hôm, có một Học tăng hỏi: “Xa lánh Phật giáo Nghĩa học, nhờ thiền sư lựa chọn giúp con.”

Học tăng vừa muốn lễ bái, thiền sư Vô Đức nói: “Thầy hỏi hay đấy, thầy hỏi hay đấy.”

Học tăng nói: “Con định muốn thỉnh giáo thiền sư, nhưng...”

Thiền sư Vô Đức nói: “Hôm nay ta không trả lời đâu.”

Học tăng hỏi: “Sạch sẽ không vẩn chút bụi trần thì sao chứ?”

Thiền sư Vô Đức trả lời: “Chỗ này của ta chẳng chứa loại khách đó.”

Học tăng hỏi: “Gia phong thiền sư của thầy là gì?”

Thiền sư Vô Đức nói: “Ta chẳng nói cho thầy đâu.”

Học tăng không hài lòng hậm hực hỏi: “Tại sao thầy không nói cho con chứ?”

Thiền sư Vô Đức cũng không khách khí đáp: “Đó chính là gia phong của ta.”

Học tăng càng hậm hực nói: “Gia phong của thầy chính là chẳng nói một câu ư?”

Thiền sư Vô Đức nói: “Gỗ mõ!”

Học tăng đốp chát: “Ăn mày trên đường chẳng phải đều đang ngồi sao?”

Thiền sư Vô Đức đưa cho Học tăng một đồng tiền.

Học tăng cuối cùng tỉnh ngộ.

Vậy cuối cùng phải làm sao gì mới thực là hành vi cử chỉ sống thực sự của thiền tăng chứ? Giống như thiền sư Vô Đức nói: “Khi hành hương chỉ có hành hương, khi ở ẩn chỉ có ở ẩn.”

Trí tuệ Thiền:

Tâm như gương sáng, vật chiếu thì hiện, vật đi chẳng giữ! Giống như chim bay qua mây trắng, cá nhảy trên mặt nước, không trung chẳng để lại dấu tích, mặt nước chẳng lưu lại vết hằn, đừng phiền muộn vì sự vật tiêu tan mới có thể giữ được an nhiên tự tại.

HOẮC NHIÊN ĐẠI NGÔ

Thiền Quang Huệ Khả, Nhất Danh Tăng Khả vốn họ Cơ, người Hồ Lao (nay thuộc Hình Dương, Hà Nam). Ông là đệ tử nhập thất của thiền sư Thiên Trúc Bồ Đề Đạt Ma, được mệnh danh là vị tổ sư Thiền tông Đông Thổ thứ 2 trong lịch sử Thiền tông của Trung Quốc.

Về việc Huệ Khả theo Đạt Ma học Thiền gắn với hai câu chuyện là “Đứng tuyết” và “Chặt tay”, thể hiện thái độ học của ông. Người cầu Pháp không coi thân là thân, không lấy mạng làm mạng. Ông trải qua kiếp nạn vua Chu Vũ diệt Phật. Trong quá trình diệt Phật ông và người bạn là thiền sư Đàm Lâm đã cố gắng bảo vệ kinh và tượng Phật. Sau khi sự việc xảy ra ông xuống phía nam sống ẩn cư ở núi Hoãn Công, Thục Châu (nay thuộc huyện Tiềm Sơn, An Huy) và nhận đồ đệ truyền pháp ở đó. Sau khi triều Tùy kiến lập ông lại về Nghiệp Thành, tới năm Khai Hoàng thứ 13 đời Tùy (593) thì tịch hóa, hưởng niên 107 tuổi.

Thiền sư Huệ Khả vượt núi tới chùa Thiếu Lâm núi Sùng bá kiến tổ sư Đạt Ma xin ông khai thị và mong được làm đệ tử nhập thất. Đạt Ma đang tĩnh tọa, chẳng thêm để ý. Vì thế, Huệ Khả đứng ngoài cửa chờ, đúng lúc gió tuyết đầu trời, rất lâu sau tuyết dày tới gối. Đạt Ma thấy ông có

lòng thành cầu Pháp mới hỏi: “Con đứng lâu trong tuyết để cầu việc gì thế?”

Huệ Khả nói: “Chỉ mong thầy mở rộng cửa Cam lộ, quảng độ quần phẩm.”

Đạt Ma nói: “Đạo của chư Phật vô cùng huyền diệu, rộng rãi tinh cần, có thể làm được việc khó làm, có thể chịu được những thứ khó nhin, nếu không đạt, đem lòng coi thường, thờ ơ. Còn muốn mong muốn Chân thừa, phải chăm chỉ cần cù.” Huệ Khả nghe những lời chỉ bảo đó, liền lấy dao chặt đứt cánh tay trước Đạt Ma.

Đạt Ma nói: “Chư Phật cầu đạo vi Pháp vong hình, nay con đã đứt tay, còn cầu ở đâu?”

Huệ Khả đáp: “Đệ tử lòng chưa yên, xin tổ sư yên lòng cho con!”

Đạt Ma trầm ngâm: “Đưa tâm ra đây, ta yên cho con!”

Huệ Khả ngạc nhiên nói: “Con không tìm thấy tâm!”

Đạt Ma cười nói: “Ta đã làm cho con yên lòng rồi.”

Phiền não vốn là Không, Tội nghiệp vốn vô tự tính, Thức tâm tịch diệt, chẳng còn chỗ vọng tưởng, động niệm chính là Chính giác, cũng tức là đạo Phật vậy.¹

1. Pháp sư Chi Phong

Pháp sư Chi Phong (1901 – 1949) Thích Chi Phong, tự Tượng Hiên, người Ôn Châu, Triết Giang. Ông từng dạy ở Viện Phật học Mãn Nam, chủ biên tạp chí “Phật giáo hiện đại”, “Hải triều âm”, giỏi thuyết pháp, có những hiểu biết sâu sắc, về lý luận Phật giáo,

Trí tuệ Thiền:

Có thể giữ được một trái tim bình yên không xao trộn, Phật tính sẽ hiển hiện. Huệ Khả thay đổi một cái cuối cùng đã hoắc nhiên đại ngộ.

nhưng dùng lời lẽ dung dị dễ hiểu, bồi dưỡng hàng loạt học giả Phật giáo. Ông tinh thông tiếng Nhật, Kinh điển Phật giáo Nam truyền “Phổ Huệ tạng” mà Thượng Hải sưu tầm có những chỗ là bản dịch từ tiếng Nhật của ông. Tác phẩm của ông thường thấy trên tạp chí “Hải triều âm”, “Phật giáo hiện đại”, tác phẩm dịch từ tiếng Nhật còn có “Duy thức tam thập luận giảng thoại”, “Thiền học giảng thoại” rất được độc giả yêu thích.

LÂM TẾ BÁI TỔ

Mộ của tổ sư Thiên tông Trung Quốc đầu tiên là Đạt Ma nằm ở Ngô Pha, núi Hùng Nhĩ, tỉnh Hà Nam. Xưa nay tương truyền, tất cả các thiền sư phải tới nơi này tham bái một lần trong đời. Có một Thiền tăng vốn chưa được gặp mặt Đạt Ma, nhưng lại cam nguyện cả đời canh mộ cho tổ sư Đạt Ma. Thời Đại Tông nhà Đường, ngôi mộ của tổ sư Đạt Ma từng được phong hiệu là “Tháp Không quan của Đại sư Viên Giác”, bởi vậy mọi người gọi vị Thiền tăng canh mộ đó là chủ tháp.

Một lần, thiền sư Lâm Tế nổi tiếng trong thiên hạ tới bên mộ của tổ sư Đạt Ma. Thiền sư Lâm Tế chắc là truyền nhân đời thứ 11 của tổ sư Đạt Ma. Chủ tháp sau khi thấy bèn hỏi: “Xin hỏi Trưởng lão! Giá Pháp của ngài tới, xin hỏi ngài lễ Phật trước hay lễ tổ trước?”

Thiền sư Lâm Tế nói: “Mục đích tới của ta vừa chẳng phải lễ Phật, cũng chẳng bái tổ!” Chủ tháp nghe xong không hiểu, hỏi: “Xin hỏi Đại đức! Phật tổ và tổ sư với ngài có oán thù gì?”

Thiền sư Lâm Tế nghe xong câu đó, hỏi lại: “Thầy nói câu đó vì Phật tổ và tổ sư, vậy Phật tổ và tổ sư có cho thầy ân huệ gì không?”

Chủ tháp vừa nghe thế, mông lung chẳng biết nói sao. Rất lâu sau, chủ tháp xin hỏi: “VẬY, TÔI PHẢI BẮT ĐẦU TỪ Đâu CHỨ?”

Thiền sư Lâm Tế khai thị, nói: “Diệt trừ ân oán, phải hiểu Phật pháp bình đẳng mới có thể gặp được Bản lai diện mục của tổ sư.”

Chủ tháp lại hỏi: “Thế nào mới là Phật pháp bình đẳng chứ?”

Thiền sư Lâm Tế đọc bài Kệ trong “Tín tâm minh” của thiền sư Tăng Toản, vị tổ thứ 3 rằng: “Chí đạo vô nan, Duy hiem giản quyết; Đán mặc tăng ái, Động nhiên minh bạch.”

Cuối cùng chủ tháp đại ngộ. Thiền sư Lâm Tế đặc pháp ở nơi thiền sư Hoàng Bách. Lâm Tế chắc ghi lòng tạc dạ Phật cảnh “Bất chấp Phật cầu, Bất chấp Pháp cầu, Bất chấp Tăng cầu” của Hoàng Bách. Nay thấy mộ của tổ sư Đạt Ma và lễ Vô cầu của Chí Tôn khế nhập tâm tổ, còn chủ tháp chẳng biết, đối xử bằng tâm tri kiến phân biệt, nên mới hỏi trước rằng lễ Phật hay lễ tổ. Thiền sư Lâm Tế chẳng phải Phật và tổ đều không lễ mà là đã hợp nhất Phật và tổ trong Tự tính, bởi thế Phật và tổ đã chẳng còn phân biệt, hà tất thêm thù chuốc oán làm chi?¹

1. Pháp sư Hư Vân - Pháp sư Hư Vân (1840 – 1959), họ Tiểu, tên là Cổ Nham, cũng gọi là Diễn Sơ, tự Đức Thanh, hiệu Hư Vân, Hoan Du, quê ở Tương Hương, Hồ Nam sinh tại Tuyên Châu, Phước Kiến. Đại sư Hư Vân cả đời tập Thiền khổ hạnh có công

Trí tuệ Thiền:

Xóa bỏ đi lòng phân biệt thì những ân oán bên ngoài cũng không còn tồn tại.

chỉnh đốn, xây dựng chùa chiền Phật giáo. Ông từng giữ chức Hội trưởng danh dự Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc, thông tường cả 5 pháp Tào Động, Lâm Tế, Vân Môn, Pháp Nhãn, Vi Ngưỡng, tác phẩm có “Vân Cư sơn chí cáo”, “Trùng kiến Vân Cư sơn Chân Như tự sự lược”, “Vân Cư sơn chí trùng tu lưu thông tự”. Ông là một trong những nhân vật đại diện cho Thiền tông đương đại của Trung Quốc. Hai cuốn “Pháp hội của hòa thượng Hư Vân” và “Hư Vân hòa thượng Thiền thất khai thị lục” được nhiều người biết đến do người đời sau biên soạn.

BIẾN VÀ BẤT BIẾN

Khi Đường Vũ Tông hủy diệt Phật pháp, thiền sư Nham Đầu may một bộ áo thường, chuẩn bị tới lúc bắt đắc dĩ có thể ứng biến. Không lâu sau thánh chỉ ra, ra lệnh ép tăng ni hoàn tục, những cao tăng có tiếng còn phải bị bắt để xét xử, thiền sư Nham Đầu vì trốn tránh chính trị hà khắc, ông mặc vào bộ áo dân thường, đội mũ nan sụp lén vào một Phật đường sư cô tại gia tu hành. Bấy giờ sư cô đang ăn cơm ở Trai đường, Nham Đầu lảo đảo bước vào nhà bếp, cầm đũa bát cũng bắt đầu ăn cơm. Lúc đó có một Đạo đồng trông thấy ông liền nói với sư cô. Sư cô cầm gậy chuẩn bị tư thế đánh người và nói: “Ôi! Hóa ra là thượng tọa Nham Đầu, làm sao biến hình rồi?”

Thiền sư Nham Đầu chẳng hề vội vàng, an nhiên nói: “Hình có thể biến, Tính không thể đổi.”

Về sau, thiền sư Đại Nhan khi mới gặp thiền sư Nham Đầu, Nham Đầu đang nhỏ cỏ ở trước cửa. Đại Nhan đầu đội mũ lá bước lảo đảo tới, đứng sừng sững trước mặt Nham Đầu và lấy tay gõ vào mũ của Nham Đầu nói: “Thầy còn nhớ ta không?”

Nham Đầu túm một nhúm cỏ, đánh vào mặt Đại Nhan, nói: “Thế gian thay đổi vô thường, không nhớ đâu.”

Đại Nhan chẳng chịu nhượng bộ, nói: “Thế gian vô thường, nhưng Pháp tính vĩnh hằng, làm sao có thể không chịu nhận nợ chứ?”

Thiền sư Nham Đầu vừa nghe thế liền đánh cho Đại Nhan ba phát, vì thế Đại Nhan đứng lên đàng hoàng rồi mới vào Tăng đường. Bấy giờ thiền sư Nham Đầu nói: “Đã hàn huyên xong xuôi, về căn bản không cần phải bước tiếp vào Tăng đường nữa.”

Đại Nhan liền quay người đi ra, nhưng vào giờ ăn cháo sáng xong vào ngày sau, thầy lại vào tăng đường, vừa vào cửa, thiền sư Nham Đầu liền nhảy từ Pháp tòa xuống, một tay túm áo Đại Nhan nói: “Thầy nói mau, thầy nói mau, món nợ bất biến trước đâu rồi?”

Thiền sư Đại Nhan cũng một tay nắm lấy thiền sư Nham Đầu, nói: “Trong nhà sư cô, hình có thể biến, tính không thể đổi!”

Nói xong, cả hai người cười lớn.

Mọi Pháp nơi thế gian, hình tướng sinh diệt biến ảo, Pháp tính thì sẽ chẳng thay đổi. Giống như thế giới có thành, trụ, hoại, không, người có sinh, lão, bệnh, tử, tâm là sinh, trụ, dị, diệt, chỉ có Bản tính chư Pháp, tức Bản lai diện mục của chúng ta xưa nay chẳng hề thay đổi, trải qua muôn kiếp mà vẫn mới.

Thiền sư Nham Đầu trong thời chính trị bạo loạn, không có tự do tín ngưỡng đã đổi sang mặc áo dân thường, như ông nói, hình tướng có thể đổi, tâm tính bất biến.

Trí tuệ Thiền:

Mỗi người chúng ta nên hiểu rằng chân tâm của mình không đổi, giống như vàng có thể biến hình thành khuyên tai, nhẫn, vòng, nhưng bản tính vàng của nó chẳng hề thay đổi. Con người lưu chuyển trong Ngũ thú, còn Bản tính kỳ thực chẳng hề thay đổi.

“CÁI NÀY” LÀ GÌ

Trên lầu Tàng kinh, có một Thiền giả vốn chẳng bao giờ đọc kinh, hàng ngày chỉ gõ mõ. Vì thế, Tàng chủ quản lý lầu Tàng kinh hỏi: “hàng ngày Đại đức gõ mõ, tại sao không đọc kinh vậy?”

Thiền giả trả lời thành thật rằng: “Vì, ta chẳng biết chữ.”

Tàng chủ nói: “Tại sao không nhờ người dạy?”

Thiền giả hỏi lại: “Phải nhờ ai dạy?”

Tàng chủ không khách khí nói: “Thầy có thể thỉnh giáo ta!”

Thiền giả đứng dậy, ra lễ, chấp tay hỏi: “Xin hỏi cái này là gì?”

Tàng chủ nghe thấy câu hỏi đó, bấy giờ không biết nói sao, vì “Cái này” nhằm chỉ Tự tính, rốt cuộc có là thứ gì chứ?

Thiền tông không lập ngôn ngữ, văn tự, thực vì ngôn từ, lời nói không thể biểu đạt được Bản lai diện mục của Bản tính chân như. Lục tổ Đại sư Huệ Năng ban đầu khi chưa tới Hoàng Mai, thì đã có thể nghe kinh giải nghĩa,

nhưng đối với việc lớn của “Nhà mình” chưa hề khế nhập, tới chỗ Ngũ tổ, mặc dù cả ngày làm khổ dịch ở phường xay, chưa từng nghe kinh đọc tạng, nhưng cuối cùng có thể minh tâm kiến tánh, có thể thấy ngộ đạo chẳng phải có được từ văn tự.¹

Trí tuệ Thiền:

Thiền giả trên lầu Tàng Kinh mặc dù chẳng xem kinh, nhưng có thể tu hành một cách thành thực, hàng ngày chỉ quan tâm đến việc gõ mõ. Tàng chủ từ bi, khuyên thầy đọc Tàng, Thiền giả cực chẳng đã, đành phải tương thị bằng ngộ cảnh. Thiền không giới hạn bởi văn tự, chỉ cần tham cứu chuyên cần, vẫn có thể ngộ ra Bản lai diện mục.

-
1. Pháp sư Minh Chân - Pháp sư Minh Chân (1902 – 1989) từng giữ chức Phó hội trưởng Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc, thư ký, Phó viện trưởng Viện Phật học Trung Quốc, chuyên nghiên cứu về “Tương tông lạc sở” của Vương Thuyền Sơn, “Thiền nguyên chú thuyên tập đô tự” của Tông Mật. Ông có rất nhiều bài viết đăng trên tạp chí “Hải triều âm”, “Phật giáo hiện đại”, “Pháp âm”, tất cả bài viết vào khoảng 700 nghìn chữ. Tác phẩm chủ yếu của ông có “Thân phi thị ngã luận”, “Nghiên cứu về ngũ uẩn giai không”, “Suy đoán về Đại thừa bách pháp minh môn luận”, “Thiền là gì”...

THƯỢNG TỌA NƠI ĐÂU

Thiền sư Hoàng Nghiệt gọi thiền sư Lâm Tế đưa bức thư cho đồng môn Vi Sơn là thiền sư Linh Hựu.

Thiền sư Vi Sơn kêu thiền sư Ngưỡng Sơn phụ trách việc tiếp đãi Lâm Tế. Sau khi Ngưỡng Sơn cầm bức thư bèn hỏi: “Bức thư này đã là của thượng nhân Hoàng Nghiệt, xin hỏi bức thư nào là của thượng tọa vậy?”

Thiền sư Lâm Tế vừa nghe câu ấy liền nói: “Tôi đã giao cho thầy rồi mà.”

Vi thế, cả hai người họ đều cùng tới gặp thiền sư Vi Sơn Linh Hựu. Vi Sơn hỏi Lâm Tế: “Ở đó thiền sư Hoàng Nghiệt có bao nhiêu đệ tử?”

Thiền sư Lâm Tế nói: “Có bảy trăm người.”

Thiền sư Vi Sơn lại hỏi: “Ai làm thượng tọa?”

Thiền sư Lâm Tế nói: “Vừa rồi ta đã nhờ sư huynh Ngưỡng Sơn đưa thư cho thầy rồi.”

Thiền sư Ngưỡng Sơn cầm bức thư ra, nói: “Thư ở đây, thượng tọa không biết ở đâu nhỉ?”

Thiền sư Lâm Tế hỏi lại thiền sư Vi Sơn: “Cho hỏi ở đây có bao nhiêu đệ tử?”

Thiền sư Vi Sơn nói: “Có một nghìn năm trăm người.”

Thiền sư Lâm Tế nói: “Nhiều người quá nhỉ!”

Thiền sư Vi Sơn nói: “Thầy Hoàng Nghiệt ở đó cũng chẳng ít.”

Thiền sư Lâm Tế nói: “Người đã nhiều, xin thầy hãy trả cho chúng tôi một thượng tọa đi!”

Thiền sư Vi Sơn không đáp, chỉ dẫn dò Ngưỡng Sơn đưa cho Lâm Tế một hồi.

Thiền sư Ngưỡng Sơn trên đường nói với thiền sư Lâm Tế: “Thầy đi về hướng bắc! Nơi đó có thể tìm thấy thượng tọa.”

Thiền sư Lâm Tế nói: “Có chuyện đó chẳng?”

Thiền sư Ngưỡng Sơn chẳng hề do dự, khẳng định rằng: “Dù thầy có đi! Thượng tọa tự nhiên sẽ nhận ra thượng tọa, chỉ có điều là có đuôi không có đuôi, có thủy mà vô chung thôi.”

Thiền sư Lâm Tế sau khi tới Trấn Châu, thiền sư Phổ Hóa rõ ràng đã ở đó trước, khi thiền sư Lâm Tế muốn xây dựng Tăng đường, bèn mời thiền sư Phổ Hóa làm người hiệp trợ bên cạnh thượng tọa. Vào thời thiền sư Lâm Tế giáo hóa đang thịnh, thiền sư Phổ Hóa tự nhập diệt.

Trí tuệ Thiền:

Thiền sư đối với nhiều sự việc, cảnh ngộ xưa nay chủ yếu không nói ra, nhưng các thiền sư đối xử với học trò lại coi trọng từ bi, lời nói thường ẩn vào trong, đó chính là muốn người nghe tỏ lòng biết ý.

MỘT ĐỒNG GIẤY LỘN

Thiền sư Bạch Ẩn có một đệ tử tự nhận mình đã khai ngộ, vừa chẳng bái Phật, cũng chẳng thấp nhang, thậm chí thường xé “Đại bán nhược kinh” làm giấy lót và hay nói: “Ta chính là Phật, kinh văn là thuyết pháp của Phật, ngày nay đã có Phật ở đây, những kinh văn này toàn là đồng giấy lộn, lấy làm giấy lót có gì không được chứ!”

Thiền sư Bạch Ẩn biết sự việc đó bèn nói với cậu: “Nghe nói con đã thành Phật rồi, đáng vui đáng mừng thay! Nhưng, mong Phật đáng tôn quý biết bao, dùng loại giấy lộn này làm đệm lót, chẳng phải quá không tương xứng sao? Từ sau con phải dùng giấy trắng sạch đây!”¹

Trí tuệ Thiền:

1. “Siêu độ” Ý nghĩa thực tế của siêu độ trong Phật giáo là vượt qua sinh tử, cùng độ hai bờ Niết bàn, không chỉ nhằm siêu độ vong linh. (1) Khiến cho những kẻ mê vong, tà kiến trong thế giới hiện sinh trở về chánh kiến, uốn nắn tư tưởng, phá mê khởi ngộ, là danh siêu độ, là siêu độ về tư tưởng; (2) Có thể dựa vào chánh kiến mà bắt đầu tu tập, vì tu mà được chứng ngộ, đắc nhập Niết bàn, giải thoát sinh tử trong hiện sinh, xa rời Luân hồi lục đạo, là danh siêu độ hiện sinh; (3) Sau khi chết, quyến thuộc mời những thầy xuất gia với tấm lòng thành để khai thị, niệm Phật, tụng kinh, làm Phật sự... cho những người đã chết, phổ lệnh vong linh được vãng sanh Tịnh thổ, là siêu độ sau Danh thiện.

Bất thường phải có thực lực bất thường; mâu thuẫn phải có sự thống nhất trong mâu thuẫn. Xiềng xích sắt có thể trói người, xiềng xích vàng cũng có thể buộc con người như vậy. Cõi kinh Phật là giấy lộn, đó là điều có thể nói được sau khi đã ngộ thấu chân lý vũ trụ. Giấy trắng phải biết tiếc, giấy lộn cũng phải biết quý trọng.

KHÔNG VÀ SẮC

Một hôm, có người cầm chiếc khăn quần bụng nhỏ xinh đẹp của cô gái lâu xanh dùng để quần bụng đưa cho hòa thượng Trạch Am ở chùa Đông Hải xem, ý muốn chơi ông một phen.

Không ngờ hòa thượng nở nụ cười, rồi nói: “Thêu đẹp quá! Lão nạp cũng thích những người đẹp hạng đó theo cùng đấy!” rồi cầm bút viết một đoạn Kệ:

Phật mại pháp, tổ sư mại Phật, mạt thế chi tăng mại tổ sư.

Hữu nữ mại khước tứ xích sắc thân, tiêu an liễu nhất thiết chúng sinh đích phiền não.

Sắc tức thị không, không tức thị sắc. Liễu lục hoa hồng, dạ dạ minh nguyệt chiếu thanh trì. Tâm bất lưu diệc ảnh bất lưu.

Thiền chính là hư không. Hư không này chẳng phải hư không ở đây. Không tức chính là trí tuệ, hư tức là lòng trống. Còn mục đích học Thiền vốn là vì thanh tâm qua dục, khai phát trí tuệ, nâng cao lòng từ bi. Nếu tâm không thể tĩnh, vẩn vào ngoại vật, đối diện với sự việc bằng tâm thái thế tục, thì làm sao tu Thiền được? Bởi vậy, tâm trong

vạn sự tĩnh, tâm chẳng lưu giữ thì hình ảnh đâu còn ở lại, mọi thứ đều sẽ “không”.¹

Trí tuệ Thiên:

Sắc tức thị không, không tức thị sắc. “Sắc” nhằm chỉ mọi vật có hình sắc, chỉ có cảm nhận của “Tâm” mới phát sinh tác dụng. Nếu tâm không giữ sắc ở lại, mọi thứ “sắc” sẽ hóa thành “không” thôi.

-
1. Nghi thức khai quang trong Phật giáo. Tất cả các tự viện mới đưa tượng Phật về an vị, phết sơn, dán vàng hoặc tô, dán vàng lại tượng Phật cũ đều phải cử hành nghi thức “khai quang”. “Khai quang” là một trong những nghi thức long trọng nhất của nhà Phật. Trước khi khai quang nhất định phải chọn ngày lành giờ tốt và nơi thánh địa kiết giới, đồng thời sắp xếp những thức cúng Phật như lọng (bạn cái), cờ, hương hoa, nước quả, đèn... Khi khai quang thường do Phương trượng cầm khăn sạch phất qua lại trong không trung, nhằm biểu thị tượng Phật mới tinh khiết, tiếp đó dùng gương tròn chiếu sáng tượng Phật, cầm bút điểm mắt, chúng tăng ni lễ Phật, miêng hát tán ca, đồng thời các chùa lớn khắp núi đều gióng chuông đánh trống đề chúc mừng.

TRI SẮC TRI DỤC

“Sắc” trong sắc giới của Phật giáo không phải là màu sắc, cũng chẳng phải nữ sắc, mà nhằm chỉ vật chất. Phật pháp cho rằng, nhận thức về vật chất của chúng ta chủ yếu dựa trên hai phương diện: thứ nhất là Hiện sắc, tức là hình sắc, hình trạng. Bất kỳ hiện tượng sự vật nào cũng đều thông qua hai kênh Hiện sắc và hình sắc để phơi bày trước mặt chúng ta, bởi vậy, trong Phật pháp định danh hiện tượng vật chất là “sắc”.

Trời sắc giới ở trên Trời lục dục, sự hưởng thụ Trời dục giới là sự khoái lạc về vật dục, còn trời sắc giới thì hưởng thụ sự khoái lạc và Thiền khoái. Cái trước là vật chất, cái sau thuộc về tinh thần, tương ứng như vậy, yêu cầu tới Trời dục giới và Trời sắc giới cũng có những khác biệt.

Một người thầy kiểm tra đệ tử, hỏi: “Lấy gì để đề phòng sắc chứ?”

Đệ tử A đáp: “Con sẽ xa lánh nhân gian, mãi mãi không nhìn sắc thì cả đời này làm gì có sắc?”

Thầy nói: “Trong mắt không có sắc mà lòng thường đắm, cho dù xa hàng ngàn dặm chỉ càng tăng thêm?”

Đệ tử B nói: “Con nhìn mọi sắc, bỗng như đầu lâu xương trắng, dơ dáy khủng khiếp, bản thân chẳng hề lưu luyến sắc.”

Thầy nói: “Khi yêu đương si mê, đầu lâu xương trắng cũng thấy đẹp hơn hoa đào gấp ngàn lần, làm sao có thể nói rằng không lưu luyến chứ?”

Đệ tử C nói: “Những thứ tràn ngập trong mắt vốn chẳng phải sắc, nhìn cũng như chẳng thấy vậy.”

Thầy nói: “Rõ ràng biết là sắc sao có thể nói không, rõ ràng đã nhìn thấy làm sao có thể coi như chẳng thấy vậy? Tự lừa phỉnh, dối người sao!”

Đệ tử D nói: “Tuồng như người đây ngắm hoa, chim vậy, tránh sao khỏi vạn vật thường vẫn lấy ta?”

Thầy nói: “Thế thì cỏ và hoa cỏ núi đá, những chúng sinh vô tình khác gì nhau chứ?”

Đệ tử E nói: “Sắc là sắc, ta là ta, thấy coi là thấy, thấy thì đã sao? Tránh cái tránh, tránh cũng đừng ngại! Bàn luận chi cho vô ích.”

Thầy khen: “Thiện tai thiện tai, con biết sắc rồi đó!”

Nếu chúng ta có thể bỏ thí và thọ trì ngũ giới thập thiện, lấy tài sản mà mình có, kỹ thuật biết được, năng lực tiềm tàng ban phát cho tha nhân, rồi tịnh hóa đức hạnh của mình bằng giới luật để trói buộc hành vi, thì có thể lên tới Trời dục giới; còn muốn tới Trời sắc giới, chỉ có bỏ thí hay

thọ trì ngũ giới thập thiện thôi chưa đủ, còn phải tu tập thiện định, chỉ có trên cơ sở thiện định đầy đủ mới có thể tiếp tục lên tới Trời sắc giới với cảnh giới cao hơn.

Trời sắc giới còn chia làm Tứ thiên Thập thất trùng thiên, tức ban đầu thiên Tam trùng thiên, nhị thiên tam trùng thiên, tam thiên tam trùng thiên, tứ thiên bát trùng thiên, từ cảnh giới thiên định quyết định cảnh giới của nó trong Trời sắc giới. Trong Tam giới, cảnh giới cao nhất chính là Giới vô sắc. Giới vô sắc là thế giới sống thuần tinh thần. Nó là kết quả có được từ việc tu bốn loại Không định; tức Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi tưởng phi xứ định.

Trí tuệ Thiên:

Thích Ca Mâu Ni nói: “Sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ tướng hành thức diệc phục như thị.” Và Phật chẳng hề chấp vào sắc, cũng chẳng chấp không.

SẮC TỨC THỊ KHÔNG

Một lần, thiền sư Động Sơn hỏi thiền sư Vân Cư rằng: “Thầy có yêu sắc không?”

Vân Cư đang sàng đậu, nghe thấy Động Sơn hỏi vậy bỗng giạt nảy mình, đậu ở trong rổ cũng bắn ra, lăn xuống dưới chân của Động Sơn. Động Sơn cười cúi xuống nhặt từng hạt đậu lên.

Thiền sư Vân Sơn vẫn văng vẳng bên tai câu nói vừa rồi của thiền sư Động Sơn. Ông không biết phải trả lời sao, vấn đề đó quả thực chẳng biết phải trả lời thế nào.

“Sắc” bao hàm phạm vi rất rộng! Nữ sắc, nhan sắc, sắc mặt...

Bạn mặc quần áo có chọn màu sắc không? Bạn ăn thức ngon, rượu ngon có coi trọng màu sắc của món ăn, tửu sắc không? Bạn chọn nơi ở có chú ý tới tường màu gì không? Bạn sẽ dựa vào vẻ mặt của người khác để hành sự chứ? Bạn có hám cái lợi về tiền của, vàng bạc không? Bạn có yêu vẻ đẹp diễm lệ của nữ sắc chứ?

Thiền sư Vân Cư bỏ rổ tre xuống, trong lòng vẫn còn bồn chồn. Ông nghĩ hồi lâu mới trả lời: “Không yêu!”

Động Sơn cứ ở kế bên thấy Vân Cư sợ sệt, né tránh, trốn miết, ông nói với vẻ nuối tiếc: “Trước khi trả lời câu hỏi này thầy nghĩ kỹ chưa? Chờ tới lúc thầy thực sự đối diện với nó, có thể đối diện thân nhiên được không?”

Vân Cư nói lớn: “Đương nhiên được!”, sau đó ông nhìn nét mặt của thiền sư Động Sơn, hy vọng có thể tìm được câu trả lời, nhưng Động Sơn chỉ cười, chẳng trả lời gì.

Thiền sư Vân Cư cảm thấy quái lạ, hỏi lại: “Vậy ta hỏi thầy một câu được không?”

Động Sơn nói: “Thầy hỏi đi!”

Vân Cư hỏi: “Thầy thích nữ sắc không? Khi đối diện với sự cám dỗ, thầy có thể ứng đối thanh thân được chứ?”

Động Sơn cười ha hả, nói: “Ta đã nghĩ ra rằng thầy sẽ hỏi vậy! Ta thấy họ chẳng qua là vẻ đẹp bề ngoài nhằm che đậy những thứ hôi thối sau lớp da trắng mà thôi. Thầy hỏi ta có yêu không, yêu và không yêu có quan hệ gì chứ? Chỉ cần trong lòng kiên định suy nghĩ của mình thì được, hà tất phải lưu ý xem người khác nghĩ gì!”

Trí tuệ Thiền:

Sắc tức thị không, không tức thị sắc. Trong mắt có sắc, trong lòng vô sắc mới có thể đối diện với các loại cám dỗ ở đời một cách thân nhiên.

CÂY KHÔ VÁCH LẠNH

Có một vị hòa thượng sống vô cùng thanh tịnh nghiêm cần, dường như tiền gần tới cảnh giới của thánh nhân vậy. Vì thế, bên cạnh ông có không ít người đi theo. Trong đó có một bà lão rất ngưỡng mộ ông, như thế 20 năm qua luôn cúng dường thanh tăng.

Song, nói về cách cúng dường của bà lão này lại khá kỳ quặc. Bà thường chọn ra một số thiếu nữ xinh đẹp tới phục dịch thanh tăng ăn uống, ngủ nghỉ. Nhưng, mỹ nữ đối với vị thanh tăng mà nói chẳng khác nào như tiền vàng đối với mèo, chẳng có tác dụng gì. Hay là cần câu đối với mèo có sức hấp dẫn rất lớn? Điều đó cũng không thể biết được.

20 năm trôi qua.

“Đã tới lúc rồi.” Bà lão ngẫm tính trong bụng.

Vì thế, một hôm ba dặn dò tỉ mỉ cô gái mê hoặc hòa thượng.

“Lại đây! Đẹp không nào!” Cô gái được dặn dò làm điệu bộ khêu gợi, thủ thi lời đường mật bên tai thanh tăng.

Lúc ấy, thanh tăng lại nói: “Cây khô dựa vào đá lạnh, ba mùa đông cũng chẳng có được hơi ấm đâu.”¹

* Ba đông nhằm chỉ: mạnh đông, trọng đông, quý đông, cũng chính là 3 tháng trong mùa đông. Vào mùa đông lạnh giá, dựa vào cây khô trên vách đá càng chẳng có được hơi ấm. Thanh tăng nói câu này nhằm bày tỏ lòng mình vì đã triệt ngộ mà trong thanh tĩnh lặng, chẳng hề mảy may động bởi sắc đẹp. Xem ra, vị thanh tăng có thể thực đã tu tới cảnh giới “Như như bất động”.

* Cô gái sau khi trở về bèn bẩm báo lại tường tận với bà lão. Bà lão vừa nghe liền hằm hằm quát lên: “VẬY mà ta đã cúng dường lão 20 năm nay...” nói xong, bà bèn đuổi thanh tăng ra khỏi lều tranh, và còn phóng hỏa đốt trụ.

-
1. Thần Ca Lan – Thiên thần hộ pháp trong Phật giáo - Thần Ca Lan trong những vị thần hộ pháp Phật giáo Trung Quốc theo truyền thuyết là hóa thân của Quan Vũ vị danh tướng thời kỳ Thục Hán. Trí Kỳ (đời Tùy) người đầu tiên sáng lập ra Thiên đài tông khi xây dựng chùa Ngọc Tuyền, hồ báo trên núi kêu gào, trần rần chấn đường, ma quỷ gầm rú, âm binh hù dọa, Trí Kỳ vẫn bình thản. Bấy giờ xuất hiện hai người, một là “Uy nghi như vua, đẹp đẽ đầy đặn”, người thứ hai “Áo mũ chỉnh tề, râu tóc tuấn tú”; hai người đó chính là cha con Quan Vũ và Quan Bình. Đại sư điểm hóa nói: “Ngài qua 5 cửa ải chém 6 tướng, hãy vào ở núi này đi.” Quan Vũ lãnh ngộ và mong muốn được bảo vệ Phật pháp vĩnh viễn, quy y Phật môn. Từ đó Quan Vũ trở thành “Thần Ca Lan” của chùa Ngọc Tuyền. Con trai Quan Vũ là Quan Bình trở thành Tả Hiệp Thị, Châu Xương thành Hữu Hiệp Thị.

* Đó chính là điển cố của “Khổ Mộc Hàn Nham”.

* Bởi vậy, học Thiền bước thứ nhất chính là kiểm soát hoạt động của tâm thức mình. Nếu có thể kiểm soát được, tâm được tự do, có thể nói là đã tiến một bước dài tới thiền rồi.

Trí tuệ Thiền:

Thiền chính là muốn làm cho tâm của chúng ta được kiểm soát và thoát khỏi sự lầm lạc, mê hoặc.¹

-
1. Tướng quân Vi Đà – Thiên thần hộ pháp trong Phật giáo. Thân vị của Tướng quân Vi Đà nằm ở điện Thiên Vương, đối diện (Đại hùng bảo điện) với tượng của Thích Ca Mâu Ni, một trong những vị thần Hộ pháp trong Phật giáo. Tượng thần thường được mặc giáp vàng, mũ vàng, tay cầm Kim cang xử (pháp khí). Về truyền thuyết thần Hộ pháp Vi Đà có hai câu chuyện: (1) Vi Đà là hóa thân của Bồ Tát, vì hộ trì Phật môn, trấn áp ma quỷ, đánh tà phù chính mà được hiển hiện dưới dạng thân tướng quân, kỳ thực ông cũng là Phật, tức Phật Lô Lô Chí. (2) Sau khi Phật tổ nhập Niết bàn, “Tà ma” đánh cắp di cốt của Thích Ca Mâu Ni, Vi Đà truy đuổi, cuối cùng giành được di cốt về. Bởi vậy, Vi Đà được người đời cho là có khả năng trừ tà ma, bảo hộ Phật pháp, tôn xưng thành thần.

KHAI NGỘ TÂM SẾ YÊN

Vua Lương Vũ thời kỳ Nam Bắc triều ở Trung Quốc có thể nói là một vị hoàng đế tu dưỡng đạo đức tốt nhất trong các triều đại.

Vua Lương Vũ từng trông coi việc khai đường giảng giải “Bán nhược kinh” và “Niết bàn kinh”, đồng thời vô cùng tự hào về việc đó. Vì thế, khi ông hội kiến Bồ Đề Đạt Ma (tổ sư Đạt Ma) từ Thiên Trúc tới Trung Quốc, không giấu được vẻ đắc ý tự mãn. Bấy giờ vua Lương Vũ hỏi tổ sư Đạt Ma rằng: “Từ khi trầm lên ngôi đến nay đã xây dựng không ít chùa chiền, in ấn nhiều kinh điển, cũng như cúng dường tăng ni không kể xiết. Ngài cho rằng công đức của trăm nhiều bao nhiêu vậy?”

“Chẳng có chút công đức gì đáng nói cả.” Tổ sư Đạt Ma lạnh lùng trả lời.

Nghe câu trả lời như vậy, vua Lương Vũ vô cùng kinh ngạc, vì thế bèn vội vàng thay đổi đề tài: “Chân lý tối cao là gì vậy?”

“Chẳng có chân lý tối cao”, Đạt Ma trả lời.

Vua Lương Vũ lại hỏi: “Nếu thế, trước mặt trăm bây giờ là ai?”

“Không quen”, Đạt Ma nói.

Nói đến đó, dường như thấy vẻ mặt vua Lương Vũ lộ rõ vẻ bàng hoàng, lúng túng. Vua Lương Vũ tự nhận rằng mình xây chùa, viết kinh, cúng tăng... tích đức được không ít công đức, vì thế mong muốn nhân đó nhận được sự khẳng định và tán thành của tổ sư Đạt Ma. Không ngờ tổ sư Đạt Ma nói “Chẳng hề có công đức gì” với thái độ lạnh nhạt, mở miệng phủ định hết tất cả.

Còn câu trả lời không có công đức của Đạt Ma chính là thủ pháp dùng Già đoạn, khiến cho đối phương hiểu những công đức đó là nhân quả báo ứng nhỏ mọn của thế gian, nếu tự cho là thành tựu ghê gớm, ngược lại sẽ trở thành cái nhân của dục vọng. Vì thế, câu trả lời của Đạt Ma không phủ nhận hoàn toàn giá trị của việc xây chùa, viết kinh, cúng tăng, nhưng vì muốn phá vỡ chấp chước của vua Lương Vũ đối với công đức bố thí để cho ông có thể tiến tới cảnh giới cao hơn.

Vì vua Lương Vũ có lòng tin đối với Phật giáo, xây dựng chùa chiền khắp nơi, lễ bái tăng lữ, khiến cho thủ đô (Kiến Khang) lúc bấy giờ trở thành nơi tập trung du học của tăng lữ khắp các nơi. Vì, vua Lương Vũ dùng quá nhiều tài lực vào việc hộ trì Phật giáo, nên bị phê phán là nguyên nhân làm cho tài chính túng quẫn, sức nước suy yếu. Thế còn nói gì công đức?

Trí tuệ Thiền:

Khai ngộ thì tâm tự nhiên yên ổn, đó chính là mục đích của thiền. Cứ một mục vọng chấp vọng vì sẽ nảy sinh phiền muộn. Thế giới vốn chẳng phải là một vật gì, hà tất gượng cầu, nhân quả đặc báo.

NGỘ ĐẠO BẰNG VẬT

Có một vị quốc vương tính khí vốn hiếu thắng, ngạo mạn gân dờ, đề cao mình quá đáng. Nhưng lại có lòng hướng Phật, song bản thân lại khó thể yên lòng để tu hành.

Ông có một cái thú là đá gà. Vì thế, sai một vị cao tăng đắc đạo huấn luyện gà đấu cho mình hòng đem đến chiến thắng.

Một hôm, quốc vương hỏi cao tăng: “Hòa thượng, nay đã được nhiều ngày rồi, gà đã nuôi tốt chưa?”

Cao tăng trả lời: “Chưa được, giờ gà còn ngạo mạn tự đại, khó thể kiềm chế.”

Quốc vương trong bụng biết rằng nói về mình, vì thế trở về bình tâm tĩnh trí vài ngày rồi lại tới hỏi, “Cao tăng, giờ con gà này có thể nuôi tốt được chưa?”

“Vẫn chưa được, chúng vừa nghe thấy tiếng động thì bèn hoảng sợ.” Cao tăng trả lời.

Vì thế, quốc vương lại trở về bình ổn tâm thái, sau vài ngày lại hỏi: “Giờ thì thế nào?”

Cao tăng lại nói: “Chưa xong, vẫn còn ánh sáng sắc nhọn chĩa vào người khác.”

Bấy giờ quốc vương đã đồn ngộ, rồi sau vài ngày tới hỏi: “Sur phụ gần đây có được an khang?”

Cao tăng hỏi: “Bệ hạ có còn muốn hỏi về gà đấu thế nào nữa không?”

“Chẳng còn quan trọng nữa rồi, trăm giờ đã chẳng còn đấu gà. Lúc này là muốn tới thăm thầy, hơn nữa muốn được vạch đường chỉ lối.” Quốc vương hòa nhã trả lời.

Cao tăng cười nói: “Tạm tạm rồi, chúng đều đã đạt tới cảnh giới cao nhất “trông như gà gổ” cả.”¹

Trí tuệ Thiên:

1. Tứ Đại Thiên Vương – Thiên thần hộ pháp trong Phật giáo. Tứ Đại Thiên Vương là nhân vật trừng phạt cái ác, khuếch dương việc thiện trong thần thoại Ấn Độ. Chức trách của họ là hộ quốc an dân, khuyến thiện trừ ác. (1) Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương, danh hiệu La Trá, mặc áo màu trắng, tay cầm tỳ bà bích ngọc, là lãnh tụ thần nhạc, bảo hộ nhân dân phương Đông, Chức điều. (2) Nam Phương Tăng Trưởng Thiên Vương tên gọi Tỳ Lưu Ly, mặc áo màu xanh, hai tay cầm kiếm thanh quang bảo, có thể khiến cho thiện căn của con người được tăng trưởng, bảo hộ nhân dân phương Nam, Chức phong. (3) Tây Phương Quang Mục Thiên Vương, tên gọi Tỳ Lưu Bác Thoa, mặc áo màu đỏ, tay phải cầm bảo tháp, tay trái quần rồng, là lãnh tụ của quần long, bảo hộ nhân dân phương Tây, Chức thiện. (4) Bắc Phương Đa Văn Thiên Vương, tên gọi Tỳ Sa Môn, mặc áo màu xanh, tay phải cầm cờ bảo, tay trái cầm chuột bảo dùng làm pháp khí, dẫn quỷ dạ xoa, bảo hộ nhân dân phương Bắc, Chức vũ.

Thiền mong muốn thể nhân thông qua chân lý để biến con người bỏ mê đến chỗ sáng tỏ, nhằm vào tâm niệm của mình, dùng chân tâm để nhìn vọng tâm, vô đặc tự tính.

KHÔNG PHẢI LỄ ĐỪNG LÀM

Có một học tăng tên là Nguyên Tri học ở chỗ thiền sư Vô Đức, mặc dù cần cù chăm chỉ, nhưng rốt cuộc vẫn không thể thể ngộ được thiền pháp.

Vì thế có một lần khi tham thiền vào buổi tối, Nguyên Tri đặc biệt thỉnh thị thiền sư Vô Đức rằng: “Đệ tử nhập môn bao nhiêu năm nay, mọi điều vẫn mù tịt, uổng công tín thí cúng dường, hàng ngày chẳng ngộ được gì, xin thầy từ bi chỉ bảo, hàng ngày ngoài việc tu trì, tác vụ, còn có bài học gì bắt buộc phải tu nữa không?”

Thiền sư Vô Đức trả lời: “Tốt nhất con phải kiểm soát tốt hai con điều hâu, hai con chim ưng, hai con nai, đồng thời trói buộc một con trùng ở trong miệng. Bên cạnh đó không ngừng tỉ thí với một con gấu và chăm bệnh cho một người, nếu con có thể làm được như vậy và cố gắng hết sức, tin rằng chúng sẽ giúp ích cho con rất nhiều.”

Nguyên Tri chẳng hiểu nói: “Thầy ạ! Đệ tử từ khi tới đây tham học, bên cạnh chẳng hề có con cóc, nai, ưng nào cả, làm sao mà trông coi đây? Huống chi con còn muốn biết là những bài học bắt buộc có liên quan thì có đây đưa gì tới những thứ động vật đó chứ?”

Thiền sư Vô Đức cười, nói: “Ta nói hai con điều hâu, chính là hai con mắt con thường phải cảnh giới – không phải lễ thì đừng nhìn; hai con nai là đôi chân mà con cần phải giữ gìn, đừng để chúng đi theo con đường tội ác – không phải lễ thì đừng đi; hai con ung chính là đôi tay con, phải bắt nó thường xuyên làm việc, làm tốt trách nhiệm của mình – không phải lễ thì đừng làm. Con trùng mà thầy nói chính là cái lưỡi của con, con phải kiểm soát nó thật chặt – không phải lễ thì đừng nói. Con gấu đó chính là tâm con, con phải khắc chế sự tự tư và chủ nghĩa cá nhân của nó – không phải lễ thì đừng nghĩ. Người bệnh kia chính là thân thể của con, hy vọng con đừng để nó rơi vào tội ác. Thầy nghĩ trên con đường tu đạo những thứ đó thực là bài học không thể thiếu được.”

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý – lục căn mà Kinh Phật nói dường như là ngôi làng chẳng có người trú ngụ, đã để cho 6 tên trộm chiếm lãnh, hàng ngày chúng bám duyên lục trần làm ác tạo nghiệp. Lục căn cũng giống như hổ báo, lang sói, điều hâu, ung, con trùng độc. Giả sử cẩn thận kiểm soát, không phải lễ thì đừng nhìn, không phải lễ không nói, không phải lễ không làm, thế cũng chính là đã dung hòa với Phật Nho rồi.

Trí tuệ Thiền:

Thiền giả chính là người có tâm Phật. Thiền là tâm yếu của Phật, cũng chính là tâm thanh tịnh mà mọi người đều vốn có. Định tâm, tịnh tâm, ngộ tâm, minh tâm, khế

ngộ tâm Phật vốn bản cụ của mọi người, đó chính là bài học quan trọng nhất trong cuộc sống thiền.

SINH DIỆT VÔ THƯỜNG

Thiền sư Đạo Khiêm là tăng nhân nổi tiếng thời Nam Tống, người đầu tiên sáng lập ra Lý học. Chu Trình Chu Hy từng học thiền trong Mật am của ông, coi cuốn “Đại huệ ngữ lục” do ông biên soạn là một giáo trình quan trọng. Trong số đệ tử của Đạo Khiêm có rất nhiều người xuất chúng. Một hôm, một đại đệ tử của ông kể một câu chuyện thể này cho những đệ tử nhỏ của mình.

Ngày xưa có một quốc vương có rất nhiều con trai, ông rất muốn có một cô con gái. Về sau, người ái phi của ông sinh hạ được một cô công chúa xinh đẹp đáng yêu.

Quốc vương vô cùng yêu thương tiểu công chúa, coi như viên ngọc sáng trên tay mình, chẳng bao giờ nỡ mắng mỗ điều gì. Đối với mọi yêu cầu của công chúa nhà vua đều đáp ứng, chưa hề từ chối bao giờ. Công chúa muốn tinh tú trên trời, quốc vương cũng sẽ nghĩ cách hái xuống cho công chúa.

Vào một buổi chiều, sau cơn mưa trời quang đãng, công chúa và tỳ nữ chơi đùa ngoài vườn hoa, chỉ thấy hoa cỏ cây cối sau khi nước mưa gội mềm mại tươi đẹp, hồng thắm xanh gây, buồn bã ủ rũ.

Công chúa ngắm cảnh sau cơn mưa nhanh chóng bị hấp dẫn bởi mùi thơm của những lùm sen tỏa bay từ chiếc ao. Cô lại gần bên bờ ao, bỗng phát hiện một kỳ quan chưa từng thấy bao giờ: khí nóng của nước ao sau khi chưng đã kết thành những hạt trên châu nước bóng thủy tinh trong suốt, sáng lấp lánh, ánh lên khắp nơi.

Công chúa ngắm nhìn ngất ngây, liền nảy ra ý lạ: “Nếu đem những hạt nước trên châu đó xâu thành chuỗi, đội lên đầu nhất định sẽ xinh đẹp vô cùng!”

Vì thế công chúa hình thành chủ ý, gọi tỳ nữ hót các viên bong bóng nước lên, nhưng hễ tay của tỳ nữ vừa chạm vào bong bóng thì chúng biến mất. Lặn ngụp cả nửa ngày trời, công chúa chẳng lấy được một hạt trên châu nước nào.

Trong lúc bực mình công chúa chạy về cung, kéo phụ vương tới bên bờ ao, chỉ những hạt ngọc nước đang sáng lấp lánh và nói: “Phụ vương! Cha xưa nay là người yêu quý con nhất, con muốn thứ gì cha đều tìm cho con. Cha xem những hạt ngọc trong nước đẹp làm sao, con gái muốn đem chúng xâu thành sợi dây ngọc đội lên đầu, cha nói có đẹp không?”

Quốc vương vuốt tóc con với tình thương vô hạn, nói: “Bé khờ! Ngọc nước tuy đẹp, rốt cuộc là hư ảo không thực, làm sao có thể làm thành sợi ngọc chứ? Phụ vương tìm cho con những sợi ngọc thủy tinh khác nhất định còn đẹp hơn cả ngọc nước!”

“Không cần, không cần, con chỉ muốn lấy trần châu nước làm thành chuỗi hạt. Nếu cha không cho con, con chẳng muốn sống nữa.” Công chúa khóc lóc, làm mình làm mẩy.

Quốc vương bó tay chỉ còn biết triệu tập hết những đại thần tới vườn hoa, buồn bã vờ vói nói: “Các vị đại thần! Các vị đều là những người thợ tuyệt thế, nếu ai có thể lấy những hạt bong bóng nước dưới ao đen thành chuỗi hạt xinh đẹp cho công chúa, ta sẽ trọng thưởng.”

Các đại thần nhìn nhau, không biết phải làm sao, chỉ có thể nói thực thà rằng: “Bẩm bệ hạ, trần châu nước hề chạm vào là vỡ, làm sao có thể lấy để xâu thành chuỗi được chứ?”

“Ngay cả điểm này cũng không làm nổi, bình thường ân huệ của ta đối với các vị thật uổng. Nếu không có cách nào thỏa mãn được lòng mong muốn của công chúa, các vị đừng nghĩ có thể sống sót ra khỏi cung vương.” Quốc vương phẫn nộ gào lên.

Bấy giờ, trong đám quần thần có một lão thiềm sư râu tóc bạc phơ bước ra, ngài bình thản như nói với mình: “Quốc vương bớt giận, ta có cách làm thành hạt châu cho công chúa. Nhưng, thần tuổi già mắt hoa, thực nhìn chẳng rõ những hạt châu nước trên ao, hạt nào khá đầy đặn công chúa có thể chọn ra cho thần xâu được không?”

Công chúa nghe xong bèn phẩn khởi liền, lập tức cầm gáo múc nước cúi người xuống múc những bong bóng nước mà mình muốn lấy.

Những hạt châu nước vốn sáng tỏ lấp lánh, công chúa vừa chạm nhẹ vào bỗng vỡ mất, tan biến trong nước. Múc cả nửa ngày trời, đến ngay cả một hạt trân châu nước công chúa cũng chẳng lấy lên được.

Thiền sư sâu xa sáng suốt nhìn công chúa cúi đầu ủ ê bèn hiền từ nói: “Hạt trân châu nước vốn là thứ sinh diệt vô thường. Nếu mong muốn của con người xây dựng trên thứ hư ảo không thực, tan biến chóng vánh thế thì tất nhiên chẳng có được gì đâu.”¹

Trí tuệ Thiền:

Hư danh ảo lợi, quyền thế ái dục nơi thế gian giống như sự biến ảo vô thường, không sao nắm bắt của bong bóng nước vậy. Theo đuổi chúng một cách quá quắt chỉ tổ tự mình rơi vào vực sâu khổ đau. Đối diện với những hạt trân châu nước sắc sỡ, chúng ta phải biết thương thức sắc màu của chúng mà không bị mê hoặc bởi vẻ mỹ miều của chúng.

-
1. Quan Thế Âm Bồ Tát - Quan Thế Âm sinh ngày 19 tháng 2 âm lịch, ngày xuất gia là ngày 19 tháng 9, thành đại ngày 19 tháng 6. Đạo tràng mà ngài hiển linh thuyết pháp là ở núi Bồ Đà tỉnh Triết Giang, Trung Quốc. Vì, Quan Thế Âm Bồ Tát ứng hóa vô phương, nên hình tướng rất nhiều. Tượng Quan Thế Âm bên cạnh có một nam đồng, nữ đồng, nữ là Long Nữ, nam là Thiện Tài Đồng Tử.

NÚT THỜI GIAN

Có một chàng trai vô cùng nóng nảy, làm việc gì cũng không thể bình tâm được. Một lần, cậu hẹn với người yêu, vì tới sớm, nhưng tính tình nóng vội, cậu cứ đứng ngồi không yên rồi đi đi lại lại dưới gốc cây.

Bấy giờ có một lão thiền sư lông mày dài trắng phau tới bên cậu, lông lông rất có cốt đạo tiên phong. Thiền sư cầm một chiếc nút nói với chàng trai: “Nếu con không muốn đợi chờ, chỉ cần cầm chiếc nút này xoay qua phải một cái, con có thể nhảy qua được thời gian, muốn bao xa được bấy xa.”

Chàng trai nghĩ, ta chẳng phải quả thực gặp được vị đại tiên La Hán rồi. Chàng thử xoay chiếc nút một cái, người yêu đã xuất hiện đang tiến đến bên mình. Trong lòng anh nghĩ nếu bây giờ có thể cử hành hôn lễ thì càng tốt hơn rồi. Anh lại xoay một cái: hôn lễ long trọng, tiệc tùng đầy đủ, anh và người yêu sánh vai bên nhau cùng ngồi, xung quanh tiếng đàn tiếng sáo du dương mê mẩn. Cậu ngừng đầu lên, mắt nhìn vào cặp mắt của vợ mình, rồi nghĩ, bây giờ chỉ cần có hai chúng ta thôi chắc hay hơn. Cậu nhẹ nhàng xoay chiếc nút, lập tức đêm tối yên lặng...

Cậu xoay chiếc nút liên tục, cậu có con, rồi lại có cháu, chớp mắt cái cháu chắt đầy đàn. Sau đó lại làm quan khắp nơi, tới đâu cũng có người ca tụng, chàng trai thực mở cò trong bụng!

Chiếc nút chuyển tới chỗ sau cùng, chàng trai đã già nua, già yếu bệnh hoạn, mấy đứa con bất hiếu làm mất hết gia sản, còn cam tâm vứt cậu ra ngoài cánh đồng hoang, Rồi lão già đói, mệt cuối cùng tắt thở, bị quạ, chuột cắn thành một đống bỏ đi...

Chàng trai trông đầu bù tóc rối, trong tim lạnh thấu. “Thế nào?”, lão thiền sư hỏi: “Chàng trai, cậu còn muốn thời gian trôi qua nhanh hơn nữa chứ?” “Con đã chết rồi, còn nhanh được nữa sao!” Chàng trai trả lời, bây giờ cậu giống như một quả bóng đã bị xì hơi.

Đúng lúc cậu tiu ngiu, thiền sư thu về chiếc nút, vì thế chàng trai lại trở về dưới gốc cây tràn trề sinh khí, tiếp tục chờ đợi người tình đáng yêu của mình. Lúc đó, chàng trai cảm nhận được hơi ấm áp được tắm dưới ánh mặt trời, nghe tiếng chim hót, nhìn vũ điệu thướt tha của những con bướm bướm giữa lùm cây, chờ đợi người yêu mình là một việc hạnh phúc biết bao nhiêu!

Một màn kịch hư ảo khiến cho chàng trai nóng vội đó hiểu ra rằng: “Loại người cứ theo đuổi kết quả, bỏ qua quá trình làm sao lãnh hội được mùi vị phức tạp, hồi hộp, ngọt đẹp của sự chờ đợi đó chứ?”

Trí tuệ Thiên:

Chờ đợi cũng đem đến cho con người sức hấp dẫn đặc biệt. Trong lúc chờ đợi, chúng ta cảm nhận được gian nan, gặm nhấm đau khổ, cảm thụ sự cực chẳng đã, lặn ngụp trong bồn chồn... Học được sự chờ đợi, thực tế là học được cách trân trọng bản thân, trân trọng tặng vật mà cuộc sống ban tặng cho chúng ta!

RẮN ĐỘC VÀNG

Một hôm, Thích Tôn dẫn A Nan dạo bước trên cánh đồng nơi nước Xá Vệ.

Thích Tôn bỗng nhiên dừng bước, nói: “A Nan, con nhìn trên cánh đồng trước mặt, dưới cái gò nhỏ kia đang có một con rắn độc đáng sợ!”

A Nan dừng bước, nhìn theo hướng chỉ của Thích Tôn, sau khi nhìn thấy cũng nói: “Đúng là có một con rắn độc lớn đáng sợ.”

Bấy giờ gần đó có một nông phu đang cày ruộng, ông nghe thấy cuộc đối thoại giữa Thích Tôn và A Nan, nghe nói có con rắn độc trên ruộng, bèn đi tới phía trước nhìn xem, phát hiện thấy một thỏi vàng vùi dưới đồng đất trông như cái gò nhỏ đó.

“Rõ ràng là một thỏi vàng, nhưng những hòa thượng kia lại nói là rắn độc, thực chẳng hiểu họ nghĩ sao. Ai có thể có được vận may như tôi, cuốc đất cuốc được một thỏi vàng, đem về nhà, cả đời cũng chẳng còn lo ăn uống rồi.” Nông phu vừa tự nói, vừa đào thỏi vàng đó ra, vội vàng đem về nhà.

Người nông dân vốn khó khăn khôn đốn đến cả 3 bữa ăn trong một ngày cũng thành vấn đề nay bỗng dưng phát tài, tự nhiên vui sướng hóa rõ, bắt đầu mua sắm thật nhiều quần áo mới, đồ dùng gia đình, ăn uống sơn hào hải vị cho thỏa. Những nông dân cùng làng cảm thấy nghi hoặc, lời đồn đại lan đi khắp nơi, một truyền ra mười, mười truyền một trăm, chẳng bao lâu sao truyền tới quan phủ. Quan lại gọi anh ta lên hỏi: “Nghe nói nhà người xưa nay rất nghèo, gần đây đã thành đại phú chỉ sau có một đêm. Tiền đó là từ đâu mà ra, có phải đi ăn trộm không? Hãy khai thật nhanh lên.”

Anh nông dân không sao trả lời được, bị bắt nhốt vào quan phủ, cả ngày bị ép cung, không chịu được, nhưng cũng chẳng thể nào chứng minh nổi rằng mình không phải là ăn trộm. Người nhà bỏ tiền mua chuộc quan lại, chỉ mong có thể bảo toàn được mạng sống cho anh, nhưng tất cả số tiền đều dùng rồi mà vẫn không cứu được.

Người nông dân cuối cùng bị xử tử hình. Hôm đem đi xử tử, anh nông dân nhìn lên đoạn đầu đài, trong bụng vô cùng khiếp sợ, miệng không ngừng kêu la: “Đó đúng là con rắn độc, A Nan! Thực là một con rắn độc lớn, Thế Tôn!”

Quan lại nghe thấy lời lẽ lạ lùng đó, cho rằng chắc có nguyên cớ bên trong, ¹bèn bầm việc này với nhà vua.

1. Bò Tát Phổ Hiền - Phổ Hiền Bò Tát còn gọi là Bò Tát Biến Cát,

Nhà vua cho gọi anh nông dân đến hỏi: “Nhà người phạm tội trộm cắp, khi đi chịu hình phạt đã liên tục kêu la rằng: “Đó đúng là con rắn độc, A Nan! Thực là một con rắn độc lớn, Thế Tôn!”, rốt cuộc có ý nghĩa gì thế?”

Anh nông dân sợ sệt bẩm lại với nhà vua: “Đại vương! Một hôm con đang trồng trọt ngoài đồng, Thích Tôn dẫn đệ tử A Nan đi ngang qua đó. Họ nhìn thấy nơi có vùi thối vàng và đều nói rằng có con rắn độc, một con rắn độc lớn, nhưng con lại không tin, cứ đào thối vàng lên đem về nhà. Nay đến nước này rồi con mới hiểu được vàng bạc có nghĩa là con rắn độc lớn. Vàng bạc có thể làm cho con phú quý, cũng có thể làm mất mạng con. Nó thực là đáng sợ hơn cả rắn độc.

tượng trưng cho Bồ Tát lý đức, hạnh đức tương ứng với trí đức, chứng đức của Bồ Tát Văn Thù và là Hữu Hiệp Thị của Phật Thích Ca Mâu Ni, cùng Phật Đà, Bồ Tát Văn Thù cùng gọi chung là Tam thánh Hoa Nghiêm. Tượng của ngài phần lớn có cưỡi voi trắng 6 ngà, đại diện cho Đại bi lực trong Phật pháp, là một trong bốn vị Bồ Tát lớn trong Phật giáo Trung Quốc. Phổ Hiền hiển lý, định, hạnh, gộp chung với lý trí, định tuệ, hạnh chứng hoàn bị viên mãn của Bản Tôn Như Lai. Văn Thù, Phổ Hiền đều là những vị Bồ Tát đứng đầu, thường trợ giúp Như Lai tuyên dương hóa đạo một cách hiệu năng. Thân tướng và công đức của vị Bồ Tát này có ở khắp nơi, thuần nhất diệu thiện, nên gọi là Phổ Hiền. Cũng vì ngài có đủ mười hạnh nguyện quảng đại, gọi chung là Đại hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, núi Nga My ở tỉnh Tứ Xuyên chính là đạo tràng của Bồ Tát Phổ Hiền.

Trí tuệ Thiền:

Con người chết vì tiền tài, con chim chết vì ăn, đó đều là cái họa do tham niệm. Dục vọng của con người đối với tiền bạc một khi không thể dừng được nó sẽ to phình ra dần đến làm mê hoặc và đánh mất tâm tính của bản thân.

VÀNG BẠC ĐÃ HẾT

Thiền sư Thành Chuyết khu hoằng pháp ở chùa Viên Giác, pháp duyên vô cùng hưng thịnh. Một lần trong lúc giảng kinh, người đông không còn chỗ trống, nên trong số tín đồ có người đề nghị phải xây một giảng đường khá rộng rãi.

Có một tín đồ dùng 50 lượng vàng đựng trong túi tặng cho thiền sư Thành Chuyết, nói rõ là muốn quyên trợ để xây giảng đường. Sau khi thiền sư nhận liền làm vào việc khác. Tín đồ rất không hài lòng vì việc đó, vì 50 lượng vàng chẳng phải số tiền nhỏ, có thể cung cấp cho một người bình thường sống trong nhiều năm, còn thiền sư lấy khoản tiền lớn đó, ngay đến một câu cảm ơn cũng chẳng có, vì thế bèn vội theo sau nhắc nhở Thánh Chuyết rằng: “Thầy ạ! Trong túi đó của con có 50 lượng vàng đấy.”

Thiền sư Thành Chuyết không ngần ngại nói: “Con đã nói rồi, thầy cũng đã biết.” Thiền sư chẳng hề dừng bước, tín đồ nói lớn: “Áy! Thầy! Hôm nay 50 lượng vàng con quyên góp, chẳng phải số lượng nhỏ đâu! Chẳng lẽ đến ngay cả câu cảm ơn cũng không muốn nói sao?”

Thiền sư vừa đến trước tượng Phật ở Đại hùng bảo điện, bèn dừng lại nói: “Nhà người làm sao nói dai thế?

Người quyên tiền cho Phật Tổ, tại sao lại đòi ta cảm ơn? Người bố thí để làm công đức cho mình, nếu người muốn coi công đức là một thứ mua bán, ta thấy Phật Tổ nói với người tiếng cảm ơn. Xin người đem Cảm ơn về đi, từ nay người và Phật Tổ “vàng bạc chẳng còn” gì”.¹

Trí tuệ Thiên:

Làm việc thiện là sự trải nghiệm mang lại nguồn khoái lạc về mặt tinh thần, làm việc thiện khiến cho chúng ta cảm thấy sung túc, chúng ta quyên tặng cho Phật tổ vật chất, Phật tổ ban tặng cho chúng ta niềm an ủi tinh thần.

-
1. Địa Tạng Bồ Tát - Địa Tạng Bồ Tát đầu đội Bảo quán, ngực trang sức bằng chuỗi hạt ngọc, tay phải kết ấn, tay trái nâng ngọc Ma ni, ánh mắt nhìn xuống, hiển từ bi thương, quan tâm tới các chúng sinh dưới địa ngục. Ngoài ra từ trong ngọc quý trên tay Địa Tạng phát ra cực quang Lục đạo, hai đạo Thượng thông suốt thiên đình, hai đạo Trung chiếu khắp nhân gian, hai đạo Hạ thông tới địa ngục, nhằm hiển thị ánh sáng trí tuệ của ngài và lòng bi thương thấu tới thiên đình, xuống tới địa ngục. Tương truyền, vì mẹ của ngài bị đẩy xuống địa ngục, vì cứu mẹ, ngài đã mở cửa địa ngục, trông thấy vẫn còn rất nhiều người dưới địa ngục, ngài phát nguyện muốn cứu độ cho tất cả những người dưới địa ngục, tiếp tục tu đạo thành Phật. Giống như người đời ca tụng rằng: Địa ngục chẳng không, Thê không thành Phật.

NGỘ THIỀN VÔ DỤC

Có một nhà buôn, vì vẫn chưa gặp được cơ hội gì mà thường xuyên oán giận, bởi vậy công việc làm ăn càng ngày càng sa sút. Một hôm anh tới thỉnh giáo một vị thiền sư để được khai thị.

Thiền sư cười cười, kể cho anh nghe một câu chuyện: Có một con gấu chờ đợi vớt vả bên bờ suối cả ngày trời, cuối cùng bắt được một con cá nhỏ.

“Tôi nhỏ quá không thể nào đủ lấp khe rãnh cho anh được. Hãy thả tôi về với suối đi, vài năm nữa tôi sẽ lớn thành một con cá lớn, khi ấy anh lại tới ăn tôi mới ngon béo mà cũng đủ no bữa cho anh.” Cá con nói.

Gấu nói: “Mày biết ta tại sao có thể cao lớn khỏe mạnh thế nào không? Vì, ta chẳng chờ một cơ hội lớn mà vô vọng để bỏ mất lợi ích nhỏ đang có trong tay.”

Người buôn sau khi nghe xong bèn đắc ngộ. Dục vọng của bản thân thường đè nén trí tuệ tự thân của mình, chấp mê vào đó, cầu lên cầu xuống, ngược lại càng chẳng thể cầu được. Con người thường ôm ấp quá khứ, mong chờ tương lai mà chẳng để ý tới hiện tại. Có thể nắm được cái

hiện có, sống tha thiết trước hiện tại mới coi là người hiểu được cuộc đời.

Trí tuệ Thiên:

Bên cạnh theo đuổi, đau khổ, đạt được cũng có cả những mất mát. Dục vọng của con người không thể kết thành một thể với đối tượng ham muốn, dục vọng tuồng như sợi dây cao su kéo dài chẳng tìm được điểm tựa thì sẽ đàn hồi trở lại đánh vào mình, đó chính là đau khổ.

THIỀN Ý TRONG SÁNG

Thủy tăng Khiêu Thủy Vân là một thiền sư có tiếng từng ở rất nhiều Thiền viện, có thể nói là học hành sung túc và dạy thiền ở khắp nơi.

Thiền viện mà ông chủ trì này vì hấp dẫn nhiều tăng tín học đồ, nhưng những học sinh đó thường chẳng chịu được vất vả, bỏ dở giữa chừng, điều đó khiến cho ông thể không bày tỏ với họ. Ông bỏ vị trí của mình và khuyên mọi người giải tán, lên đường đi khắp nơi. Từ đó về sau, không ai phát hiện được ra hành tung của thiền sư Khiêu Thủy.

Ba năm sau, một môn đồ của ông phát hiện ông đang ở dưới một cây cầu nơi kinh đô sống chung với một gã ăn xin. Môn đồ này liền khẩn cầu thiền sư Khiêu Thủy khai thị cho mình.

Khiêu Thủy chẳng khách khí nói: “Thầy chẳng có tư cách tiếp nhận lời chỉ bảo của ta.”

Môn đồ hỏi: “Phải làm sao tôi mới có được tư cách vậy?”

Thiền sư Khiêu Thủy nói: “Nếu thầy có thể giống ta sống được vài ngày dưới gầm cầu, ta có lẽ sẽ dạy thầy.”

Vì thế, đệ tử môn đồ này đóng giả thành bộ dạng ăn xin cùng sống với thiền sư Khiêu Thủy một hôm. Hôm sau, trong đám ăn xin bị chết mất một người, vào lúc nửa đêm thiền sư Khiêu Thủy cùng với môn đồ đó đem thi thể tới chôn bên núi, sau khi làm xong vẫn trở về sống nơi ký thân của họ dưới cầu.

Thiền sư Khiêu Thủy quay người lăn ra ngủ, ngủ một mạch tới sáng, nhưng đệ tử kia cuối cùng chẳng thể nào chợp mắt được. Sau khi trời sáng, thiền sư Khiêu Thủy nói với môn đồ rằng: “Hôm nay không cần đi khát thực nữa, người bạn chết rồi của chúng ta vẫn còn chút lương thực ở đó.” Song, môn đồ này trông thấy bát đĩa dơ dáy không sao nuốt trôi.

Thiền sư Khiêu Thủy chẳng khách khí nói: “Ta từng nói thầy không thể nào theo học ta được. Thiên đường ở đây, thầy không biết hưởng thụ, hay là thầy trở về với nhân gian của mình đi! Xin đừng nói với người khác về nơi ở của ta, vì người nơi Tịnh thổ thiên đường không muốn bị người khác quấy nhiễu!”

Môn đồ khóc quỳ xuống, thổ lộ: “Thầy ơi! Thầy bảo trọng nhé! Đệ tử thực không có tư cách theo thầy học tập, vì thiên đường của thầy, đệ tử không sao lĩnh hội được!”

Thiền chính là sự tĩnh táo về nội tâm. Thiền là “chiếc áo đơn”, áo đơn tuy lạnh, nhưng người trong trạng thái

lạnh đó là người tỉnh táo, bởi vậy Thiền chẳng liên quan tới ngoại vật, thiền tự thông tỏ, thiền ý trong sáng.

Trí tuệ Thiền:

Thiền giả chân chính biết hưởng thụ đầy đủ cuộc sống, tự đắc niềm hoan lạc. Bởi thế, Tịnh thổ thiên đường ở ngay trong công việc ti tiện, Trong vật lợi người yêu có Tịnh thổ thiên đường, Trong Cảnh chuyển tha hóa có Tịnh thổ thiên đường, Tịnh thổ thiên đường vốn là thứ ở trong lòng Thiền giả, không ở ngoài tâm.

TÚI TIỀN KHÔNG ĐÁY

Có một người nghèo đến nỗi chẳng mua nổi chiếc giường, nhà chỉ có bốn bức vách và một chiếc ghế dài. Hàng ngày anh ngủ trên chiếc ghế dài.

Một hôm, anh cầu Phật Tổ: “Nếu con phát tài, con tuyệt đối sẽ không như hôm nay.”

Phật Tổ vì thế cho anh một chiếc túi đựng tiền, nói: “Chiếc túi này có một đồng tiền vàng, sau khi con dùng hết, bên trong lại có thêm một đồng tiền vàng, nhưng khi con muốn tiêu tiền, chỉ có ném túi tiền này đi mới có thể được tiêu tiền.”

Người nghèo đó liên tục ném tiền vàng ra ngoài, cả tối không sao chợp mắt, trên đất khắp nơi đều là tiền vàng. Cả đời này chẳng còn phải làm gì, những đồng tiền đó đã đủ anh tiêu rồi. Mỗi lần khi anh quyết tâm ném túi tiền đó đi đều không nỡ. Vì thế, anh ăn uống mãi những đồng tiền ném ra bên ngoài, trong nhà chất đầy tiền vàng.

Nhưng, anh vẫn nói với mình rằng: “Ta không thể ném chiếc túi được, tiền vẫn còn không ngừng tuôn, hay là để khi tiền nhiều thêm hãy ném chiếc túi đi vậy!”

Cuối cùng, anh suy yếu đến nỗi chẳng còn sức để cầm tiền ném ra nữa, nhưng anh vẫn chẳng chịu ném chiếc túi đi, rốt cuộc anh đã chết bên túi tiền. Trong nhà chất đầy là tiền vàng.

Thiền vốn là niềm sung sướng, tự do và thông tuệ sản sinh từ sự giải thoát trước tham lam và chấp chước. Sự vật vốn có một mặt bị tiêu tan, cuộc sống cũng có sinh lão bệnh tử, nếu làm được “không còn trở ngại, hết sạch ràng buộc, phiền não tan biến”, đó chính là “cảm giác đẹp đẽ của đời sống”, hãy thay đổi tâm thái, thế giới sẽ rạng ngời từ đây.¹

Trí tuệ Thiền:

Trí tuệ thâm sâu bắt nguồn từ cuộc sống, tu thiền cũng chính là tu tâm, tâm là tâm thái. Giữ cho tâm thái tốt mới có thể xác định và thực hiện được mục đích chân chính của chúng ta, còn tham lam sẽ khiến cho chúng ta quên mất mục đích chân chính.

-
1. Dược Vương Bồ Tát – Dược Vương Bồ Tát tức là Phật Dược Sư, dân gian còn gọi là Dược Vương. Thời cổ, người xưa thường khiếp sợ đối với bệnh tật, tổn thương, nên sùng bái y thuật và thuốc, dần dần các nơi cho xây dựng chùa chiền, cúng dường, kính bái, tượng Phật cụ thể có cội nguồn từ Thần Nông, Biển Thước. Tới thời Minh Thanh, cùng với sự phát triển của Phật giáo, Phật Dược Sư được tổ hợp Thích Ca Mâu Ni, A Di Đà, người đời gọi là Tam Thế Phật. Tựa trái Phật Dược Sư cầm bát, trong bát có linh đơn, thuốc quý. Ngón tay cái, giữa và ngón trỏ bên phải kẹp thuốc viên, đỉnh đầu đội mũ, mũ cao về phía sau, có hai con mắt sáng, tai lớn rủ xuống, một tay dắt chó hoặc hổ, một chân đạp lưng hổ, thân mặc áo dài, lưng giống như da quan.

KHỔ TẬP DIỆT ĐẠO

Có một lão hòa thượng và một tiểu hòa thượng cùng nhau ở trong một ngôi miếu nhỏ. Một hôm, khi hai thầy trò hái thuốc ở trên núi cứu được một cô gái bị ngã từ vách núi xuống. Vì thế trị thương cho cô ở trong miếu.

Sau vài ngày, sức khỏe cô gái dần dần hồi phục. Về đẹp hình thể và hương thơm tự nhiên tỏa ra từ cô gái đã làm lay động tâm phàm của tiểu hòa thượng vốn đã trưởng thành. Nhưng, cô gái chẳng hiểu được trái tim này ngày sau sẽ trồng ra nhân quả gì, vì mù tịt.

Trong cơn dục vọng thiêu đốt, tiểu hòa thượng đã bỏ hết thanh quy ra khỏi đầu óc, lao vào hồng trần. Quy củ cuối cùng chẳng qua nổi thiên tính, lão hòa thượng cũng hiểu, chỉ hơi thất vọng lặng lẽ tiễn người trò yêu. Khi người trò yêu quý ra đi có đem theo tượng Phật, điều đó vừa đủ nói rõ rằng, trong lòng cậu tu Phật chỉ là một thứ thói quen, một loại hình thức, mà vẫn chưa lĩnh ngộ được giá trị chân chính của nó.

Thời gian dần dần trôi đi, lão hòa thượng đã già, tiểu hòa thượng đã lớn, lão hòa thượng dường như đã dự liệu được mọi điều, hiền từ chờ sự trở về của tiểu hòa thượng. Chờ dạy cho người trò yêu bài học quý giá cuối cùng, cũng

vì cuộc đời của bản thân mình mà viết nên dấu hỏi hoàn chỉnh.

Rất nhiều năm đã trôi qua, tiểu hòa thượng ném đủ mùi vị cuộc đời cuối cùng trở về ngôi miếu nhỏ, còn lão hòa thượng đã chẳng còn ở nhân gian, cái còn lại chỉ có một bộ xương để chờ đợi. Vào thời khắc đó tiểu hòa thượng đã đón ngộ được đời người.

Trí tuệ Thiên:

Đời người đến chính là sự giã giụa, đau khổ, vận may, khoái lạc, tìm hiểu, tự đắc... Vì tin, nên theo quy; vì nghi mà lằm lạc; vì nghĩ mà phản nghịch; vì ngộ mà theo cũ. Đó chính là sự trở về của đời người.

VÌ SỢ DÂY CHƯA ĐÚT

Có một chàng trai từ nhà đến một Thiền viện, trên đường cậu bắt gặp một chuyện lý thú bèn muốn đem nó tới thử lão thiền sư ở Thiền viện. Vì thế cậu tới Thiền viện hỏi: “Cái gì chuyện từng hỏi?”

“Vì sợ dây chưa đứt.” Lão thiền sư buột miệng đáp.

Chàng trai nghe lão thiền sư trả lời vậy bỗng mắt tròn mắt dẹt. Lão thiền sư thấy thế, hỏi: “Điều gì khiến con kinh ngạc như vậy chứ?”

“Không, thầy, điều con kinh ngạc là, tại sao thầy biết được chứ?” Chàng trai lại nói: “Hôm nay trên đường đi con trông thấy một con bò bị sợi dây xuyên qua mũi buộc vào cái cây. Con bò này muốn thoát khỏi cái cây để tới bãi cỏ ăn cỏ. Ai biết nó quay đi quay lại, đi tới đi lui đều không thể thoát thân được. Con cho là thầy không những chưa nhìn thấy, chắc không thể trả lời được, nào ngờ thầy vừa mở miệng đã đáp trúng rồi.”

Lão thiền sư cười nói: “Việc con hỏi là sự, điều ta trả lời là lý. Việc con hỏi là con bò bị sợi dây nhỏ buộc mà không thể giải thoát, điều ta trả lời là tâm bị chuyện đời quán mà không thể siêu thoát, một lý thông trăm sự mà!”

“Danh là thùng, lợi là dây, dây và thùng, cám dỗ và nỗi lo lắng trần thế đều là dây thùng cả. Ba nghìn mối phiền muộn của người đời, con chặt đứt được bao nhiêu sợi chứ?” Thiền sư lại nói: “Chúng sinh giống như con bò vậy, bị rất nhiều sợi dây phiền não đau khổ trói buộc, sống chết không thể thoát được.” Chàng trai ngộ ra từ đó.

Một chiếc điều dù bay thế nào cũng chẳng thể bay cao hàng vạn dặm, vì có sợi dây buộc, bởi thế mà đánh mất trời rộng mênh mông; một con ngựa to khỏe, dù có mạnh làm sao cũng làm theo người ngồi trên điều khiển, vì bị dây thùng buộc, từ đó mà mất đi khả năng tung gót.

Do vậy, con người quay cuồng vì sự, tất cả đều là vì sợi dây chưa bị đứt.

Trí tuệ Thiền:

Đời người rơi vào quan niệm thế tục, khó thể thoát khỏi khổ não để được an nhàn, thanh thoi; nếu có thể hồi ngộ tận gốc, hiểu biết một cách thấu triệt thì bất kể lúc nào cũng có thể trở về con đường giải thoát.

NHÀ SƯ VÀ TRÀNG HẠT

Nhà sư nói: “Có người làm bạn quả là duyên của chúng ta.”

Tràng hạt nói: “Thầy và tôi kết duyên cùng Thiên.”

Nhà sư cảm thấy Tràng hạt đang lần trên tay bị rít, bèn hỏi: “Người sao vậy?”

Tràng hạt nói: “Nhà sư phải kết bạn với ngọc quý, chứ tôi đây chỉ là một chuỗi tràng hạt làm bằng gỗ đàn bình thường, thế mà sao thầy vẫn cứ chẳng nở xa nở bỏ thế?”

Nhà sư cười, nói: “Để ta kể cho người một câu chuyện nhé.”

Con sóng nhỏ nói với con sóng lớn rằng: “Ta rất đau khổ, những con sóng khác lớn như vậy, còn ta nhỏ nhoi thế này, cảnh ngộ những con sóng khác gặp được đẹp biết bao, còn ta thì tồi tệ thế đây.”

Sóng lớn nói: “Vi người chẳng nhìn rõ bản lai diện mục của mình, nên bị đau khổ.”

Sóng nhỏ hỏi: “Chẳng lẽ ta chẳng phải sóng sao? Vậy ta là gì cơ chứ?”

Sóng lớn nói: “Sóng chỉ là hiện tượng trong chốc lát, kỳ thực, người chính là nước!”

Tràng hạt sau khi nghe xong câu chuyện, cười: “Ta hiểu ra rồi, ta sở dĩ chẳng ngộ thông, là vì ta không thấy rõ được bản chất của mình, cho là mình chỉ là mình, vì thế mà so đo với thứ khác. Vậy mới thấy khổ đau, kỳ thực chúng ta đều là một bộ phận trong vạn vật tự nhiên.”

Nhà sư đi vân du, Tràng hạt bị xao động bởi ánh sáng mặt hồ, sắc núi cảm dỗ. Tràng hạt nói: “Những thứ có hình chắc sẽ mất đi, trên thế gian có chân lý không đổi chẳng?”

Nhà sư nói: “Hoa nở trên núi rất đẹp, đẹp như gấm thêu vậy; nhìn giống như nước suối ngừng trôi, thực tế là đang chuyển động không ngừng. Hoa dễ tàn tạ, nhưng vẫn luôn nở; nước suối dù chảy, nhưng mặt nước cứ mãi chẳng đổi thay.”

Tràng hạt cười rồi nói tiếp: “Ý nghĩa của sinh mệnh nằm ở quá trình sống, chuyển động mới là chân lý mãi mãi không thay đổi!”

Tràng hạt cảm nhận được bộ râu trắng của nhà sư lướt qua thân mình, nghe thấy nhà sư từ tốn hỏi: “Tăng nhân sau trăm năm sẽ đi đâu nhỉ?”

Tràng hạt có phần do dự, nhưng vẫn cười đáp: “Làm heo, chó, lừa, ngựa!”

Nhà sư lại hỏi: “Vậy, sau đó?”

Tràng hạt vẫn cười: “Sẽ xuống địa ngục!”

Nhà sư nói: “Ta một đời tu hành, tại sao sau khi chết vẫn phải xuống địa ngục chứ?”

Tràng hạt nói: “Thầy không xuống địa ngục, làm sao tới giáo hóa ta được?”

Nhà sư liền đón ngộ, Phật ở khắp nơi, thiên đàng có Phật, nhưng địa ngục chẳng phải nơi càng cần có Phật sao? Với sự trút bỏ, nhà sư cầm tràng hạt ngồi hóa trong đám lửa.

Trong đám lửa, Tràng hát nói lầm rầm với nhà sư: “Ta trông thấy kiếp trước của chúng mình.”

Nhà sư hỏi: “Kiếp trước của chúng ta ra sao?”

Tràng hạt nói: “Kiếp trước ta là tâm nến, thầy là nến, ta thấp sáng thầy bởi sự tan chảy của bản thân, ta tiếp tục thấp sáng trong ngọn lửa được sinh ra từ sự tan chảy!”

Nhà sư cười nói: “Vây kiếp này ngươi đã điểm ngộ ta rồi, ta độ hóa cho ngươi.”

Chúng ta tìm đến sự quân bình trong sự hỗn loạn của trần thế, đạt tới thăng bằng thông qua việc xa lánh ồn ào. Khi chúng ta đang trong sự huyền ảo, liệu có thể vẫn còn “đạo” sáng trong? Câu trả lời là chắc chắn. Trong “Đạo” có nội dung làm thay đổi thế giới, dù sự thay đổi bao nhiêu

xin đừng vội bàn, nhưng hãy cố hết mình, chúng ta sẽ được yên ổn.¹

Trí tuệ Thiên:

Trong thành phố xe cộ đông đúc, người người nườm nượp, hàng ngày bận rộn, thỉnh thoảng hãy dừng bước tận hưởng ánh trăng vắng vặc trên trời cao, tản bộ bình lặng dưới ánh trăng và suy ngẫm để cảm ngộ cuộc đời.

-
1. Văn Thù Bồ Tát – Bồ Tát “Văn Thù Sư Lợi” gọi tắt là Văn Thù Bồ Tát, có nghĩa là “Diệu Đức”, “Diệu Cát Tường”. Văn Thù chuyên quản về trí tuệ, biểu thị “đại trí”, người đời gọi là Đại Trí Văn Thù Bồ Tát. Văn Thù là người đứng đầu trong tứ đại Bồ Tát, là Tả Hiếp Thị của Phật Tổ, cùng với Thích Ca Mâu Ni và Hữu Hiếp Thị Phổ Hiền gọi chung là “Thích Ca Tam Tôn”. Hình tượng của Văn Thù nổi tiếng với trí tuệ và giỏi về tranh biện. Ngài cười Thanh sư, đại diện cho uy mãnh trí tuệ; tay chấp bảo kiếm đại diện cho trí tuệ sắc bén. Vì các tín đồ tin rằng thông qua việc sùng bái ngài sẽ đem tới học thức thăng tiến cho con cháu về sau, đặc biệt là những sĩ tử đang chuẩn bị thi cử đều muốn tới quỳ lạy trước mặt Văn Thù Bồ Tát để được may mắn.

TRĂNG SÁNG ĐẦY NHÀ

Có một lão hòa thượng tới tuổi xế chiều muốn truyền y bát cho một trong ba đệ tử có ngộ tính cao, vì thế ngài đưa cho mọi người một đồng, để họ đi mua về một thứ đồ giống nhau vừa rẻ vừa có thể lát đầy phòng Thiền.

Có hai đệ tử cầm tiền ra đi, một người khác lại cứ ngồi thiền.

Lát sau, đệ tử thứ nhất mua về mấy xe cỏ khô, lão hòa thượng vô cùng thất vọng; đệ tử thứ hai nâng lên một ly trà; hương trà bỗng tỏa khắp phòng thiền, lão hòa thượng hài lòng gật gật đầu; chỉ có đệ tử thứ ba đưa tiền trả lại cho thầy, sau đó đẩy cửa phòng ra, chỉ thấy một vầng trăng tròn trên trời, ánh trăng sáng vằng vặc tỏa khắp phòng thiền.

Đệ tử đó nói: “Ánh trăng đã tỏ, lầu ngọc trong veo, ánh trăng có thể nói là thứ vô giá nhất trong Cửu thiên! Nay ta chẳng mất đến 1 đồng mà có được Phật của mình, chỉ vì trong lòng ta có ánh sáng Phật!” Lão hòa thượng nghe rồi cười áo cà sa ra khoác lên người đệ tử này.

Cảm ngộ cuộc sống bằng trái tim tựa như một linh hồn trắng thuần khiết cũng sẽ có được hạnh phúc sâu sắc trong sự vật bình thường. “Nguyệt đáo thiên tâm xứ, Phong

lai thủy diện thời, Nhất ban thanh tân vị, Liệu đắc thiếu nhân tri”. Người có trái tim sáng như trăng, cũng cảm thụ được ý vị thanh tân trong bức tranh “Nguyệt minh phong thanh”, chẳng qua là thiếu người biết được mà thôi. Trong hoa gương trăng nước của sinh mệnh, đâu đâu cũng đều là đạo tràng nhân gian, trong giấc mộng nô đùa cũng có tâm tình đẹp đẽ.¹

Trí tuệ Thiền:

“Hoa chi xuân mãn, Thiên tâm nguyệt viên” (Cảnh hoa xuân đầy, Lòng trời trăng tỏ) thật đúng là đời sống nói theo cách Thiền, đẹp đẽ như trăng sáng bên trời, hoa đầy cảnh xuân. Giữ được trái tim thiền trong cuộc sống bận rộn, trên đường đời, dùng nó để cảm ngộ cuộc đời, lãnh ngộ những điều tốt đẹp của sinh mạng.

-
1. Quy y - Quy y là danh từ chuyện dùng trong nhà Phật. “Quy y” có ba ý nghĩa trong nhà Phật là nương thân, hướng theo, cứu độ. “Quy” có nghĩa “về”, “Quy y” cũng gọi là “Tam quy y” hoặc gọi tắt là “Tam quy”, nhằm chỉ việc nương nhờ Tam bảo Phật, Pháp, Tăng, tiếp xúc với mọi khổ nạn, bày tỏ được đem toàn bộ tính mệnh thân tâm của mình nương nhờ vào Phật, Pháp, Tăng, từ nay về sau mãi mãi hành sự theo sự chỉ dẫn của Phật, Pháp, Tăng. “Phật” chỉ việc chứng ngộ chân lý vũ trụ, bậc giác hạnh viên mãn có thái độ từ tâm vô cùng để giáo hóa chúng sinh, gọi tắt là “Nhu Lai”, “Thế Tôn”; “Pháp” nói chung nhằm chỉ 12 bộ kinh Tam tạng; “Tăng” nhằm chỉ Tăng đoàn cùng sống chung với nhau, xa rời ngôi nhà nhỏ của mình để phụng hành Phật pháp.

THUẬN TRỊ NGỘ THIỀN

Vua Thuận Trị nhà Thanh cũng là một vị vua được tu dưỡng rất cao về Phật pháp. Tư tưởng của ông hoàn toàn khế hợp với Phật pháp. Chúng ta có thể thấy được qua bài thơ thiền của ông:

Hoàng kim bạch ngọc phi vi quý, Duy hữu cà sa phi
kiên nan;

Bách niên tam vạn lục thiên nhật, Bất cập tăng gia
bán nhật hàn.

Hoàng bào hoán đặc tử cà sa, Chỉ vi đương niên nhất
niệm sai;

Ngã bốn tây phương nhất nạp tử, Vi hà sinh tại đế
vương gia?

(Vàng kim ngọc trắng chẳng phải quý, Chỉ có cà
sa khó khoác trên vai; Trăm năm ba vạn sáu nghìn ngày,
Không bằng nửa ngày nhàn hạ của người xuất gia. Hoàng
bào đổi được cà sa tím, Chỉ vì năm đó ngẫm nghĩ sai; Ta
vốn là một nạp tử nơi Tây phương, Sao sinh vào nhà đế
vương vậy?)

“Kinh lăng nghiêm” là một bộ kinh chiểu yếu trong
Phật giáo, tất cả thiên ma ngoại đạo, quỷ mị hễ trông thấy

“Kinh lăng nghiêm” đều hiện nguyên hình, không thể nào lẫn trốn được. Đồng thời, ngoài cảnh giới Thiền thuật ngũ uẩn ma tướng, “Kinh lăng nghiêm” còn liệt vào hạng phá sắc thọ tướng hành thức, những cảnh giới âm, khiến cho hành giả có thể không lầm đường, ấn chứng được các lớp và hiện tượng tu hành, là chánh pháp trong hàng chánh pháp. Do đó người đời hàng nghìn năm nay đều ca tụng nó, nhưng những người thực sự hiểu được rất ít.

Vua Thuận Trị một hôm đặc biệt mời quốc sư Ngọc Lâm vào cung để thỉnh thị về Phật pháp. Thuận Trị hỏi: “Trong Kinh lăng nghiêm có đề cập tới Thất xứ chinh tâm, xin hỏi tâm ở đó phải không? Bây giờ tâm có ở Thất xứ chứ?”

Quốc sư Ngọc Lâm trả lời: “Tìm tâm rất khó.”

Vua Thuận Trị: “Người ngộ đạo còn có hỷ nộ ai lạc chẳng?”

Quốc sư Ngọc Lâm: “Hỷ nộ ai lạc là gì?”

Vua Thuận Trị: “Sơn hà đất rộng sinh ra từ vọng niệm, nếu vọng niệm không còn, sơn hà đất rộng có còn nữa hay không?”

Quốc sư Ngọc Lâm: “Như người tỉnh mộng, việc trong mộng có hay không?”

Vua Thuận Trị: “Dụng công thế nào chứ?”

Quốc sư Ngọc Lâm: “Ngồi lạy chẳng làm gì.”

Vua Thuận Trị: “Lớn là sao?”

Quốc sư Ngọc Lâm: “Ánh sáng bị phủ bởi bốn mặt ngoài, cách bởi trên dưới.”

Vua Thuận Trị: “Bản lai diện mục làm sao lĩnh hội được?”

Quốc sư Ngọc Lâm: “Như Lục Tổ nói: Chẳng nghĩ thiện, không nghĩ ác, đúng lúc đó, cái gì là Bản lai diện mục chứ?”

Về sau vua Thuận Trị gặp người bèn hỏi: “Nói chuyện một lần với quốc sư Ngọc Lâm quả là hối hận vì đã gặp nhau trễ.”

Quốc sư Ngọc Lâm là một cao tăng đáng vẻ tuấn tú, thường điềm tĩnh, chẳng ưa nói, ngay cả nhà vua hỏi về Phật pháp, ông cũng nói năng kiệm lời, không muốn nói nhiều, khiến cho người ta cảm nhận được một lời của Thiền môn thật chẳng dễ cầu.

Trí tuệ Thiền:

Thiền chính là tâm niệm trước mắt của chúng ta. Tâm niệm này chính là mọi Pháp. Mọi Pháp chính là vạn sự vạn vật. Chỉ cần tâm hể động niệm, nó nhất định là tâm và đối tượng, chẳng có ai trước ai sau cả, vừa chẳng phải tâm ở trước, vật ở sau; cũng chẳng phải vật ở trước, tâm ở sau.

TÂM CHẲNG ĐỘNG CHÍNH LÀ ĐỊNH

Có một hòa thượng đi vân du buổi tối tới lưng chừng núi nhìn thấy trong một ngôi nhà nhỏ đang phát sáng, mừng thầm mình có duyên gặp được cao nhân, vì thế đẩy cửa vào nhà, trông thấy một ông già đang ngồi khoanh chân trên chiếc giường có lò sưởi bèn hỏi: “Thí chủ luyện loại công gì vậy?”

Ông lão đáp: “Chú Bò Tát.” Hòa thượng càng phấn khởi, tự nghĩ rằng mình xuất gia 40 năm, chưa từng nghe thấy chú Bò Tát, vội vàng xin ông lão thỉnh giáo.

Ông lão nói: “Ta luyện loại chú này hơn 60 năm rồi, vẫn chưa truyền thụ cho một người nào, đó chính là 6 chữ: “Úm ba la bát mê hồng”. Ông lão đọc nhầm chữ “hồng” thành ra chữ “ngư”.

Hòa thượng vừa nghe đã cười, nói rằng chú này chẳng phải chú Bò Tát mà là 6 chữ thần chú Đại minh và chỉ ra chữ sau cùng đọc là “hồng” chứ không phải “ngư”.

Khi hòa thượng đi, ông lão đọc lại cho đúng, nhưng thấy mở miệng chẳng xuôi.

Ba tháng sau, hòa thượng lại tới sườn núi, trong bụng nghĩ ông lão sau khi sửa chữ “ngư” thành “hồng”

lại, công phu chắc sẽ càng cao hơn, không ngờ trong nhà chẳng còn chút ánh sáng nào, bước vào cửa vừa trông thấy ông lão đang niệm thần chú Đại minh, chữ “hồng” cuối cùng thường niệm không tốt.

Hòa thượng nghi ngờ, tại sao ông lão niệm chữ “ngư” phát ra ánh sáng, ngược lại niệm chữ “hồng” lại chẳng có hào quang gì, sau khi trở về chùa thỉnh giáo Phương trượng. Phương trượng nói: “Niệm chú là định vị ở tâm, tâm đi xong thì chân hỏa tam muội sẽ xuất hiện và phát quang. Ông lão niệm pháp đã 60 năm, niệm tới mức tâm không động, chân hỏa tam muội đã xuất hiện. Con nói ông lão sửa lại, tâm loạn, chân hỏa tam muội cũng chẳng còn nữa.”

Thế mới gọi là “Đừng chấp vào hình tướng bề ngoài chính là Thiền, bên trong tâm không loạn ấy là định, pháp lý đều hòa vào trí, tính không Một như là tuệ”. “Huyết khí cương cường thì mềm mại, điều hòa”. “Quân tử tiêu khiển vật, tiểu nhân làm nô lệ cho vật”. Nguyên lý có thể nói rất nhiều, đáng tiếc rằng “tâm tĩnh” là thứ có thể gặp mà chẳng thể cầu. Phiền não của thế tục chẳng gì thoát khỏi sự xui khiến của dục vọng. Khôn đốn ở đó âu cũng chẳng phải chuyện ngẫu nhiên.¹

1. Kinh điển trong Thiền định học Phật giáo. Thiền có nghĩa là “Tĩnh lự”, “định” là “Chánh thọ”. Thiền định học rộng lớn thâm sâu, hiện nay về các tác phẩm Thiền định học tiếng Hán trong kinh điển Phật giáo khảo sát có: (1) “Đại chính tạng mục lục”, quyển

Trí tuệ Thiền:

Thiền cho rằng, sách lược ứng đối được áp dụng vào thời điểm con người tiếp nhận sự thay đổi là tâm Phật thì là Phật, tâm ma thì là ma.

31 có: “Lục môn giáo thọ tâm tập định luận”; (2) Đại chính tạng”, quyển 15 có: “Truyền thuyết thiền hành tam thập thất phẩm kinh”, “Thiền hành pháp tướng kinh”, “Thiền yếu kinh”, “Tọa thiền tam yếu kinh”, “Nhập định bất định ấn kinh”...; (3) “Đại chính tạng”, quyển 46 có: “Ma ha chỉ quán kinh”, “Tu tập chỉ quán tọa thiền pháp yếu”, “Quán tâm luận sớ”...; (4) “Đại chính tạng”, quyển 47 có: “Ngũ phương tiện niệm Phật môn”, “Lư Sơn Liên tông bảo giám”...; (5) “Lục tổ đàn kinh”, “Thiền quan đệ tiến”...; các tác phẩm Định học Mật tông có: (6) “Vô úy tam tạng thiền yếu”, “Thiền định đẳng luận”...

HÒA THƯỢNG HÚP CHÁO

Tham chính là bản tính của con người, ai ai cũng có lòng tham, chẳng qua có những người có thể khắc chế được tham dục, biết đủ thường thấy sung sướng, còn có người thì tham lam vô độ, chẳng bao giờ cảm nhận được sự sung túc.

Có một vị hòa thượng ở ngôi chùa nọ đã tu rất lâu mà không đắc đạo. Kỳ thực thầy chẳng hề có tật xấu gì khác, đó là tham ăn tham uống, người khác ăn một bát là đủ, còn thầy thường cảm thấy thiếu, ăn rồi vẫn còn muốn ăn nữa, có khi biết rõ không thể ăn được nữa nhưng vẫn đòi người khác bố thí.

Mất thấy những sư đệ khác tới muộn hơn mình đều lần lượt đắc đạo, thầy rất khổ não đi thỉnh giáo sư phụ: “Tại sao con chăm chỉ tu tập Phật pháp như vậy lại vẫn chẳng đắc đạo chứ?”

Lão thiền sư trả lời: “Chính vì con tham ăn, nên vẫn chẳng đắc đạo. Con đừng vội, thế nhé! Ngày mai thầy sẽ chuẩn bị cho con một bữa cơm, chờ con ăn xong thầy lại thuyết pháp cho con.”

Ngày hôm sau thầy dậy, bèn vội vàng tới chỗ của sư phụ. Lão thiền sư đưa một tô cháo nhỏ đầy lên, bên cạnh đặt một chiếc bát không. Cháo trong bát liên tục bốc khói, tỏa ra từng đợt hương thơm quyến rũ, xem ra là cháo vừa mới nấu xong.

Lão thiền sư nói: “Bát cháo nhỏ này của con, con có thể ăn hết sạch như cái bát không bên cạnh, nhưng con phải biết, đó là cháo vừa mới đổ ra, đợi hơi nguội một chút con mới ăn nhé.”

Nhưng, thầy vừa ngửi thấy mùi thơm của cháo đã chẳng kiềm chế được mình, muốn ăn hết liền để nhờ lát nữa có người tới phải chia phần. Vì thế, thầy cúi xuống tô cháo đang bốc khói nghi ngút gắng sức thổi, muốn cho cháo chóng nguội.

Vừa thổi được một lúc, thầy vội hỏi thiền sư: “Cháo này nguội rồi, con có thể ăn được chưa?”

Thiền sư nhìn thầy nói: “Cháo coi như con đã thổi nguội, nhưng tâm con vẫn còn nóng. Con nên coi cháo là thứ không sạch sẽ hoặc là một bát nước trong, như thế con có thể khiến cho tâm mình nguội dần.”

Thầy mơ màng nghe lời của thiền sư dường như hiểu ra điều gì, nhưng vẫn vội vã nâng tô cháo lên bắt đầu ăn, kết quả cháo vẫn còn rất nóng, thầy không thể không nhè ra và nhè đúng vào chiếc bát trống trước mặt.

Bấy giờ, thiền sư chỉ chỗ cháo mà thầy vừa nhè ra nói: “Bây giờ con hãy ăn hết nó đi.”

Thầy kinh ngạc trả lời: “Nó đã là thứ chẳng sạch sẽ rồi, làm sao có thể ăn được nữa chứ? Tởm lợm quá.”

Bấy giờ thiền sư bèn nói với thầy: “Chỉ cần con coi mọi thứ mình ăn uống giống như nước dãi, nước mũi hay đồ ói mửa, lòng con tự nhiên sẽ trong sạch, trong lòng trong sạch mới có thể hiểu được ý nghĩa của Phật pháp một cách sâu sắc, tu đắc chánh đạo.”

Hòa thượng hoắc nhiên đại ngộ, nhanh chóng sửa đổi thói xấu ăn uống, chăm chỉ khắc khổ, về sau quả nhiên tiến bộ thần tốc, cuối cùng trở thành cao tăng bậc nhất.¹

-
1. Bát bảo cát tường trong Phật giáo - Bát bảo cát tường trong Phật giáo có ý nghĩa tượng trưng quan trọng đối với nhà Phật: (1) Pháp luân: còn gọi là Bảo luân biểu thị sự pháp luân luân chuyển, Phật pháp vĩnh hằng; (2) Pháp loa: vốn là nhạc khí cổ của Ấn Độ thường dùng vào pháp sự có khả năng hiệu triệu thiên thần, giáng yêu phục ma; (3) Bảo cái: còn gọi là “Bạch cái” trưng ở trên tượng Phật. (4) Liên hoa: còn gọi là Bảo liên được mệnh danh là tượng trưng trong Phật giáo nhằm biểu thị Tịnh thổ nơi đất Phật; (5) Bảo quán: dụng cụ đựng nước vào thời cổ của Ấn Độ, ngụ ý là “Phúc trí viên mãn”; (6) Song ngư: chỉ cá của Kim thành, ngụ ý “kiên cố hoạt bát, giải thoát kiếp xấu”; Bảo tân: vốn là thứ dùng để che nắng che mưa, có công dụng giáng yêu phục ma; (8) Bàn trường: vốn là một thứ đồ trang sức có dạng bàn tròn xoay, ngụ ý “hồi hoàn quán triệt, nhất thiết thông minh”.

Trí tuệ Thiền:

Lòng dục vọng con người đều có, là một mặt “ác” trong nhân tính, phải thường xuyên nghĩ về cái hại của tham dục để có thể làm trong sạch bản thân, hỏi lòng chẳng thẹn, bình tâm tĩnh khí một đời được mọi người tôn trọng, bản thân cũng thoát khỏi sự bất đắc.

NẮM VÀ BUÔNG

Có một tín đồ nói với thiền sư Mặc Tiên rằng: “Vợ của con tham lam bủn xỉn, đối với việc tốt chẳng chịu bỏ thí lấy một đồng, thầy có thể tới nhà con khai thị cho mục ấy làm những việc thiện được không?”

Mặc Tiên vô cùng từ bi nhận lời.

Khi Mặc Tiên tới nhà tín đồ, vợ của tín đồ ra đón tiếp, nhưng đến một tách trà cũng chẳng nỡ đem lên cúng dường, thiền sư liền nắm tay vào rồi nói: “Nữ thí chủ, con xem tay ta này, hàng ngày đều như vậy, con cảm thấy thấy nào?”

Cô nói: “Nếu hàng ngày tay đều thế này, đó là có bệnh, dị dạng đấy!”

“Như thế này là dị dạng!” thiền sư Mặc Tiên bèn duỗi tay ra thành một bàn tay, hỏi: “Nếu hàng ngày như thế nào thì sao?”

Cô nói: “Như vậy cũng là dị dạng!”

Thiền sư Mặc Tiên liền nói: “Nữ thí chủ! Đúng đấy, đó đều là dị dạng, tiên chỉ biết tham lam vợ vào, không biết bố thí, là dị dạng. Tiên chỉ biết dùng, không biết gom góp

cũng là dị dạng. Tiền muốn lưu thông, phải có ra có vào, phải lấp vào làm ra.”

Nữ thí chủ nghe xong trong lòng hiểu ra liền.

Người tham lam, bủn xỉn nên biết rằng kết duyên với hỷ xả là nguyên nhân dẫn đến phát tài, thuận lợi, không gieo hạt, làm gì có được thu hoạch? Người bố thí thì nên làm với thái độ tự nguyện, nếu không sẽ trở thành việc bố thí dơ bẩn, thật đúng như bàn tay một con người vậy, nắm mãi thành ra dị dạng, mở suốt cũng là dị dạng. Chỉ có đóng mở kết hợp mới là bình thường, cũng là sự thể hiện của cái đẹp bình dị.

Trí tuệ Thiên:

Sự sản sinh của tham dục có nguyên nhân bên ngoài, cũng có lý do bên trong, nguyên nhân ngoại tại là điều kiện, nguyên nhân nội tại mang tính quyết định. Kiểm soát tốt bản thân, thường mở lòng nghiêm cẩn mới có thể bình tâm tĩnh trí, tự đắc được niềm vui trong lòng.

TỨ ĐẠI GIAI KHÔNG

“Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng hoán bào ảnh, như lộ dịch như điện, ứng vi như thị quan”. Đó là bốn câu thơ Phật giáo, cũng là một bài thơ gồm có bốn câu cuối nằm ở cuối cùng trong “kinh Kim cang” Phật giáo. Bốn câu thơ này đã khái quát một cách cao độ toàn bộ nội dung của “kinh Kim cang”, là sự nhận thức toàn vẹn về vũ trụ của Phật tử Thích Ca Mâu Ni, cũng là sự thể hiện tập trung thể giới quan Phật giáo.

Thiền sư Phật Ấn đang đàn thuyết pháp, nghe nói Tô Đông Pha vội vàng tới tham gia, chỗ ngồi đã chật kín người, chẳng còn ghế trống nữa. Thiền sư thấy Tô Đông Pha, nói: “Người đã ngồi kín rồi, nơi này đã chẳng còn chỗ cho học sĩ ngồi nữa.”

Tô Đông Pha xưa nay hâm mộ Thiền, liền trả lời thiền sư một cách đốp chát: “Nơi này đã chẳng còn chỗ ngồi, vậy ta lấy thân thể thiền sư với Tứ đại Ngũ uẩn làm ghế.”

Thiền sư thấy Tô Đông Pha luận Thiền như thế với mình bèn nói: “Học sĩ! Ta có một vấn đề muốn hỏi ngài, nếu ngài trả lời được thì thân thể của lão hòa thượng ta sẽ làm chỗ cho ngài; nếu trả lời không được thì dây đai ngọc trên người thầy phải để lại cho chùa làm kỷ niệm.”

Tô Đông Pha xưa nay tự cho rằng mình phi phạm, thẳng thắn chẳng nghi ngờ, nên trả lời đồng ý.

Thiền sư Phật Ấn nói: “Tứ đại vốn chẳng có, Ngũ uẩn cũng không, xin hỏi học sĩ muốn ngồi ở đâu?”

Tô Đông Pha tắc tịt.

Sắc thân là do tứ đại đất, nước, lửa, gió tổ hợp ảo, chẳng có một thực tại thống nhất, không thể an tọa nơi này. Tô Đông Pha cũng chỉ còn nước để lại dây đai ngọc cho thiền sư Phật Ấn, tới nay vẫn còn giữ trong chùa Kim Sơn.

Chữ “hữu” trong câu “Nhất thiết hữu vi pháp” nhằm chỉ tất cả sự vật, “vi” tức là hành động. Ở đây ý nói sự vận động của mọi sự vật, “pháp” tức là phép tắc, nhằm chỉ quy luật vận động của sự vật. Có nghĩa là nói: “Mọi sự vật, sự vận động của sự vật và quy luật vận động đều chóng vánh giống như bong bóng nước, tựa hình ảnh hư ảo trong mộng và trong nước, cũng giống như sương móc và chớp giạt vẩy.

Trí tuệ Thiền:

Thiền vô cùng kỳ diệu, nó chẳng chỉ bắt cứ sự vật nào; mọi sự vật cũng không thoát khỏi phạm vi của nó. Thiền hàm chứa mọi thứ, đồng thời cũng tiêu diệt mọi thứ.

ĐỘI TUYẾT CHẶT TAY

Năm đó Đạt Ma ngồi một chiếc thuyền lá dẹt lênh đênh trên biển mất ba năm, trải qua mọi gian nan, trắc trở mới tới được Trung Quốc. Năm 527 Đạt Ma tới chùa Thiếu Lâm ở núi Tung. Ông thấy núi non bao bọc nơi này, rừng cây rậm rạp, màu núi xinh đẹp, cảnh sắc thanh u, vì thế bèn lấy chùa Thiếu Lâm làm đạo tràng dừng chân truyền giáo, thu thập tăng đồ khắp nơi, thiết lập môn phái Thiền tông đầu tiên.

Từ đó về sau, Đạt Ma trở thành thủy tổ của Thiền tông Phật giáo Trung Quốc, chùa Thiếu Lâm được coi là tổ đình Thiền tông Phật giáo Trung Quốc.

Bấy giờ cao tăng trong nước là Thần Quang. Ông khai đàn giảng kinh ở đài Vũ Hoa, Nam Kinh. Nghe nói người đến nghe ông giảng kinh tầng tầng lớp lớp, chẳng còn một kẻ hở. Khi ông biết Đạt Ma là cao tăng Ấn Độ tinh thông Phật pháp bèn tìm đến Thiếu Lâm.

Thần Quang nhất tâm thành ý bái Đạt Ma làm thầy. Đạt Ma không biết Thần Quang có lòng thành tâm hay không bèn thử chỗi khéo. Thần Quang không hề nhứt tâm thoái trí, vẫn bám theo Đạt Ma, đứng kề kề đằng sau, chăm sóc tận tình, như hình với bóng.

Vào một ngày đông giá rét, Đạt Ma tọa thiền ở đình Đạt Ma phía sau chùa. Thần Quang ở ngoài chùa phụng sự thầy. Tuyết lớn ngập đến đầu gối của Thần Quang, khắp người dường như phủ một lớp bông tuyết dày. Đạt Ma thấy vậy, hỏi: “Con làm gì thế?” Thần Quang trả lời: “Xin Phật tổ cầu pháp.”

Đạt Ma trầm tư giây lát, nói: “Muốn ta truyền pháp cho con, trừ phi trời đổ tuyết hồng.” Thần Quang ý thức được thiền ngữ huyền diệu mà thánh tăng chỉ bảo, ông chẳng hề do dự rút ra con dao đem theo bên mình chặt đứt cánh tay trái, máu tươi bỗng tuôn ra, nhuộm đỏ tuyết ở dưới đất và áo của Thần Quang.

Tiếng đao kiền thành thấu trời, bay khắp Tây thiên làm kinh động tới Phật Tổ Như Lai, ngài bèn vung tay cõi ra bộ cà sa tung sang Đông Thổ. Bấy giờ cả chùa Thiếu Lâm bao phủ ánh sáng hồng, mây ngũ sắc chiếu sáng khắp nơi, những bông tuyết lớn như lông thiên nga nhuộm thắm máu đào bay giăng giăng. Thần Quang bỏ dao xuống, cúi người cầm cánh tay trái thắm đẫm máu đào đi quanh đình Đạt Ma một vòng, vẫn đứng chờ trong tuyết hồng. Tuyết xung quanh đình cũng bị nhuộm thành màu đỏ.

Tình cảnh đó Đạt Ma trông rõ mồn một. Ngài cảm nhận được thái độ kiền thành tín ngưỡng Thiền tông của Thần Quang. Đạt Ma liền truyền y bát, Pháp khí cho Thần Quang đồng thời lấy pháp danh là: “Huệ Khả”, trở thành “vị tổ thứ 2” của Thiền tông chùa Thiếu Lâm. Để kỷ niệm

vị tổ sư thứ 2 đứng tuyệt chặt tay, các nhà sư trong chùa đổi tên đình “Đạt Ma” thành đình “Lập Tuyệt”.

Trí tuệ Thiên:

“Bảo kiếm phong từng ma lịch xuất, Mai hoa hương tự khô hàn lai”, đại trí mới có khả năng đại dũng, đại dũng mới có thể không khiếp sợ, không khiếp sợ mới có thể hành động tới cùng, hành động tới cùng tự nhiên thành chánh quả.

CHẲNG VỚI PHẬT NGƯỜI

Sau khi chùa mới hoàn thành, lão hòa thượng cáo giới với tiểu hòa thượng muốn bản thân bắt tay vào tạc tượng Phật.

Tiểu hòa thượng thỉnh giáo lão hòa thượng có cần tìm pho tượng Phật tới làm mẫu không. Lão hòa thượng nói: “Không, dựa vào hình mẫu của bản thân tạc được rồi.” Tiểu hòa thượng nói: “Thầy được, chứ bộ dạng của con thì thôi rồi.”

Lão hòa thượng cười nói: “Con tạc theo ta, ta tạc theo con là được.”

Tiểu hòa thượng không hiểu. Lão hòa thượng lại nói: “Tâm biểu như nhất, lời nói và hành động thống nhất, bản thân sẽ thành Phật, tạc thành Phật. Bản thân trở thành Phật danh chính ngôn thuận, tâm yên lý đặc. Đức hạnh và bộ dạng của ta và con đều tạc thành Phật, thế giới không bằng phẳng, còn thêm biết bao nhiêu người hướng theo Phật và có thể trở thành Phật được chứ?”

Bất kể Phật nào, ban đầu cũng đều là người bình thường. Vì, họ chăm chỉ tu hành mới dần dần tạc mình

thành Phật. Chỉ cần tu hành chân thành, nhất tâm hướng thiện, cuối cùng sẽ trở thành Phật thật sự.¹

Trí tuệ Thiên:

Mỗi người đều có thể tạo tác ra một bản thể độc đáo, chẳng cần bất chúc ai, bạn chính là bạn, sao lại không thể tự mình xưng làm Phật? Bởi vậy, “đừng vờ Phật người, hãy chiếu theo ta”.

1. Quan niệm về “12 nhân duyên” trong Phật giáo.

“12 nhân duyên” cũng gọi là “Thập nhị khởi chi”, là lý luận đặc thù cấu thành bộ phận quan trọng trong Phật giáo dùng để giải thích những phát sinh và thay đổi trong các hiện tượng nơi thế gian. Trong kinh Phật chia “12 nhân duyên” thành ba giai đoạn; tiền thế, hiện thế, lai thế. (1) Giai đoạn tiền thế: Chi thứ nhất trong các chi của “12 nhân duyên” gọi là chi Vô minh; Chi thứ hai gọi là chi Hành; Chi thứ ba là chi Thức. (2) Giai đoạn hiện thế: Chi thứ nhất là chi Thức duyên khởi; Thứ hai là chi Danh sắc duyên khởi; Thứ ba là chi Nhập duyên khởi; Thứ tư là chi Súc duyên khởi; Thứ năm là chi Thọ duyên khởi; Thứ sáu là chi Ái duyên khởi; Thứ bảy là chi Thủ duyên khởi. (3) Giai đoạn lai thế: Thứ nhất là chi Sinh duyên khởi; Thứ nhì là chi Lão tử duyên khởi.

CÁ TÍNH LÀ NGỌN LỬA

Mọi người thường hỏi Phật Đà rằng: “Sau khi Phật chết thì đi đâu?” Phật Đà thường cười và giữ yên lặng.

Nhưng, câu hỏi này cứ liên tục được đề cập, vì thế Phật nói với đệ tử: “Hãy cầm tới đây một cây nến, ta sẽ cho các con biết sau khi Phật chết thì đi đến đâu.”

Đệ tử vội vàng cầm nến tới, Phật Đà nói: “Hãy thắp cây nến sáng lên, sau đó cầm lại gần ta để ta trông ánh sáng của nó.”

Đệ tử cầm nến tới trước mặt Phật Đà, còn dùng tay che sợ gió thổi tắt. Nhưng, Phật Đà quả đệ tử nói: “Tại sao phải che chứ? Đáng diệt tự nhiên sẽ diệt, che chắn chẳng có tác dụng gì, giống như chết vậy, đâu thể tránh được.”

Vì thế, Phật Đà thổi tắt ngọn nến, nói: “Có ai biết ánh sáng của nến đi đâu không? Ngọn lửa của nó tới nơi nào rồi?” Các đệ tử nhìn nhau, chẳng ai thốt lên lời.

Phật Đà nói: “Phật chết cũng như ngọn nến bị tắt. Ánh sáng của nến tới đâu, thì Phật chết sẽ đi tới đó, nguyên lý ngọn lửa tắt giống như vậy, sau khi Phật chết, ngài bị tiêu diệt rồi. Ngài là một bộ phận chính thể, ngài và chính thể cùng tồn tại và tiêu vong.”

Mỗi người đều là một cá thể, vĩnh viễn không tách khỏi chủ thể hiện thực này. Phật cũng vậy. Đó chính là nhân quả của cá thể và chủ thể. Đáng diệt thì diệt, đáng sinh thì sinh, vì diệt mà sinh. Hà tất cứ phải khổ sở cầu cho được việc này? Bản thân vô nhân cũng sẽ vô quả thôi.¹

Trí tuệ Thiền:

Người còn đèn sáng, người chết đèn tắt, đừng quá quan tâm những chuyện chẳng có liên quan tới mình, thế chẳng qua là làm một việc vô ích.

-
1. Thiền định – Thiền định là một phương thức tu hành đặc biệt của những giáo đồ trong Phật giáo. Thiền định nhằm chỉ sự tập trung tinh thần đạt tới cảnh giới lục căn thanh tịnh, vô ngã, vô vọng. Đối tượng tập trung suy nghĩ trong Thiền định mỗi người một khác. Thiền định chia làm 4 giai đoạn:
Sơ thiền, thoát ly ngoại cảnh, cảm thụ được hỷ và lạc;
Nhị thiền, “Tâm”, “tứ” đều bị đoạn diệt, đạt tới “Nội đẳng tịnh”;
Tam thiền, bỏ đi hỷ lạc ở Nhị thiền, đạt tới cảnh giới “Hành xả”;
Tứ thiền, bỏ đi diệu lạc ở Tam thiền, chỉ niệm công đức tu dưỡng, đạt tới “niệm”, “Thanh tịnh”.

CỎ XANH TRÓI HÒA THƯỢNG

Thích Tôn khi ở Tịnh xá Đế Viên của nước Xá Vệ, một hôm, có rất nhiều hòa thượng đi hóa duyên trở về đi qua cánh đồng hoang, một toán cướp trông thấy họ liền tiến tới trấn lột.

Hòa thượng bị lột hết quần áo, tên đầu sỏ còn chưa chịu dừng tay, bèn hạ lệnh: “Những hòa thượng này vào làng chắc sẽ nói năng tùy tiện. Bọn mày phải nhanh tay lên, hãy trừ khử hết bọn chúng.”

Trong đám cướp có một tên từng xuất gia hiểu được Phật pháp liền đề nghị: “Thủ lĩnh, chẳng cần phải động thủ giết chết bọn họ. Những hòa thượng này vô cùng từ bi, chỉ cần dùng cỏ xanh trói họ lại là được rồi. Vì không muốn làm hại cỏ xanh, họ chẳng dám cọ quậy đâu, đương nhiên cũng không thể chạy trốn, còn sợ gì họ nói năng tùy tiện chứ?”

Tên đầu sỏ nghe thấy có lý bèn tiếp thu kiến nghị của người này. Bọn cướp dùng cỏ xanh trói tất cả hòa thượng lại rồi bỏ đi.

Những hòa thượng bị trói vì thủ giới đều không dám chặt đứt cỏ xanh. Áo quần của họ bị lột sạch, trời vừa sáng

bị chiếu trần trụi, rồi bị muỗi, mòng đốt, ruồi bọ bầu, khổ sở lắm mới tới xế chiều, gần đó một khoảng u ám, những loài thú ăn đêm chạy tứ tung, sói hoang gầm rú, cú mèo rên rỉ, ngoài đồng hoang bỗng trở nên đáng sợ như địa ngục, khiến cho người ta sợ run lên.

Có rất nhiều nhà sư trong lòng sợ sệt hoảng loạn, bắt đầu oán thán. Một lão hòa thượng thấy vậy mở miệng nói: “Đời người ngắn ngủi, còn qua nhanh hơn cả nước trôi. Dù rằng điện đường trên trời cũng có lúc sụp đổ, hưởng hồ sinh mạng con người càng vô thường hơn. Mọi người đừng than thở sinh mạng vô thường này, phải hiểu rõ sự quan trọng của việc trì giới, đừng chặt đứt cỏ xanh, càng không nên cho rằng như thế này là đã sống uổng, muốn lại đầu thai thành người rất khó mà cảm thấy uổng. Kỳ thực, chúng ta giờ có thể hiểu được giáo nghĩa của Phật, tuân thủ giới luật, đó mới là điều đáng trân trọng nhất.”

Vì trì thủ giới luật, những hòa thượng này không thể đuổi thẳng người bị trói, cũng không dám nhúc nhích khỏi vị trí. Bấy giờ, lão hòa thượng nói tiếp: “Việc tu hành của chúng ta giống như tình trạng hiện nay, dù rằng gặp phải khủng bố cũng phải nhẫn nại, thậm chí phải lấy sinh mạng của mình để dâng hiến cho Phật pháp cao thượng. Dù cho hiện giờ chúng ta có thể đứng dậy được, cũng chẳng có nơi nào có thể đến được, chỉ có kiên trì thủ giới cho đến chết mà thôi.”

Những nhà sư trẻ nghe lão hòa thượng thuyết pháp bèn nhao nhao ngồi lại ngay ngắn, không hề động đậy, lặng lẽ ngồi giữa cánh đồng đen tối.

Sáng hôm sau, nhà vua dẫn đội quân lớn đi săn bằng qua nơi này trông thấy những nhà sư, trong lòng nghi hoặc, bèn hạ lệnh cho tùy tùng xuống ngựa xem sao. Các thần chiếu theo mệnh lệnh của nhà vua tới thị sát nhanh chóng trở về bẩm báo: “Họ khắp người trần trụi, tự cảm thấy xấu hổ đều cúi đầu, chẳng dám thốt lời. Nhưng, sau khi quan sát kỹ, thần phát hiện trên vai trái của họ có vết đen, vốn đó là một nhóm tăng nhân, vì họ mặc áo cà sa, nên vai trái để trần. Họ chắc là đụng phải bọn cướp lấy mất quần áo rồi.”

Nhà vua nghe thần bẩm báo, trong lòng vẫn nghi ngại: “Trên tay bị quấn cỏ xanh, muốn thoát ra đâu cần phải phí sức, song họ lại giống như cừu cúng tế vậy, chẳng hề nhúc nhích, đó là vì lý do gì?”

Nhà vua đích thân xuống ngựa tới chỗ các nhà sư hỏi: “Các thầy thân thể khỏe mạnh, chẳng bệnh tật, tại sao bị cỏ trói đến mức không thể cựa quậy được thế? Là bị bùa chú làm lú lẫn hay vì khổ hạnh vậy?”

Các nhà sư đáp: “Sợi cỏ xanh nhỏ rất yếu, chẳng khó kéo đứt, nhưng chúng tôi bị Cang giới trói buộc mới không thể nào chặt đứt được. Chặt đứt cây cỏ chẳng khác nào sát sinh. Chúng tôi tuân thủ giới luật trong Phật pháp mới không chặt đứt được nó.”

Nhà vua nghe câu trả lời của các nhà sư vô cùng phấn khởi, đích thân cõi những sợi cỏ xanh ra cho họ và khen ngợi: “Các hòa thượng mẫu mực, vì thủ giới luật mà chấp nhận bỏ cả sinh mệnh của mình. Ta cũng muốn nương nhờ Thích Tôn vĩ đại, quy y Phật pháp vô thượng, quy y tăng nhân thủ giới. Chỉ có quy y mới có thể thoát khỏi khổ não.”

Trí tuệ Thiên:

Giới luật nhìn chẳng thấy, sờ không chạm, yếu ớt như sợi cỏ thoát khỏi nó là việc hết sức dễ dàng, nhưng những nhà sư lại không làm. Con người cũng phải kiên trì tuân thủ theo lòng mình, như những nhà sư đối với dây cỏ vậy, đừng quấy phá.

NHẬP ĐẠO TAM BẢO MÔN

Cư sĩ Lục Hy Thanh đời Đường khi mới tới gặp thiền sư Ngưỡng Sơn bèn hỏi: “Ba cửa đều mở thì vào bằng cửa nào?”

Ngưỡng Sơn đáp: “Vào cửa Tín tâm.”

Hy Thanh hỏi: “Hai cửa còn lại có tác dụng gì?”

Ngưỡng Sơn đáp: “Cũng có thể vào từ cửa đó.”

Hy Thanh hỏi: “Vào từ cửa nào?”

Ngưỡng Sơn đáp: “Vào cửa Huệ tâm.”

Hy Thanh hỏi: “Một cửa còn lại vào như thế nào?”

Ngưỡng Sơn đáp: “Vào bằng cửa Từ tâm.”

Hy Thanh hỏi: “Một cửa thì được rồi, sao cần tới ba cửa?”

Ngưỡng Sơn đáp: “Người Tín môn thì vào từ Phật, Huệ môn vào từ Pháp, Từ môn vào bằng Tăng. Trong Tam bảo môn đều có thể nhập đạo, nghĩa của nó là vậy.”

Trần Hy Thanh vào tới Pháp đường lại hỏi: “Khi không xuất Ma giới mà nhập Phật giới thì sao?”

Thiền sư Ngưỡng Sơn cầm phát trần phẩy ngược ba cái, Trần Hy Thanh liền lạy, lạy xong, hỏi: “Thiền sư còn phải trì giới không?”

Ngưỡng Sơn trả lời: “Không trì giới!”

Hy Thanh hỏi: “Còn phải tọa thiền không?”

Ngưỡng Sơn: “Không tọa thiền!”

Trần Hy Thanh trầm tư rất lâu, thiền sư Ngưỡng Sơn hỏi: “Hiểu không?”

Hy Thanh đáp: “Không hiểu.”

Ngưỡng Sơn nói: “Thao thao không trì giới, Uông uông chẳng tọa thiền, Nghiệm trà hai ba chén, Ý tại bên Quất đầu.”

Tiếng lòng của Trần Hy dường như đã ngộ.¹

-
1. Những ngày lễ quan trọng trong Phật giáo (Âm lịch)
Mùng 1 tháng giêng: Ngày đản sanh của Phật Di Lặc
Mùng 9 tháng 2: Ngày đản sanh của Quan Âm Bồ Tát
Mùng 4 tháng 4: Ngày đản sanh của Văn Thù Bồ Tát
19 tháng 6: Ngày thành đạo của Quan Âm Bồ Tát
13 tháng 7: Ngày nhập Niết bàn của Địa Tạng Bồ Tát
17 tháng 11: Ngày đản sanh của Phật A Di Đà
Mùng 5 tháng 2: Ngày nhập Niết bàn của Thích Ca Mâu Ni (tiết Niết bàn)
21 tháng 2: Ngày đản sanh của Phổ Hiền Bồ Tát
Mùng 8 tháng 4: Ngày đản sanh của Thích Ca Mâu Ni
Mùng 10 tháng 7: Ngày Hoan hỷ của Phật

Trí tuệ Thiên:

Cửa nào cũng có thể nhập đạo Phật, cũng như các ngã đường lớn đều tiến tới thành Roma.

19 tháng 9: Ngày xuất gia của Quan Âm Bồ Tát

Mùng 8 tháng chạp: Ngày thành đạo của Thích Ca Mâu Ni (tiết Lạp bát)

DUYÊN KHỞI TÁNH KHÔNG

Vua Di Lan Đà rất tôn kính tỳ kheo đã ngộ thiền Na Tiên. Tỳ kheo Na Tiên chứng ngộ trí năng từ việc tu thiền, lời nói tràn đầy tư tưởng linh diệu, thông tuệ. Một hôm, vua Di Lan Đà hỏi tỳ kheo Na Tiên rằng: “Mắt có phải là thầy không?”

Tỳ kheo Na Tiên cười cười, đáp: “Chẳng phải!”

Vua Di Lan Đà lại hỏi: “Tai là thầy chứ?”

Tỳ kheo Na Tiên lại trả lời: “Không phải!”

“Mũi là thầy chẳng?”

“Không phải!”

“Lưỡi là thầy à?”

“Chẳng phải!”

“VẬY, thầy chính xác chỉ có cơ thể thôi à?”

“Không, sắc thân chỉ là sự tồn tại ảo.”

“VẬY, Ý có phải thực sự là thầy không?”

“Cũng không phải!”

Vua Di Lan Đà sau những câu trả lời kia, cuối cùng hỏi: “Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều chẳng phải là thầy, vậy thầy đang ở đâu?”

Tỳ kheo Na Tiên mỉm cười, hỏi lại: “Cửa sổ có phải là nhà không?”

Vua Di Lan Đà ngạc nhiên, trả lời miễn cưỡng: “Không!”

“Cửa có phải là nhà không?”

“Không!”

“Gạch, ngói có phải là nhà không?”

“Không phải!”

Vậy, giường, ghế, trụ mới là nhà à?”

“Cũng chẳng phải!”

Tỳ kheo Na Tiên cười thoải mái: “Đã đành cửa sổ, cửa, gạch, ngói, trụ, giường, ghế đều không phải là nhà, cũng không thể đại diện cho nhà, vậy nhà ở đâu chứ?”

Vua Di Lan Đà hoắc nhiên đại ngộ!¹

-
1. Tăng nhân – Nhà Phật trong cách xưng hô có những danh từ đặc thù, có quy định riêng. Chủ trì trong chùa chiến gọi là Phương trượng, cũng gọi là Trụ trì. Dưới trụ trì, những tự viện phổ biến thì có Tứ đại Ban thủ, Bát đại chấp sự. Tứ đại ban thủ là chỉ những người chỉ đạo ở Thiền đường hoặc tu hành ở niệm Phật đường, gọi là Thủ tọa, Tây đường, Hậu đường, Đường chủ; Bát đại chấp sự là những người chuyên cai quản các công việc sự vụ ở toàn chùa, gọi là Gian viện (người phụ trách kho phòng), Tri khách (người

Trí tuệ Thiên:

Trong lòng không có vật dục và thành kiến, bản tính của con người tất sẽ hiển hiện chóng vánh. Nếu ý chí thanh tịnh, tâm tính cũng sẽ thanh tịnh. Nếu ý chí bất minh mà muốn tâm tính trong sáng thì giống như bụi bặm bám đầy trên tấm gương, nhưng cứ muốn cho gương sáng, rốt cuộc là sự phi lý.

phụ trách Khách đường), Tăng trực (Tuần tra), Duy na (người phụ trách Thiền đường), (Điểm tọa (người phụ trách Trai đường), Liêu nguyên (người phụ trách Vân thủy đường), Y bát (người phụ trách phòng Phương trượng), Thư ký.

MƯA HOA KHÔNG THẨM ÁO

Phật giáo gọi những người không xuống tóc, ở trong ngôi nhà thế tục mà vẫn có thể tuân thủ giới luật, có lòng quy Phật pháp là cư sĩ.

Duy Ma Cật là một vị cư sĩ tại gia cực kỳ nổi tiếng. Ông có trí tuệ vô song, sở trường về biện luận. Ông ngã bệnh ở thành Tỳ Da Ly, muốn nhân đó cùng các đệ tử của Phật để tìm hiểu Phật pháp. Phật Đà phái những đại đệ tử tới thăm nom, các đệ tử đều vì từng thua Duy Ma Cật khi tranh luận, sợ không thể hoàn thành được sứ mệnh, nên không dám đi. Sau Văn Thù vâng mệnh tới, còn có thêm nhiều vị Bồ Tát dẫn đệ tử theo cùng.

Văn Thù Bồ Tát và cư sĩ Duy Ma Cật bàn về Phật pháp như “nhả ngọc phun châu”, mọi người nghe mê mẩn.

Bấy giờ trong phòng của Duy Ma Cật có một vị Thiên Nữ, thấy tình cảnh đó bèn hiện rõ thân hình, dùng hoa trời giăng xung quanh chỗ những người nghe pháp.

Mưa hoa điểm lệ từ trời rơi xuống kết thành một bức tranh tuyệt đẹp.

Nói ra quả là kỳ lạ, khi những cánh hoa bay tới chỗ của các vị Bồ Tát đều rơi lả tả ra ngoài, còn tới chỗ các đại đệ tử thì dính vào.

Các đại đệ tử thấy thế bèn vận thần lực, muốn làm cho hoa rơi khỏi mình. Nhưng, bất kể họ dụng công thế nào, cánh hoa vẫn bám chặt vào người, không thể nào trút bỏ được.

Thiên Nữ hỏi Xá Lợi Phất: “Tại sao muốn trút bỏ hoa chứ?”

Xá Lợi Phất nói: “Những cánh hoa này bám vào thân thể thì trái với giới luật của Phật giáo, nên muốn tìm cánh thoát khỏi chúng.”

Thiên Nữ nói: “Đừng nói thế. Hoa bản thân chẳng hề khác biệt với giáo nghĩa, sở dĩ chúng bị coi là không hợp với giáo nghĩa là vì bản thân thầy sinh lòng phân biệt. Thầy nhìn các vị Bồ Tát, họ chẳng hề coi hoa là hoa, nên mưa hoa chẳng hề dính áo. Còn các thầy trong lòng sản sinh sự phân biệt, sợ hãi, như thế mới bị vướng vào. Ý niệm bị vướng víu, làm sao có thể trút bỏ được hoa không dính chứ?”

Sở dĩ chúng ta bị mê hoặc, vướng ngã, tự tính vốn có sở dĩ không thể hiển hiện mà phiền muộn, không thể giải thoát vì lòng phân biệt và lòng chấp chước của chúng ta. Nếu chúng ta lúc nào cũng có thể làm tan biến lòng phân

biệt và lòng chấp chước của chúng ta, chẳng cầu ở bên ngoài, vậy thì bản tâm của chúng ta sẽ hiển lộ.

Trí tuệ Thiên:

Thiên là thực thể chân tính cội nguồn, tồn tại khắp nơi, bao hàm mọi thứ, rộng lớn vô cùng, nhỏ bé tuyệt đỉnh, vạn vật sinh, thành đều có đủ đặc tính thuần chân, chí thiện, hoàn mỹ.

BẢO THÂN VIÊN MÃN

Có một đệ tử xuất gia chạy đi thỉnh giáo một sư phụ rất giàu trí tuệ. Thầy theo cạnh bên thầy, hàng ngày hỏi câu hỏi giống y như nhau: “Thầy ạ, giá trị chân chính của đời người là gì vậy?”, hỏi sư phụ phát ngán.

Một hôm, sư phụ lấy một viên đá từ trong phòng nói với thầy: “Con cầm viên đá này ra chợ bán, nhưng đừng bán thực sự, chỉ cần có người trả giá là được, xem người ở chợ trả bao nhiêu tiền viên đá này?”

Đệ tử cầm viên đá ra chợ, có người nói viên đá quá lớn, trông rất đẹp, ra giá hai đồng; có người nói viên đá có thể dùng làm quả cân, ra giá 10 đồng. Kết quả là năm người mười ý, giá cao nhất cũng chỉ trả có 10 đồng.

Đệ tử rất vui trở về, nói với thầy: “Viên đá này chẳng có tác dụng gì mà có thể bán được 10 đồng, thực nên bán nó đi thôi.”

Thầy nói: “Đừng bán vội, hãy đem nó tới chợ vàng bán xem sao, cũng đừng bán thực nhé.”

Đệ tử cầm viên đá tới chợ vàng đi bán, ban đầu có người trả 1 ngàn đồng, người thứ hai trả 10 ngàn, cuối cùng được trả tới 100 ngàn.

Đệ tử hớn hở chạy về nói với sư phụ về kết quả không thể ngờ.

Thầy nói: “Con cầm viên ngọc quý giá nhất, cao cấp nhất tới thương trường định giá xem sao.” Đệ tử đi.

Người thứ nhất ra giá 100 ngàn, nhưng không bán, vì thế trả tới 200, 300 ngàn, rồi lên tới mức khiến cho đối phương bức tức, để người bán tự ra giá.

Thầy nói với người mua rằng, thầy tôi không đồng ý bán rồi cầm viên đá về nói với sư phụ: “Viên đá này thế mà được trả mấy trăm ngàn.”

Thầy nói: “Thế à! Giờ thầy không thể dạy về giá trị của cuộc đời con, vì con đang dùng ánh mắt ngoài chợ để nhìn cuộc đời mình. Giá trị của cuộc đời là ở trong lòng mỗi người, trước tiên phải có cặp mắt của cửa hàng vàng bạc đá quý tốt nhất mới có thể thấy được giá trị chân chính của đời người.”

Nhiều người cho rằng thiền quá huyền hoặc, thần bí, thực tế chẳng hề vậy. Thiền là niềm vui, thông dong, nhàn nhã và trí tuệ thâm sâu có được sau khi bản thân thoát khỏi những tham lam, chấp chước của chính mình. Nó hoàn toàn thể hiện trong đời sống, bởi thế thiền gia nói: “khiêng cũi gánh nước chính là thiền, ăn ở nằm ngồi chính là thiền, nhún mảy chớp mắt cũng là thiền, thanh tâm tĩnh lự chính là thiền. Thoát khỏi phiền muộn, chấp chước thì “thanh tịnh pháp thân” của bản thân sẽ được hiển hiện, nhân vật

hành động nhằm thích ứng với thiên biến vạn hóa chính là “Trăm ngàn hóa thân”, thành công viên mãn trong cuộc sống đời thường chính là “báo thân viên mãn”.¹

Trí tuệ Thiền:

Mỗi một người đều có những giá trị tuyệt đối. Kiên trì những giá trị cao quý của mình, tiếp nhận, động viên bản thân để cho mình có được không gian trưởng thành. Mỗi một con người đều có thể trở thành “Báu vật vô giá”. Những vấp ngã, mỗi vết thương đánh vào mỗi con người trong cuộc đời đều có ý nghĩa của nó.

-
1. Mười đại đệ tử của Phật Tổ – “Mười đại đệ tử” của Phật Tổ tương truyền là 10 đệ tử chủ chốt nhất của Thích Ca Mâu Ni. Họ là: (1) Ma Ha Ca Diếp, cũng gọi là Đại Ca Diếp; (2) A Nan Đà, có nghĩa là “Hoan Hỷ”, “Khánh Hỷ”; (3) Xá Lợi Phất, cũng gọi là Xá Lợi Phất Đa La hay Xá Lợi Tử; (4) Mục Kiền Liên, cũng gọi là Đại Mục Kiền Liên, gọi tắt là Mục Liên, có nghĩa là “Đại Tán Tụng”; (5) A Na Luật hay “A Ni Luật Đà”, có nghĩa là “Nhu Ý”, “Vô Tham”; (6) Tu Bồ Đề hay “Tu Phù Đề”, có nghĩa là “Không Sinh”, “Thiện Cát”, “Diệu Sinh”...; (7) Phú Lâu Na, tên tắt của “Phú Lâu Na Di La Ni Tử”, có nghĩa là “Mãn Từ Tử”; (8) Ca Chiên Diên, cũng gọi là “Ma Ha Ca Chiên Diên”; (9) Ưu Bà Ly hay “Ưu Ba Lợi”, ý chỉ “Cận Thủ”, “Cận Chấp”; (10) La Hộ La, có nghĩa là “Chưong Nguyệt”, “Chấp Nguyệt”, “La Vân”...

TÂM NGỘ KỲ PHÚC

Khi Phật Tổ ở Tịnh xá Đê Viên có một Tỳ kheo bị mắc bệnh nặng, vì ngã bệnh đã lâu, không thể quét dọn phòng được, nên trong phòng của thầy vô cùng dơ bẩn. Hồi thầy mới bị bệnh còn có rất nhiều người tới thăm nom, nhưng lâu dần chẳng có ai muốn tới hỏi han nữa.

Sau khi Phật Tổ biết chuyện, một hôm ngài tới phòng của Tỳ kheo đó hỏi han: “Con bị bệnh à, có người tới thăm nom con không?”

“Ban đầu có rất nhiều người tới, về sau bệnh của con kéo dài, chẳng có ai tới thăm nữa.”

“Bệnh của con giờ thế nào rồi?” Phật Tổ hỏi.

“Phật Tổ! Bệnh cũ khó khỏi.” Tỳ kheo đó nói trong nước mắt.

Sau khi Phật Tổ nghe xong, đích thân đỡ Tỳ kheo dậy, bỗng, bệnh tình của Tỳ kheo liền thuyên giảm.

“Phật Tổ, cảm tạ thầy, bệnh của con khỏi rồi. Con đã bị người ta bỏ rơi, tại sao Phật Tổ từ bi vậy?” Tỳ kheo hỏi.

“Con người nên giúp đỡ nhau, anh giúp đỡ tôi, tôi cũng nên giúp đỡ anh.” Phật Tổ nói.

“Phật Tổ! Con chưa hề giúp thầy bao giờ.”

“Con giúp ta rồi. Con chưa được chứng quả, con không biết chuyện Vãng Tích nhân trung.”

“Xin Phật Tổ từ bi khai thị!”

Ở Vãng Tích có một vị vua độc ác, vì tích góp của cải mà chẳng từ bất cứ thủ đoạn nào. Bấy giờ có một danh tướng rất từ bi, không tiếc sinh mạng bầm tấu, tăng lữ đó may mắn thoát chết, vị tướng quân đó là con, tăng lữ kia chính là ta.”

Tỳ kheo nghe xong vô cùng hoan hỷ, mắc bệnh quá lâu, may được Phật Tổ đại từ bi, giải thoát cho mình thoát khỏi sự cô tịch và trọng bệnh, giúp thầy lại có được hơi ấm tình người, sức khỏe và niềm vui.

Phật Tổ nói: “Trong Bát phúc điền, khán bệnh phúc điền là Phúc điền đầu tiên.”

Khán bệnh cũng là cầu phúc, cũng là việc tu hành, Phật Tổ rất chú trọng việc thăm nom người bệnh.

So với người mắc bệnh, bạn mạnh khỏe chính là điều hạnh phúc; so với người khiêm thị, bạn có mắt sáng chính là hạnh phúc; so với người tập tễnh, bạn có đủ cả hai chân chính là hạnh phúc; so với kẻ đói khát, bạn no đủ chính là hạnh phúc; so với người phiền não, bạn có được sự an tường chính là điều hạnh phúc; so với những kẻ bất hạnh, bạn may mắn hơn họ. Nếu cảm nhận được hạnh phúc của

mình, vậy thì hãy đem hạnh phúc của ta chia sẻ với người khác!¹

Trí tuệ Thiên:

Sống cảm ân trong thuận cảnh, tâm vẫn giữ niềm vui, mực thước, khoái lạc trong những phút giây hiện tại vào lúc nghịch cảnh.

-
1. Bát giới Tăng lữ – “Ngũ giới”, “Bát giới” trong Phật môn đều là những quy phạm cơ bản trong hành vi thường nhật nhằm ràng buộc các đệ tử xuất gia hay tại gia của Phật giáo Đại thừa và Tiểu thừa. “Ngũ giới” là năm loại giới quy có tính hạn chế mà các nam nữ tín đồ phải thọ trì suốt đời, cũng gọi là Tái giới ưu bà. “Bát giới” là giới quy mà nam nữ tín đồ thọ trì trong thời gian quan trai. Ngoài “Ngũ giới” còn có thêm Tam giới, tổng cộng là “Bát giới”:
(1) Không sát sinh; (2) Không trộm cắp; (3) Không tà dâm; (4) Không nói dối; (5) Không uống rượu; (6) Không ngủ và ngồi ở những giường rộng, cao; (7) Không trang sức và xem múa hát; (8) Không ăn không đúng giờ.

THIỀN NÓI VỀ VUI KHỔ

Đàn Dĩnh (989 – 1080) là thiền sư phái Lâm Tế thời kỳ Bắc Tống, ông họ Khâu, người Tiền Đường (nay thuộc Hàng Châu, tỉnh Triết Giang). Ông xuất gia tu ở chùa Long Hưng, tham học và đắc pháp ở chỗ của thiền sư Cốc Ẩn Uẩn Thông, kế tục đời thứ 10 ở Nam Nhạc. Đàn Dĩnh sau khi đắc pháp tới ở chùa Kim Sơn, Linh Ẩn, Tuyết Đậu... giao thiệp rộng với những kẻ có quyền thế, những lời lẽ ông viết đa phần dành cho những bậc quan lại tới tham học, nên có tên là “Đăng môn tập”.

Hàng ngày thiền sư Đàn Chiêu khai thị cho các tín đồ đều lặp đi lặp lại: “Sung sướng a! Sung sướng a! Cuộc đời sung sướng thật!”

Nhưng có một lần ông bị bệnh, lúc bệnh thỉnh thoảng kêu lên: “Đau khổ quá! Đau khổ! Đau khổ quá!”

Đại hòa thượng trụ trì nghe được tới trách ông: “Ấy! Một kẻ xuất gia bị bệnh mà cứ kêu khổ, khổ, chẳng ra sao cả!”

Thiền sư Đàn Chiêu nói: “Mạnh khỏe thì sung sướng, mắc bệnh đau khổ, đó là chuyện đương nhiên, tại sao không thể kêu khổ chứ?”

Trụ trì nói: “Hãy nhớ có lần thầy rơi xuống nước, khi sắp chết đuối thế mà mặt thầy chẳng biến sắc, bộ dạng chẳng hề khiếp sợ, coi chết như được trở về. Bản lĩnh đó của thầy bây giờ đâu rồi? Hàng ngày thầy thường nói sung sướng, sung sướng, tại sao khi bị bệnh phải rên đau khổ, đau khổ chứ?”

Thiền sư Đan Chiếu nói với hòa thượng Trụ trì: “Thầy tới đây, tới đây, thầy tới trước giường tôi đây!”

Trụ trì tới bên giường, thiền sư Đan Chiếu hỏi thì thầm: “Đại hòa thượng trụ trì, thầy vừa nói ta ngày trước nói sung sướng a, sung sướng a! Giờ cứ nói đau khổ, đau khổ! Xin thầy hãy nói thật cuộc là nói sung sướng mới đúng chứ gì? Hay nói đau khổ đúng?”

Cuộc sống phải cầu việc thực, cần có tinh thần thực tiễn. Nên sao thì là vậy, khi sướng thì nói sướng, khi khổ thì nói khổ, đó mới là cảm nhận chân thực về cuộc sống, chẳng nhất thiết phải cố dấu diếm hay nói những lời đi ngược lại lòng mình. Con người nếu che đậy quá nhiều sống sẽ mệt mỏi, bởi thế chúng ta phải như vậy, có thể chúng ta mới nhẹ nhõm.

Cuộc sống có đủ ngũ vị, cay đắng ngọt bùi mặn, ngũ vị đều đủ. Cuộc sống không thể cứ hạnh phúc mãi, cũng không thể đau khổ triền miên. Bởi vậy, khi sung sướng hãy cảm nhận cảm giác hạnh phúc, khi đau khổ hãy ném mùi

đau khổ, và hãy tin rằng đó đều là những cảm giác chân thực trong cuộc đời, nên chấp nhận một cách thành thực.

Trí tuệ Thiên:

Sung sướng tràn trề sẽ vui quá đâm buồn; đau khổ lạnh lẽo sẽ khổ một cách vô vị; cuộc đời tốt nhất hãy sống trung dung không khổ, cũng chẳng sướng.

BUÔNG XUÔI TẤT CẢ

Học thiền thường nói “bỏ xuống”, buông đi sẽ có sự thay đổi về cảnh giới thân tâm mà sự thay đổi về cảnh giới thân tâm này thực tế bao gồm việc bỏ đi chấp chước và dẫn đến những thay đổi xác thực. Đó cũng chính là chân tướng hiểu rõ sự tình Không hữu bất nhị, nhất thiết tự tại, là một thứ công năng về tâm.

Khi Phật tại thế có một người ở Bà La môn tên gọi Hắc Chỉ tới vận dụng thần thông, hai tay cầm hai chiếc bình hoa tới dâng lên cho Phật.

Phật nói với Hắc Chỉ Bà La môn rằng: “Hãy buông ra!”

Bà La môn bỏ chiếc bình hoa ở bên tay trái xuống.

Phật lại nói: “Hãy bỏ xuống!”

Bà La môn lại bỏ chiếc bình hoa bên tay phải xuống.

Nhưng, Phật vẫn nói với người đó rằng: “Hãy buông ra đi!”

Bấy giờ Hắc Chỉ Bà La môn nói: “Tôi đã hay tai trống trơn rồi, chẳng còn gì có thể bỏ xuống nữa, xin hỏi giờ ngài muốn tôi bỏ đi thứ gì thế?”

Phật nói: “Ta chẳng hề nói anh nói bỏ bình hoa xuống, thứ mà tôi muốn anh bỏ xuống là Lục căn, Lục trần và Lục thức. Khi anh bỏ đi tất cả, chẳng còn thứ gì, anh sẽ thoát khỏi chiếc xiềng sinh tử.”

Lục căn được đề cập đến trong “Bán nhược ba la mật đa tâm kinh”, Lục căn của con người chính là “Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý”, nhằm chỉ tâm phân biệt của con người.

Lục trần nhằm chỉ Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, cũng gọi là “Lục cảnh”, là 6 cảnh giới không thể thiếu khi chịu tác dụng của Lục căn, tức mắt có thể nhìn thấy màu sắc, tai có khả năng nghe được âm thanh, mũi có thể ngửi thấy hương vị, lưỡi có thể nếm được mùi vị, thân dùng để tiếp xúc, ý có suy ngẫm, quan niệm, bao hàm mọi đối tượng có thể nhận thức được. “Lục cảnh” có khả năng mê hoặc tâm tư chúng sinh hướng ngoại, tức có nghĩa chúng dễ che lấp đi chân tâm vốn có của chúng sinh, do tính ô nhiễm, bởi thế còn gọi là “Lục trần”, vì vậy “Lục cảnh” cũng gọi là “Lục trần”.

Còn Lục thức là sự sản sinh của “Lục căn” mà “Lục trần” bị hấp thu một cách tương ứng, chính là “nhãn thức, nhĩ thức, tị thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

“Lục căn”, “Lục thức”, “lục cảnh” chính là “Thập bát giới”. Thập bát giới là trung tâm của nhận thức con người nhằm phân loại mọi sự vật hiện tượng trong thế giới. Thân của mỗi người đều hội đủ mười tám giới. Trong đó Lục căn

có công năng nhận thức; Lục trần là đối tượng nhận thức; Lục thức là sự cảm nhận và quan niệm tương sinh.

Mặc Chỉ Bà La môn sau khi nghe Phật Tổ nói những lời đó liền hiểu được ý nghĩa của việc buông xuống, mà chiếc bình hoa vốn đã được bỏ xuống thực là sự vứt bỏ mà Thiền không nói. Sự trượng lên tới cực điểm của cái tôi nội tâm trong một con người tới mức tự cho là vô ngã, đó là một thứ vọng tưởng kiên cố, chấp chước bởi một chữ “buông”, chẳng hề là sự buông xuống chân chính, nhìn thấu thực sự.

Còn sự “vứt bỏ” thực sự rất khó làm được, người có công danh không chịu bỏ công danh; có tiền không thể vứt tiền; có tình không thể bỏ tình; có sự nghiệp không bỏ được sự nghiệp.¹

Trí tuệ Thiền:

1. Thiên Đài tông – một tông phái Phật giáo Trung Quốc - Thiên Đài tông là một tông phái Phật giáo Trung Quốc được sáng lập sớm nhất được lấy tên bởi người sáng lập là Trí Ý thường ở núi Thiên Đài, Triết Giang . Giáo nghĩa chủ yếu của nó dựa vào “Diệu pháp liên hoa kinh”, nên cũng gọi là Pháp Hoa tông. Những người học Thiên Đài tông thường tự xưng kế thừa 9 tổ là Long Thụ, Huệ Văn, Huệ Tư, Trí ý, Quán Đỉnh, Trí Uy, Huyền Lăng, Trạm Nhiên. Tư tưởng của tông phái này tuy bắt đầu từ Long Thụ, thực khởi nguồn bởi Huệ Văn người thời Bắc Tề. Kinh điển và Phán giáo lấy “Diệu pháp liên hoa kinh” làm tôn chỉ, “Đại trí độ luận” làm kim chỉ nam, “Đại ban niết y bản kinh” là phù sở, “Đại ban nhược kinh” là quán pháp.

Gánh nặng trên vai, áp lực trong tâm đầu có dừng lại ở bình hoa trên tay? Những gánh nặng và áp lực này có thể nói là khiến cho cuộc sống của con người vô cùng gian khổ, lúc cần thiết, lời dạy “buông xuôi” của Phật chẳng phải là một con đường dẫn tới giải thoát, hạnh phúc sao!

PHIỀN NÃO CHỦ YẾU VÌ LÒNG THAM

Có một chàng trai cùng với cậu của mình đi khắp nơi buôn bán. Họ tới một đất nước, gặp một con sông lớn.

Người cậu qua sông trước, xem xét tình hình bên bờ sông kia rồi men theo bờ đi được không xa trông thấy một căn lều nhỏ, bước vào vừa nhìn thấy bên trong có một quả phụ, còn có thêm một đứa con gái nhỏ.

Hai mẹ con thấy nhà buôn bước vào, đứa con gái nói với mẹ: “Mẹ! Sau nhà mình còn có một chiếc mâm lớn, nhiều năm nay chẳng dùng đến, bất kể đáng giá bao nhiêu bán đi vẫn hơn là để đó. Tốt nhất có thể đổi lấy một viên ngọc trắng, con rất muốn có một viên ngọc!”

Người mẹ nghĩ cũng thấy đúng bèn ra sau nhà, lục ra một chiếc mâm trong đồng đồ tạp rồi đem ra đưa cho nhà buôn xem.

Gã buôn dùng lực cạo nhẹ một cái, liền phát hiện chiếc mâm làm bằng vàng, thực là một báu vật vô giá. Nhưng, gã không muốn trả cho hai mẹ con này nhiều tiền thế, giả bộ rất coi thường cầm chiếc mâm ném xuống, giọng khinh khinh nói: “Ta cho là thứ gì bảo bối chứ! Đừng để thứ đồng nát dơ bẩn đó làm bẩn tay ta!” rồi bỏ đi.

Bấy giờ chàng trai cũng qua được sông, đang định men theo hướng này tới tìm người cậu của mình.

Đứa bé gái lại trông thấy một nhà buôn tới, lại nhắc mẹ về việc đổi viên ngọc.

Người mẹ biết ý con gái, nhưng không muốn lại rơi vào tình cảnh lúng túng như vừa rồi.

Người mẹ nói nhỏ nhẹ với con: “Chuyện vừa rồi đã dạy cho người ta bài học cay đắng! Thôi đi, đừng đổi nữa.”

Đứa con gái lại chẳng chịu, nói: “Họ chẳng giống nhau đâu! Mẹ xem tướng mạo của chàng trai kia, hiền lành và thẳng thắn, hoàn toàn chẳng giống bộ dạng tham lam của người vừa rồi”. Cô chẳng nghe lời khuyên can của mẹ, cứ cầm chiếc mâm ra đưa cho chàng thanh niên xem.

Chàng trai vừa nhìn, nói với họ: “Chiếc mâm này đáng giá lắm! Nó được làm từ loại vàng tía vô cùng quý giá. Tôi đổi hết tất cả số đồ của mình với bà có được không?”

Người mẹ phấn khởi nói: “Đương nhiên là được rồi!” Chàng thanh niên liền đi tìm người cậu, mượn 2 đồng vàng, thuê người chuyển hết số đồ qua sông.

Người cậu vừa nghe thấy cháu mình muốn đổi lấy chiếc mâm quý giá đó bèn nhân lúc đưa cháu chuyển hàng qua bờ sông bên kia, vội vàng tới nhà hai mẹ con với bộ dạng vô cùng hào phóng, nói: “Kỳ thực chiếc mâm này của bà chẳng đáng giá gì, nhưng thấy cuộc sống của hai mẹ con

cũng chẳng sung túc, ta đổi cho bà lấy mấy viên ngọc! Ta lỗ chút thì lỗ, ai bảo làm người có lòng tốt chứ?”

Người mẹ đã nhìn thấu được vở kịch hấn đóng, bực tức nói: “Được, ông lại tới rồi! Nói này, chiếc mâm của ta đã đồng ý bán cho một chàng trai có lòng tốt rồi. Anh ta đổi hết đồ của mình với ta. Đồ tham lam, lừa bịp!”

Gã buôn thấy mào đầu đã sai, vội chạy đi, vắt chân lên cổ chạy tới bờ sông, gào: “Đưa ta chiếc mâm quý đó!” Vì hối hận, tức quá hộc máu ra chết.

Khi người cháu tới tìm để trả 2 đồng tiền vàng, gã đã tắt thở.

Chàng trai đau lòng nói: “Cậu ơi! Vì cậu quá tham tiền mà đánh mất sinh mạng của mình, thực chẳng đáng chút nào!”

Tham dục là một con dao, không chỉ hủy hoại ở chỗ này, thậm chí mất mạng. Thiền chính là chiếc thuẫn chắn gió, nó có thể làm trong sạch tâm hồn của bạn, bảo vệ thân thể bạn. Bởi vậy, hãy ném đi cái hại của dục vọng, bình tĩnh suy xét mọi thứ, không tham lam sẽ vô hại.

Trí tuệ Thiền:

Thiền cho rằng, mọi phiền não chỉ vì lòng tham, Bản lai vô vật, tham lam và sung sướng đến từ đâu.

BỎ DAO MỔ XUỐNG, ĐỨNG LÊN THÀNH PHẬT

“Bỏ dao mổ xuống, đứng lên thành Phật” là một câu nói ẩn dụ về mối quan hệ của một nhà chuyên mổ heo và một vị hòa thượng. Hàng ngày vị hòa thượng sau khi bị những âm thanh của kiến làm tỉnh giấc liền bắt đầu gõ mõ, ngày nào cũng thế, lâu dần hòa thượng cảm thấy rất chán ghét. Vì thế dùng một ấm nước sôi đổ vào đám kiến. Hòa thượng vô cùng hối hận, muốn tìm đến cái chết vì đã sát sinh, tới bên vách núi lại thấy xót xa một hồi.

Đang chuẩn bị nhảy xuống thì gã mổ heo tới, hỏi: “Thầy làm thế là vì sao vậy?”

Hòa thượng nói: “Ôi! Đừng nhắc đến nữa, ta tội nghiệp trăm trọng.” Rồi kể đầu đuôi câu chuyện, nói chuẩn bị nhảy xuống vách để tìm cái chết.

Gã mổ heo vừa nghe xong bèn nói: “Áy! Nếu nói giết, ngày nào tôi cũng giết, năm nào cũng giết, số heo giết còn nhiều hơn cả kiến của thầy nữa, để ta đi trước!”, vì thế gã mổ heo lao người xuống. Đúng lúc đó, dưới vách núi có một con chim phương hoàng bay tới cấp gã mổ heo đi. Trên không vắng tới tiếng nói rằng: “Bỏ dao mổ xuống,

đứng lên thành Phật”, Hòa thượng ân hận: “Ta làm sao do dự như thế, chẳng nhảy trước cho rồi! A!”

Thiền có thể cởi mở tâm hồn chúng ta, gợi mở trí năng của chúng ta, đưa chúng ta vào thế giới tự do siêu thoát. Nó hoàn toàn phù hợp với điều kiện chân thiện mỹ, bởi vậy, phát nguyện bồ đề, đi theo con đường thiện, học Phật làm người đem tới lợi ích cho chúng sinh. Làm việc chăm chỉ, làm người thực thà, học Phật cần mẫn, quan sát đời người, thể hội cuộc đời, giác ngộ nhân sinh, dâng hiến cuộc đời tự thân cũng tạo ra những điều kiện chân thiện mỹ.¹

Trí tuệ Thiền:

Thiền chú trọng viên mãn đối lập, coi đó là một thứ bác ái. Con người đều có Phật tính, ai ai cũng có thể thành Phật. Điều này mang tính hướng dẫn, khuyến khích việc thiện, hạn chế cái ác.

-
1. Tịnh Thổ tông – Tông phái Phật giáo Trung Quốc - Tịnh Thổ tông vì chuyên tu pháp môn Tịnh thổ Phật A Di Đà mà có tên gọi như vậy, và vì thủy tổ Huệ Viên của tông phái này từng lập Liên xã ở Lư Sơn, đề xướng vãng sanh Tịnh thổ, nên cũng gọi là Liên tông, thực tế người sáng lập chính là Thiền Đạo đời Đường. Giáo nghĩa của tông phái này giản dị, tôn chỉ chủ yếu là lấy việc tu hành niệm Phật hạnh nghiệp làm Nội nhân, nguyện lực Di Đà làm Ngoại duyên, nội ngoại tương ứng, vãng sanh Cực lạc Tịnh thổ. “Vô lượng thọ kinh”, “Quan vô lượng thọ kinh”, “Kinh A Di Đà” và “Vãng sanh luận” của Thế Thân là những kinh điển của tông phái này, gọi là Tam kinh nhất luận. Những tác phẩm “Quan vô lượng thọ kinh sơ”, “Vãng sanh lễ tán”, “Quan niệm pháp môn”, “Pháp sự tán”, “Ban châu tán” của Thiền Đạo là những tác phẩm tiêu biểu của môn phái này.

YÊN ỔN TÙY NGỘ

Thiên cũng có những đóng góp to lớn đối với hòa bình của thế giới, hạnh phúc của nhân loại. Người xuất gia từ thân cát ái vì mục đích truyền thừa mãi mãi tính liên tục của chân lý nhằm ký thác tinh thần của nhân loại và hiến trọn một đời, cam chịu đăm bọc và chẳng phải người nào cũng làm được. Bởi vậy Cổ Đức nói: “Xuất gia là việc của đại trượng phu, chẳng phải hạng vũ dũng có thể làm được.”

Còn trong xã hội loạn anh hùng dựa trên sự thành bại này, chúng ta thực sự cần một thái độ yên ổn tùy ngộ. Ai nói tranh đấu với số mệnh nhất định sẽ chiến thắng chứ hay số mệnh bản thân đã là đúng rồi! Bởi thế, chúng ta nên yên ổn tùy ngộ! Thuận theo lẽ tự nhiên. Có lẽ, tâm cảnh như thế có thể khiến cho chúng ta có được niềm vui bất ngờ kiểu “Liễu mờ hoa tỏ lại một thôn”.

Trước kia có hai anh em mỗi người đều làm những hàng hóa riêng và đem đi làm ăn, đi mãi tới một đất nước. Người của đất nước này đều chẳng mặc quần áo, gọi là “nước Lỗ Nhân”.

Người em nói: “Phong tục tập quán ở đây hoàn toàn khác với chúng ta, muốn làm ăn tốt ở nơi này thực chẳng dễ dàng đâu! Song, tục ngữ có câu: “Nhập gia tùy tục”. Chỉ

cần chúng ta cẩn thận, ăn nói khiêm nhường, làm việc theo phong tục tập quán của họ, chắc sẽ không có vấn đề gì.”

Người anh lại nói: “Bất kể ở nơi nào, lễ nghĩa không thể không nói, đức hạnh không thể không cầu. Chẳng lẽ chúng ta cũng ở trường như họ sao? Điều này thật suy phong bại tục.”

Người em nói: “Thời xưa chẳng thiếu gì hiền nhân, dù rằng hình thể có những thay đổi, nhưng hành vi lại hết sức chính trực. Cái gọi là “Bỏ thân chẳng lìa đức hạnh”, điều này cũng được giới luật cho phép.”

Người anh nói: “Vây! Em hãy đi xem tình hình trước xem sao đã, sau đó sai người nói lại với anh.”

Người em trả lời: “Vâng!” và người em tiến vào nước Lỗ Nhân trước.

Sau 10 hôm, người em sai người nói với anh: “Nhất định phải tuân thủ phong tục tập quán địa phương mới có thể làm nên việc.”

Người anh tức giận nói: “Không làm người mà muốn bắt chước bộ dạng của súc sinh hành sự, đó chẳng lẽ là việc quân tử đáng làm sao? Ta tuyệt không thể làm giống em mình như vậy.”

Theo phong tục nước Lỗ nhân, hàng tháng vào tối mùng 1 và rằm, mọi người dùng dầu day sát đầu, dùng đất trắng vẽ các loại hoa văn lên thân thể, đội các loại trang sức, gõ đá, nam nữ tay nắm tay, nhảy múa hát ca.

Người em cũng học điệu bộ của họ, cùng họ vui múa hát ca.

Mọi người ở nước Loa Nhân bắt kể nhà vua hay là dân thường đều vô cùng yêu quý người em, quan hệ của họ rất thân thiện.

Nhà vua mua hết toàn bộ số hàng của người em và trả họ số tiền đất gấp 10 lần.

Người anh cũng tới, mở miệng là nhân nghĩa đạo đức, chửi rủa người nước Lỗ Nhân rằng thế này không được, thế kia chẳng hay khiến cho nhà vua và nhân dân phẫn nộ. Mọi người bắt anh ta lại, đánh cho một trận như tử, toàn bộ hàng hóa đều bị cướp hết. May nhờ người em nói giúp, ông anh mới được thả ra.

Hai anh em đang chuẩn bị lên đường về nước, người nước Lỗ Nhân đều nhiệt tình chạy theo người em đưa tiễn, nhưng không ngớt chửi bới người anh. Người anh tức quá, song cũng chẳng biết làm sao.

Tùy thời, tùy tính, tùy ngộ, tùy duyên, tùy hỷ, đó là những đòi hỏi phải có sau khi nhận thức thấu triệt về cuộc sống rồi mới có thể dẫn đến đại triệt đại ngộ!

Trí tuệ Thiên:

Non xanh đầy mắt là Thiên, đất rộng bát ngát là Thiên, sông dài ngút ngàn là Thiên, suối tuôn róc rách là Thiên, núi xanh tre biếc là Thiên, hoa vàng sum suê là Thiên. Trên con đường đời, có lúc chúng ta không có khả năng lựa chọn hoàn cảnh sống, vì thế nên học cách yên ổn tùy ngộ.

THẬT LÒNG

Ngày xưa trong một ngọn núi có một con chim vua anh vũ. Thuộc hạ của nó có hơn 3 nghìn, trong đó có hai con anh vũ, đầu bự, thân thể hết sức cường tráng. Chúng thích đàn đúm với nhau, muốn làm điệu bộ dí dỏm khiến cho những con khác thích thú.

Một lần chúng nghĩ ra một trò chơi mới – hai con mổ vào đầu một cây gậy tre, để vua anh vũ đậu bên trên cây làm thành chiếc xe. Họ chở vua chim anh vũ như thế bay liệng trên bầu trời.

Vua chim anh vũ cũng thích trò đó, trên, dưới, trái, phải, đằng trước, đằng sau mỗi phía có 500 con, 6 mặt tổng cộng có tới 3 nghìn con anh vũ, bay qua bay lại hộ tống. Chúng còn phải chuẩn bị ăn và cung ứng cho chim vua.

Một hôm, chim vua anh vũ bỗng nghĩ: “Trò chơi này đã thì đã thật, nhưng cứ thế này mãi sẽ dần dần mất đi phẩm đức và sự tu dưỡng tốt. Đồng thời, những thuộc hạ bây giờ quả thực đang tận tâm tận sức phục dịch mình, nhưng họ có thực bụng hay là giả dạng? Nếu có! Ta giả bệnh không ăn thứ gì, xem họ sẽ ra sao.” Vì thế, khi vua chim anh vũ đang chơi, nó giả bộ thân thể khó chịu, từ từ nằm xuống một bên, chẳng nhúc nhích gì.

Những con anh vũ kia phát hiện thể bèn dùng những lá cây qua quýt đắp lên người chim vua anh vũ, rồi ai đường nấy đi.

Chim vua anh vũ nhìn bốn bên, chẳng thấy con anh vũ nào khác bèn rời bỏ nơi đó, tới núi sâu tìm thức ăn.

Sau khi những con anh vũ kia bay đi liền bay tới một ngọn núi khác để bái kiến một con anh vũ vua khác và nói: “Đại vương! Vua nước chúng con đã chết rồi. Hãy cho chúng con tới nơi này của ngài, làm đầy tớ cho ngài nhé!”

Vua anh vũ kia nói: “Nhà vua nước các người có thực đã chết không? Ta muốn nhìn thấy thi thể, nếu thực sự đã chết, ta mới có thể tiếp nhận các người, nếu không, làm như vậy chẳng hay ho gì.”

Bầy anh vũ này hết cách chỉ còn biết lại bay trở về tìm thi thể của chim vua anh vũ cũ, nhưng không sao tìm thấy cả. Chúng lại bay tới nơi rừng sâu, trên nam thách, trong động, tìm kiếm khắp nơi. Cuối cùng tìm thấy, nhưng chẳng phải thi thể mà là chim vua anh vũ sống sờ sờ. Chúng liền giống như ngày trước, cần mẫn phụng sự chim vua.

Chim vua anh vũ cảm khái nói: “Ta vẫn còn chưa chết, các người đã bỏ đi rồi; cả ngày các người tìm trò mua vui, chẳng hề có chút chí, thể gian thật khó tìm ra lũ chim như các người.” Nói xong, nó bay đi luôn.

“Thật lòng”, vô số tâm niệm giống như lũ chim xoàng. Tìm ra chân tâm sẽ phát hiện được ý nghĩa đích thực của

sinh mạng. Tất cả phẩm chất của loài đều cộng lại chẳng bằng một chút lòng thành thực. Mưu cầu tìm ngựa quý cuối cùng gặp được Bản lai diện mục. Tâm chính là lòng, sá chi thiện ác, thật giả, chúng chỉ là biểu hiện của tâm niệm.¹

Trí tuệ Thiền:

Phật nói, nhà sư mặc áo tu, du khách mặc thường phục. Nhà sư có tâm đã là du khách trước Phật. Du khách vô tâm tức là nhà sư trước Phật. Tâm chưa định sẽ sống trôi nổi một đời; tâm kiên định có thể trở thành thần, Phật.

-
1. Thiền tông – Một tông phái Phật giáo Trung Quốc – Thiền tông chủ trương tu tập Thiền định mà có tên gọi như vậy. Vì lấy phương pháp tham cứu, căn cơ triệt kiến tâm tính làm tôn chỉ chủ yếu, nên cũng gọi là Phật tâm tông. Theo truyền thuyết, người sáng lập là Bồ Đề Đạt Ma. Những kinh điển của tôn phái này chủ yếu là học thuyết “Nhị nhập”, “Tứ hạnh” của Đạt Ma, đề xướng tâm tính vốn tịnh, Phật tính vốn có, kiến tính thành Phật. “Kinh lăng già”, “Kinh kim cang”, “Kinh Lục tổ đàn” là những tác phẩm tiêu biểu. Thiền tông lưu truyền lâu nhất trong các tông phái Phật giáo ở Trung Quốc, tới nay vẫn tiếp tục bảo lưu. Nó cũng có những ảnh hưởng quan trọng về tư tưởng triết học ở Trung Quốc.

NHÂN QUẢ KIỀN THÀNH CỦA PHẬT

Một hôm, A Nan hỏi Phật Tổ: “Kiền thành là gì?”

Vì thế, Phật kể cho nghe một câu chuyện như sau.

Có một người từng chăm chỉ học Pháp, tinh tâm cầu đạo, hết sức thanh khổ, sau khi chết được chuyển sinh thành thái tử, tên gọi là Thị Chúng.

Bầu trời quang đãng, ánh nắng chan hòa, thái tử ở lâu trong vương cung, muốn ra ngoài thơ thẩn, bèn một mình đi ra ngoài vương cung. Đi được một lát thì gặp một người. Chỉ thấy người này mặt mày bơ phờ, chẳng có chút sắc huyết, uể oải ngã quỵ xuống đất, đau khổ rên la, bộ dạng bệnh tình khá nghiêm trọng.

Thái tử bỗng sinh lòng xót thương, muốn làm chút gì đó cho người bệnh, bèn hỏi: “Bệnh của nhà người nặng quá, thuốc gì mới có thể chữa khỏi bệnh cho người được chứ?”

Người bệnh vừa nhìn thái tử, trả lời một cách khó khăn: “Con mắc căn bệnh rất kỳ quái, thuốc gì cũng không thể chữa khỏi, chỉ có dùng máu của thái tử mới chữa được thôi.”

Thái tử vừa nghe xong, chẳng nói lời nào liền rút con dao găm giắt bên hông cửa vào cơ thể mình, máu tươi bỗng tuôn ra. Thái tử nâng đầu bệnh nhân lên cho anh ta uống máu tươi của mình để lành bệnh.

Cam tâm tình nguyện hiến máu quý giá của mình, thành tâm thành ý giúp đỡ người bệnh, trong lòng thái tử không chỉ chẳng có mảy may hối hận, ngược lại vì máu của mình có thể cứu được một sinh mạng cảm thấy rất yên lòng.

Trong “Tập pháp cú” viết: “Dù làm việc ác nhỏ, hậu quả cảm thấy rất đáng sợ, có thể gây tổn hại lớn, như độc vào bụng; dù làm phúc nghiệp nhỏ, học thể cảm thấy rất sung sướng, có thể làm nên cái lớn, như lương thực đã chín.” Vì thế chúng ta nên biết rằng thiện ác nhỏ bé, như hình với bóng sẽ sản sinh những đau khổ, hạnh phúc vô chừng. Vì thế, đối với thiện nghiệp nhỏ cũng phải gắng làm, đừng vì thiện nhỏ mà không làm; đối với ác nghiệp nhỏ cũng phải cố gắng đoạn trừ, đừng vì ác nhỏ mà làm.¹

-
1. Mật tông – Một tông phái Phật giáo Trung Quốc - Mật tông cũng gọi là Mật giáo, Bí Mật giáo, Yoga Mật giáo, Kim cang thừa, Chân ngôn thừa... Vì tông phái này dựa vào Lý sự quán hành, tu tập Tam mật Yoga (tương ứng) có được Tất địa (thành tựu) mà lấy tên như thế. Tông phái này cho rằng thế giới vạn vật, Phật và chúng sinh đều tạo thành bởi “Lục đại”, gồm đất, nước, lửa, gió, không khí và thức. Nghi quy trong Mật giáo phức tạp, tất cả việc lập đàn, cúng dường, tụng chú, quán đỉnh... đều có những quy định nghiêm ngặt, cần có A Lê (thầy hướng dẫn) truyền thụ bí mật.

Trí tuệ Thiên:

Phật nói, dù rằng thiện nghiệp còn con cũng có thể cảm nhận được niềm vui lớn; ác nghiệp tuy nhỏ cũng có thể đem đến hậu quả khổ đau khôn lường.

LÒNG THAM HỄ PHÁT, HẠI NGƯỜI HẠI MÌNH

Ở địa phương nọ từng xảy ra đợt mất mùa, có một nhà sư gửi 5 đấu gạo đi qua làng Vu Sơn, chỗ gạo đó dùng để cứu tế cho những người khó khăn cùng cực. Vì trời đã tối, nhà sư vào ở nhà trong một gia đình thợ mộc.

Thợ mộc và vợ của anh ta sau khi nhìn thấy gạo của nhà sư bèn nảy lòng nham hiểm. Vì thế tính khi trời tối sẽ giết nhà sư qua đường này. Nhưng con của hắn không hiểu, tối lại ngủ cùng với nhà sư.

Tới canh 2, người gửi gạo dậy vào nhà xí. Tay thợ mộc cầm rìu vào phòng ngủ, trong lúc tối tăm trông thấy một người đang ngủ say, hắn liền dùng rìu chặt phăng đầu của đối phương và gọi vợ: “Mình tới mau lên, 5 đấu gạo này đã thuộc về chúng ta rồi!”

Người vợ cầm đèn lên soi phát hiện thấy người bị giết chính là con trai mình và khóc lóc đau đớn. Nhà sư gửi gạo ở bên ngoài nghe thấy, than rằng: “lòng tham hễ phát, hại người hại mình.”

“Kinh pháp hoa” từng nói: “Nguyên nhân của mọi đau khổ đều bắt nguồn từ lòng tham.” Phật cũng cảnh giới

đệ tử nhiều lần trong “Kinh Lăng nghiêm” rằng: “Tham dục là một trong những nguyên nhân căn bản đẩy chúng sinh vào luân hồi, tham dục phiền não sẽ che mắt chúng sinh khiến cho họ rơi vào ác mộng luân hồi, mãi mãi không thể tỉnh ngộ.

Trí tuệ Thiền:

Phật chẳng bảo vệ con người, mà con người cần tự bảo vệ mình; Phật không cầu người mà muốn người tự cứu lấy bản thân. Lầm đường coi Phật là thần, song không biết rằng “Bồ Tát Nê qua sông, tự mình khó giữ gìn”. Phật chỉ độ người kiến tánh, không bảo đảm được tâm ý sung túc.

ĐẠT MA BÀN VỀ CHÂU BÁU

Tổ sư Đạt Ma vốn tên là Bồ Đề Đa La, người miền nam Ấn Độ, xuất thân trong gia đình quý tộc Bà La môn, là người con thứ 3 của Hương Chí Vương, về sau gặp được Ban Nhược Đa La, vì sư tổ quý trọng mà độ hóa xuất gia đổi tên thành Bồ Đề Đạt Ma.

Trước khi Đạt Ma xuất gia đã có tài trí hơn người, thiện căn thoát tục, có một lần tôn giả Ban Nhược Đa La chỉ một đồng châu báu hỏi ba anh em Đạt Ma rằng: “Trên thế gian còn có gì quý giá hơn vàng bạc châu báu không?”

Người anh cả Nguyệt Tịnh Đa La trả lời: “Không có! Những vàng bạc châu báu này là thứ quý giá nhất trong gia đình vương giả chúng ta. Thế gian làm gì còn thứ gì quý giá hơn những thứ báu vật đó.”

Người anh thứ hai Công Đức Đa La cũng trả lời: “Con vẫn chưa nhìn thấy thứ gì quý giá hơn những vàng bạc châu báu đó trên thế gian này.”

Chỉ có người em thứ ba Bồ Đề Đạt Ma lại không đồng ý với suy nghĩ đó và trả lời: “Con không cho rằng câu trả lời của hai anh đều đúng, những châu báu này kỳ thực chẳng hề có giá trị gì!”

Cả hai người anh đều phản bác, hỏi: “Tại sao những châu báu này không có giá trị, vậy báu vật có giá trị là thứ gì?”

Bồ Đề Đạt Ma nói: “Vì những báu vật này nó tự thân không thể biết được giá trị của mình, cần phải có trí năng giả định của con người phân biệt, ngược lại chẳng qua chỉ là những thứ vô tri vô giác mà thôi. Còn chân lý Phật pháp mà Phật Tổ nói đó chính là Pháp bảo, Pháp bảo là thứ được phát huy bởi trí năng Ban nhược của con người. Nó không chỉ có khả năng tự chiếu sáng mà còn có thể khu biệt với các thứ báu vật với hình sắc đa dạng, càng có thể phân biệt được với mọi thứ thiện ác trên thế gian và xuất thế gian, bởi thế, trong các loại châu báu, thứ đáng trân trọng nhất chính là pháp bảo chân lý tối thượng.”

Tài trí và kiến giải siêu thoát của Đạt Ma chẳng hề bị ràng buộc bởi truyền thống. Với nhân duyên siêu việt đó, sau khi xuất gia, Đạt Ma kế thừa y bát của Ban Nhược trở thành tổ sư thứ 28 của Tây Thiên. Vào thời vua Lương Vũ, Đạt Ma từ phương đông tới Trung Quốc, ở 9 năm tại Thiếu Thất Phong Diện Bích, ông cũng chính là vị tổ sư đầu tiên của Đông Thổ.¹

-
1. Lăng Nghiêm tông – Một tông phái Phật giáo Trung Quốc - Lăng Nghiêm tông lấy “Kinh lăng nghiêm” làm thư tịch căn bản mà có tên như vậy và cũng vì người sáng lập tông phái Pháp Tàng, hiệu là Hiền Thủ nên cũng gọi là Hiền Thủ tông, với tôn chỉ nhằm phát huy tư tưởng “Pháp giới duyên khởi” còn gọi là Pháp Giới tông. Giáo lý chủ yếu trong Pháp giới duyên khởi nói: “Vạn pháp trong

Trí tuệ Thiền:

Thứ gì mới là báu vật thực sự? Phật, pháp, tăng cũng gọi là Tam bảo tự tánh, nó chính là bản tính chân tâm vốn có trong mỗi người, giống như câu Nhất niệm huệ giải, quang chiếu vô tận, tức chân lý pháp bảo hơn cả tiền của vàng bạc.

vũ trụ, hữu vi vô vi, khi sắc tâm duyên khởi thì dựa dẫm vào nhau, tương tức tương nhập, viên dung thông suốt giống như mạng Đà La trùng trùng vô tận và dùng các pháp môn Tứ pháp giới, Lục tướng, Thập huyền để trình bày ý nghĩa của duyên khởi vô tận. Tông phái này cho rằng, giáo nghĩa mọi sự không có trở ngại đều được Như Lai gọi là xung tánh, tức dựa vào cái dụng của phó cảm ứng cơ xuất phát bởi tính đức viên mãn vốn có gọi là thuyết Tánh khởi và Lý tánh là thứ vốn có trong chúng sanh - tánh đức vốn có trong nhân vị, cũng có nghĩa là sự hiện diện của xung tánh.

CÓ NGHIỆP CÓ BÁO

Có một tín đồ hỏi thiền sư Phổ Giao: “Tu hành pháp môn Sám hối để tự sám hối phải không hay là vì sám hối cho tha nhân? Nếu sám hối cho mình, tội tính của bản thân xuất phát từ đâu? Nếu sám hối cho người đời, người đời chẳng phải ta, làm sao phải sám hối cho họ?”

Thiền sư Phổ Giao nghe xong nhất thời không biết trả lời sao bèn bắt đầu vân du thăm viếng, hy vọng có thể trả lời được vấn đề hóc búa này. Một hôm tới nơi của thiền sư Lặc Đàm vừa bước chân vào cửa thì thiền sư Lặc Đàm gọi lớn một tiếng “uống” rồi.

Mặc dù thiền sư Phổ Giao không biết ý nghĩa của tiếng “uống”, nhưng muốn tới hỏi thì bản thân phải trình bày rõ ý trước, đâu biết đang định mở miệng, thiền trượng của Lặc Đàm đã đánh tới.

Phổ Giao không biết sao, nhưng chỉ có thể chịu đựng, sau vài ngày, thiền sư Lặc Đàm nói với Phổ Giao: “Ta có công án của Cổ Đức muốn thương lượng với thầy.”

Phổ Giao đang định mở miệng nói ngọt, Lặc Đàm lại nói to một tiếng “uống”! Đúng lúc tiếng uống này phát ra thì thiền sư Phổ Giao hoắc nhiên khai ngộ, không nhận

được cười lớn tiếng. Thiền sư Lặc Đàm đi xuống giường thiền, cầm tay của thiền sư Phổ Giao nói: “Thầy biết Phật pháp không?”

Thiền sư Phổ Giao la một tiếng “uống”, đẩy tay thiền sư Lặc Đàm ra.

Thiền sư Lặc Đàm cười ngất.

Nói tới Pháp môn sám hối có những tầng khác nhau về cấp độ: Tác pháp sám, công đức sám, vô sanh sám... Kệ rằng: “Tội bắt nguồn từ tâm thì sẽ tâm diệt, tâm nếu diệt tội cũng sẽ tiêu tan; tâm tiêu tan, tội diệt cả hai đều không thì gọi là Chân sám hối.” Sám hối cho bản thân cũng là sám hối cho tha nhân; sám hối cho tha nhân cũng là sám hối cho bản thân; ta và người không khác nhau, lý sự nhất như, hà tất phải chia tách ta và các chúng sinh khác làm gì? Nói về tội nghiệp, về Sự tướng đương nhiên có tội có nghiệp, có nghiệp có báo, nhưng xét về mặt bản thể của tự tính, đâu có khái niệm giả tội nghiệp? Một tiếng “uống” là thiện hay ác? Là vĩnh hằng hay nhất thời? Là ta hay người? Sự khác biệt trong chúng sinh thực chẳng hề phân biệt xét về chân lý.¹

-
1. Tam Luận tông – Một trong những tông phái Phật giáo Trung Quốc - Tam Luận tông do Cồ Tăng đời Tùy sáng lập, vì dựa vào tam luận là “Trung luận”, “Thập nhị môn luận” của Long Thụ và “Bách luận” của Đề Bà mà có tên như vậy. Sư tổ Long Thụ của tông phái là một học giả Phật giáo Đại thừa quan trọng sau khi Thích Ca Mâu Ni nhập diệt. Trong đó, học thuyết “Trung luận”,

Trí tuệ Thiên:

Đối với những chúng sinh mà tội nghiệp càng sâu nặng, chúng ta càng phải khoan dung cho họ, thương xót họ chứ không nên xa lánh, ruồng bỏ.

“Thập nhị môn luận” phát huy tính không duyên khởi đã xây dựng cơ sở lý luận vững chắc cho Phật giáo Đại thừa.

Thời Hội Xương bài xích Phật giáo, chương số của tông phái bị hủy diệt nặng nề, gần như tuyệt học. Cuối đời Thanh, đường biển thuận tiện, cư sĩ Dương Văn Hội bắt đầu đem về nhiều tác phẩm, chương số đã thất truyền của môn phái này từ Nhật Bản, vì thế người đời mới có thể tìm hiểu nhìn nhận được nó một cách toàn diện.

KẾT GIAO VỚI NGƯỜI CỦA PHẬT

Thiền sư Dược Sơn Chính ở viện Tịnh Thổ Hàng Châu trì luật hết sức tinh nghiêm, từng tiếp dẫn thái thú Lý Ngao quy y Phật pháp, cũng từng vào triều giải thích chuyện “Quan Âm Xá Lợi” cho Đường Văn Tông. Nhưng, ông bình sinh tính tình đạm bạc, chẳng thích thù tạc, đại thần trong triều thường xuyên cúng dường, thiền sư đều lấy cớ từ chối.

Thiền sư và Tướng Thị Lang quen biết nhau khá thân, một hôm, Tướng Thị Lang nói với thiền sư rằng: “Ngày mai văn nhân Hàn Xá tụ họp, có mấy người bạn tri kỷ, phần lớn họ đều là những danh sĩ học giả bây giờ, thành thực mời thiền sư có thể bỏ chút thời giờ tới tiêu khiển, diễn thuyết diệu pháp thì tôi đây vô cùng vinh dự!”

Thiền sư Duy Chính từ chối, Tướng Thị Lang không đồng ý, bất đắc dĩ, ông đành hứa sẽ tới. Hôm sau, khi Tướng Thị Lang sai người tới đón thiền sư, thiền sư Duy Chính đã không ở chùa, người đi đón tìm thiền sư khắp nơi chẳng thấy, nhưng thấy trên kinh án có để lại một bài kệ, viết:

Tác nhật tăng tương kim nhật kỳ, Xuất môn ý tượng hựu tư duy;

Vì tăng chỉ hợp cư nham huyết, Quốc sĩ diên trung thậm bất nghi.

(Hôm qua đã hẹn vào ngày nay, Chống gây rời khỏi nhà lại ngẫm nghĩ. Nhà sư chỉ hợp với ở nơi hang đá, Trên chiếu quốc sĩ thật chẳng tiện.)

Người đi đó đưa bài kệ cho Tường Thị Lang, Tường Thị Lang không những không trách ông ngạo mạn, thất tín, ngược lại còn càng tôn kính thiền sư Duy Chính, cho rằng Duy Chính mới thực là người trong Phật môn đáng kết giao.

Thích Ca Phật Tổ nhân gian thường hoạt động xung quanh nơi vương công đại thần, nhưng cũng chấp nhận đại đệ tử Ca Diếp tĩnh tọa bên núi non. Nên, trong “Cao tăng truyện” có những tỳ kheo khác nhau như Nghĩa Học, Hoằng Truyền, Trì Luật, Thần Dị...

Trí tuệ Thiền:

Đại sư Thiền môn có người làm quốc sư đương triều trong kinh gọi là “Tỳ kheo nhân gian”; có người thích ở nơi núi sâu rừng rậm, trong kinh gọi là “tỳ kheo Lan Nhục”, đó chính là những khác biệt về bi nguyện giữa Đại thừa và Tiểu thừa, nhưng đều có ảnh hưởng tốt đối với việc hoằng dương Phật pháp mà không nhất thiết phải đồng nhất về hình thức.

CHẶT TAY CẦU PHÁP

Thiền sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch đời Đường là người Quảng Châu, ông vốn họ Diệp. Khi được 9 tuổi, cha mẹ đưa ông tới Quảng Châu, xuất gia tại chùa Hòa An, tới năm 16 tuổi, cha mẹ lại hối hận việc cho con xuất gia, nên muốn tìm cách đón ông về nhà, muốn ông hoàn tục để chuẩn bị kết hôn. Huệ Tịch sau khi biết, hết sức kinh ngạc và vội hỏi: “Tại sao chứ?”

Cha của Huệ Tịch trả lời: “Ngày trước sở dĩ cha và mẹ con muốn đưa con tới chùa xuất gia là vì có một nhà tiên tri nói mệnh con phạm phải Hung sát, nếu không vào cửa tăng, cầu Bồ Tát phù hộ thì không thể nuôi lớn được. Giờ con đã qua khỏi tai ách, có thể hoàn tục, nối tiếp hương hỏa gia đình. Ta và mẹ con đã sắp xếp ổn thỏa nhân duyên mỹ mãn cho con. Con hà tất cứ cố trở về sống cuộc sống cơ hàn ở chùa làm gì?”

Huệ Tịch nghe xong, bất giác hết sức đau lòng, một mặt cảm nhận được tấm lòng của cha mẹ, ân tình thâm sâu, một mặt cũng cảm nhận được việc cha mẹ đã dựa vào Phật môn nhằm bảo toàn sinh mạng cho con trai. Nay tai ách vừa qua bèn liền lìa bỏ Phật môn, hành vi giả thiện giả tín, tự tư tự lợi đó thực đáng tội.

Nghĩ đi nghĩ lại, Huệ Tịch quyết tâm không tạo duyên nghiệp, không thể làm theo tâm nguyện của cha mẹ để thành hôn, nhưng cũng biết tranh cãi về lời lẽ chẳng có tác dụng gì, nên nhân lúc người nhà không để ý liền dùng đạo chặt ngón tay đeo nhẫn và ngón út ở bàn tay trái, máu me đầm đìa trên mâm bưng lên đưa cho cha mẹ và quỳ xuống xin cha mẹ thứ lỗi: “Con đã dẫn thân nơi cửa Phật làm đệ tử chánh tín. Kiếp này nguyện cầu chánh giác vô thượng, đại ân đại đức của cha mẹ, con luôn khẩn nguyện hướng về, song tuyệt nhiên không thể hoàn tục thành gia. Nay chặt đứt hai ngón tay để tỏ bày quyết tâm, xin cha mẹ cho phép con được hoàn thành tâm nguyện!”

Làm cha mẹ trông thấy hai ngón tay của Huệ Tịch đã đứt lìa ướt đẫm máu thịt trên bàn, biết được ý chí kiên định khó thể lay chuyển của con, chỉ còn có thể để Huệ Tịch trở về cửa Phật.

Về sau, khi Huệ Tịch 18 tuổi, ông tới Cát Châu, Giang Tây thăm thiền sư Đàm Nguyên truyền thụ 96 loại Viên tướng; 21 tuổi gặp thiền sư Linh Hựu thị tông được 15 năm; sau 35 tuổi lãnh chúng xuất thế trở thành đại đệ tử của Vi Sơn Linh Hựu sáng lập ra phái “Vi Ngưỡng tông” trong Thiền tông của Trung Quốc; năm 73 tuổi ông viên tịch, mọi người đều tôn xưng là “Tiểu Thích Ca”.

Trí tuệ Thiên:

Nhiều người có lẽ chưa có nhận thức đúng đắn đối với những nhà sư xuất gia, không biết “xuất gia là việc của đại trượng phu, không phải thứ hạng phách lối có thể làm được”, như vua Thuận Trị nói: “Vàng bạc ngọc trắng chưa phải quý, chỉ có cà sa khoác lên vai khó thay.”

ĐƯỜNG MUÔN LỐI

Thiền sư Động Sơn một hôm tới thăm học tăng Đức Chiếu bị bệnh nặng, Đức Chiếu xin thỉnh thị thiền sư Động Sơn: “Thầy! Tại sao thầy chẳng phát từ bi cứu một đệ tử học đạo có lòng thành thật chứ? Thầy nhẫn tâm nhìn đệ tử chết một cách oan uổng thế này sao?”

Thiền sư Động Sơn nói: “Thầy là con nhà ai vậy?”

Đức Chiếu nói: “Đệ tử là con nhà Đại Xiển Đề (ý nói là người chẳng có Phật tính)”

Thiền sư Động Sơn trầm tư không nói, hai mắt nhìn sát vào Đức Chiếu.

Đức Chiếu tỏ ra bồn chồn, nói: “Khi bốn bên đều là vách núi, thầy! Con phải làm gì mới được?”

Thiền sư Động Sơn: “Ta ngày trước cũng ra đi từ dưới hiên nhà người ta.”

Đức Chiếu nói: “Nếu vậy, con và thầy gặp nhau dưới hiên nhà, xin hỏi thầy, con và thầy có phải là đang tránh nhau không? Hay là đang không tránh nhau chứ?”

Thiền sư Động Sơn nói: “Không tránh nhau!”

Đức Chiêu vội hỏi: “Chẳng tránh nhau, vậy thầy phải kêu con đi về đâu chứ?”

Thiền sư Động Sơn chỉ bảo: “Ngũ thú Lục đạo, Mười loại Pháp giới, khắp nơi đều là đường, hà tất phải ưu phiền? Nếu con không yên lòng, vậy con có thể tới khai khẩn, trồng lúa ở ngoài ruộng đất!”

Sau khi Đức Chiêu nghe xong, nói: “Thầy! Vậy xin thầy bảo trọng.” Sau đó cả người bèn ngồi ngậy ra như hư thoát. Thiền sư Đức Chiêu trẻ tuổi này vốn đã nhập diệt sau khi nói xong.

Thiền sư Động Sơn dùng thiền trượng hươ ba cái trước mặt, nói: “Con tuy có thể đi như thế này, nhưng còn chưa thể trở về như vậy được.”¹

-
1. Luật tông – Một trong những tông phái Phật giáo Trung Quốc – Luật tông vì chú trọng nghiên cứu, học tập và truyền trì giới luật, nên có tên như thế. Thực tế người sáng lập ra môn phái là Đạo Tuyên, đời Đường. Do dựa vào “Tứ phân luật” trong năm bộ luật là lập ra môn phái, vì thế cũng gọi là Tứ Phân Luật tông. Rồi Phục Nhân Đạo Tuyên cả đời ở Nam Sơn lại có tên là Nam Sơn Luật tông hay Nam Sơn tông. Kinh điển cơ bản của tông phái là “Thập tụng luật”, “Tứ phân luật”, “Ma Ha tạng đế luật”, “Ngũ phân luật”, “Tỳ ni mẫu luận”, “Ma đặc lặc già luận”, “Thiện kiến luật tỷ bà sa”, “Tàng bà đa luận”, “Minh liễu luận”, gọi chung là Tứ luật ngũ luận. Giáo lý của Luật tông chia thành bốn khoa: Giới pháp, Giới thể, Giới hành, Giới tướng. Giới pháp là giới luật phán định của Phật; Giới hành là thực tiễn của Giới luật; Giới tướng là biểu hiện hay quy định của giới, tức Ngũ giới, Thập giới, Nhị bách ngũ thập giới... Học thuyết chủ yếu của tông phái này là Giới thể luận – lý

Trí tuệ Thiền:

Thế duyên của Đức Chiêu sắp hết, bệnh nằm liệt giường vẫn không quên tìm con đường ngoài cõi sinh tử, đúng như ông nói: “Khi sinh lão bệnh tử gần kề phải làm sao mới được chứ?” Thiền sư Động Sơn chỉ bảo rằng “khắp nơi là đường, song con đường nào là đường chính chẳng phải ai cũng có thể tìm được.”

CHỈ BIẾT THAM ĐƯỜNG, KHÔNG BIẾT ĐÃ LỖ

Thiền sư Kim Sơn Đản Dĩnh người Triết Giang, họ tục là Khâu, hiệu Đạt Quan, năm 13 tuổi xuất gia ở chùa Long Hưng, năm 18 tuổi rong chơi nơi Kinh Sư ở trong vườn hoa của Thái úy Lý Đoan Nguyên. Một hôm, Thái úy hỏi ông: “Xin hỏi thiền sư, địa ngục mà người ta thường nói rốt cuộc có hay không chứ?”

Thiền sư Đản Dĩnh trả lời: “Chư Phật Như Lai thuyết pháp, trong Vô có hữu, như mắt thấy hoa Không, là không hay có; Thái úy giờ muốn tìm Không trong Có, ngón tay nước sông đang có trong không đáy, thực là nực cười. Nếu trước mắt trông thấy địa ngục, tại sao chẳng trông thấy thiên đường trong lòng? Lo sợ trong lòng, thiên đường địa ngục đều nằm ở ý niệm, thiện ác đều có thể thành cảnh, Thái úy chỉ cần biết lòng mình, tự nhiên sẽ không còn nghi hoặc nữa.”

Thái úy nói: “Tâm thế nào nhỉ?”

Đản Dĩnh nói: “Thiện ác đều chẳng suy nghĩ.”

Thái úy nói: “Sau khi chẳng suy nghĩ, tâm sẽ đi về đâu?”

Đàn Dĩnh nói: “Tâm đi về không, như Kinh kim cang viết: Ứng vô sở trụ, như sinh kỳ tâm.”

Thái úy nói: “Khi con người chết sẽ đi về đâu?”

Đàn Dĩnh nói: “Chưa biết sinh, biết tử làm chi?”

Thái úy nói: “Sinh thì ta đã biết từ lâu rồi.”

Đàn Dĩnh nói: “Xin hỏi một câu, ngài sinh ra từ nơi nào thế?”

Thái úy đang trầm tư, thiền sư Đàn Dĩnh dùng tay đánh thẳng vào ngực ông nói: “Chỉ ở đây suy nghĩ cái gì thế?”

Thái úy nói: “Biết rồi, chỉ biết tham đường, không biết đã lỡ.”

Đàn Dĩnh nói: “Giác mộng trăm năm.”

Thái úy Lý Đoan Nguyên liền ngộ và đọc Kệ rằng:

Tam thập bát tuế, Mông nhiên vô tri;

Cập kỳ hữu tri, Hà dị vô tri?

Thao thao biện thủy, Ẩn ẩn tùy đề;

Sư kỳ quy dĩ, Tiễn lang đông thi.

Trí tuệ Thiền:

Sinh từ đâu đến? Chết đi về đâu? Cuộc đời có cái bí ẩn ngăn cách cõi âm, ý nói đổi xác thì không biết mọi thứ trước kia, kỳ thực hình tướng của sinh mạng tuy muôn hình vạn trạng, song đối với lý tính của nó, mọi cái đều bình đẳng.

TA ĐI VỀ TÂY PHƯƠNG

Thiền sư Đạo Duyệt đời Nam Tống từng giữ chức trụ trì ở chùa Giang Thiên, núi Trấn Giang Kim, ông là cao tăng mà danh tướng Nhạc Phi đời Tống sùng kính nhất.

Khi Nhạc Phi bị Tần Cối dùng 12 Đạo kim bài chiêu hồi từ trấn Chu Tiên, trên đường đi qua chùa Gian Thiên, Kim Sơn, Đạo Duyệt khuyên ông xuất gia, đừng trở về Kinh, nhưng Nhạc Phi vẫn giữ tấm lòng trung chinh với triều đình, biết rõ lần đi này không hay, nhưng ông vẫn kiên quyết trở về nam.

Lúc chia biệt, Nhạc Phi thỉnh cầu khai thị, thiền sư Đạo Duyệt nói với ông: “Tuế đế bất túc, Căn phòng thiên khóc; Phụng hạ lương điền, Tướng nhân độc hại.”

Bấy giờ Nhạc Phi chẳng hiểu ý gì, mãi tới khi bị vu đầy vào lao ngục, bị oan ức mới hiểu. Tháng 12 năm đó là tháng thiếu, chỉ có 29 ngày, buổi chiều đó trời đổ mưa, nghe tiếng mưa bên ngoài phòng, Nhạc Phi biết đại nạn đã tới gần, đúng lúc đó ứng vào câu kệ của thiền sư Đạo Duyệt: “Cuối tháng chẳng đủ, căn thân đề phòng Thiên khóc.”

“Phụng hạ lưỡng điểm” là chữ “Tần”, ý chỉ gian tướng Tần Cối. “Tướng nhân hại độc”, quả nhiên ngày hôm đó bị Tần Cối hại chết ở trên đỉnh Phong Ba.

Sau khi Tần Cối hại chết Nhạc Phi, dò hỏi đao phủ trước lúc lâm chung Nhạc Phi có nói gì không? Đao phủ nói: “Ông ta chỉ nói có một câu: “Tiếc không nghe lời của thiền sư Kim Sơn Đạo Duyệt.”

Tần Cối biết được chuyện đó liền sai thân tín là Hà Lập dẫn quân tới Kim Sơn bắt thiền sư Đạo Duyệt. Nhưng trước khi Hà Lập tới chùa Giang Thiên một ngày, thiền sư Đạo Duyệt tập hợp mọi người thuyết pháp, cuối cùng nói bốn câu Kệ rằng:

Hà lập tự nam lai, Ngã vãng tây phương tẩu;

Bất thị pháp lực đại, Kỷ hồ lạc tha thủ.

Nói xong liền hóa. Bấy giờ mọi người chưa tỏ, buồn rầu và chẳng hiểu đầu cua tai nheo, chờ tới hôm sau Hà Lập dẫn quân đến, mọi người mới vỡ lẽ.

Trí tuệ Thiền:

Sau khi thiền giả ngộ đạo đã chẳng còn khiếp sợ sống chết, sống đương nhiên tốt, chết cũng tuyệt vời.

PHÁP THÂN VÔ BỆNH

Thiền sư Động Sơn Lương Giá người Triết Giang, họ Du, thọ Cụ túc giới năm 21 tuổi, từng thân cận với thiền sư Nam Tuyền, Linh Hựu, Linh Nham, sau vì trông thấy bóng nước mà triệt ngộ. Dấu chân tham báii hành hương của thiền sư Động Sơn phủ khắp các tỉnh Giang Tây, An Huy, Hồ Bắc, Hồ Nam, cuối cùng ở lại Viện Phộ Lợi, Động Sơn tỉnh Giang Tây 10 năm, mở mang hóa môn tiếp dẫn học trò vô số, kiệt xuất nhất phải kể là thiền sư Vân Cư Đạo Ứng và thiền sư Tào Sơn Bản Tịch. Thiền sư Động Sơn khi sắp viên tịch ở tuổi 63, thiền sư Tào Sơn có hỏi: “Thầy cơ thể có bệnh, còn có cơ thể nào khác không bệnh chăng?”

Thiền sư Động Sơn nói: “Có!”

Thiền sư Tào Sơn lại hỏi: “Cơ thể không bệnh có trông thấy thầy không?”

Thiền sư Động Sơn trả lời: “Là ta đang dối hẩn.”

Thiền sư Tào Sơn không hiểu, hỏi: “Chẳng hay thầy dối hẩn như thế nào vậy?”

Thiền sư Động Sơn nói thẳng thắn rằng: “Khi ta dối, chẳng thấy có bệnh!”

Có nghĩa là nói, sắc thân có bệnh, nhưng nhìn có thể biết được; Pháp thân vô bệnh thì không thể nhìn thấy, không thể biết được.

Không lâu, thiền sư Động Sơn cảm thấy cơ thể khó chịu bèn bắt đầu rửa mặt, tắm gội, khoác lên cà sa, sau khi gióng chuông từ biệt mọi người, bèn ngồi khoanh chân và ngừng thở. Các học trò thấy thế đều không cảm được nước mắt, thậm chí có người trách cứ thiền sư Tào Sơn đã bức thầy chết. Bấy giờ thiền sư Động Sơn bỗng mở to mắt nói với các học trò: “Kẻ xuất gia tâm không dựa vào vật, đó là chân tu hành, sao còn có đem lòng thương xót?”

Vì thế bèn kêu người làm “chay Ngu si”, các học trò biết chay xong phải từ biệt thầy, đều chẳng chịu làm nhanh, cứ kéo dài cho tới 7 ngày mới làm xong đồ chay. Thiền sư Động Sơn và các học trò cùng nhau dùng chay. Ăn xong thầy nói với các trò rằng: “Đừng có chơi ta, hãy để ta thanh tịnh chút nào. Hãy nhớ, khi con người lâm chung nhớ đừng có khóc lóc rên la, mai sau Tào Sơn là Thiện tri thức của các ngươi đấy!” nói rồi trở về phòng Trượng, tĩnh tọa ra đi.¹

-
1. Pháp Tướng tông – Một trong những môn phái Phật giáo Trung Quốc – Pháp Tướng tông vì những phân tích, bóc tách chân thực tương đối (Tướng) và chân thực tuyệt đối (Tánh) đối với mọi sự vật mà có tên như thế, rồi cũng xuất phát từ chỗ nhấn mạnh cảnh giới độc lập, không chấp nhận tâm ngoại, nên cũng gọi là Duy Thức tông. Do người sáng lập là Huyền Trang và đệ tử của ông là Khuy Cơ thường ở chùa Đại Từ Ân mà còn gọi là Từ Ân tông.

Trí tuệ Thiền:

Nói về bệnh tật, đối với sắc thân nhục thể đương nhiên có sinh lão bệnh tử, nhưng pháp thân bản tính chẳng hề có sinh lão bệnh tử.

Thư tịch cơ bản của tông phái chủ yếu dựa vào hệ thống học thuyết Phật giáo Yoga (Du già) Đại thừa Ấn Độ cổ, với thư tịch chủ yếu “Nhất bản thập chỉ”, tức lấy “Du già sư địa luận” làm gốc, “Bách pháp minh môn luận”, “Ngũ uẩn luận”, “Hiển dương thánh giáo luận”, “Đề đại thừa luận”, “Tập tập luận”, “Biện trung biên luận”, “Duy thức nhị thập luận”, “Duy thức tam thập tụng”, “Đại thừa trang nghiêm kinh luận”, “Phân biệt du già luận”, Thập luận làm nhánh. “Thành duy thức luận” là tác phẩm đại biểu.

THIÊN TÍNH CHÂN PHẬT

Cư sĩ Chu Từ Mục là một tín đồ tu trì pháp môn Tịnh Thổ rất nghiêm ngặt. Một hôm ông tới thăm thiền sư Phật Quang, nói: “Thiền sư! Con niệm Phật bái Phật đã hơn 20 năm, gần đây khi trì Phật hiệu dường như thấy khác thường.”

Thiền sư Phật Quang hỏi: “Có gì khác thường chứ?”

Chu Từ Mục nói: “Trước khi con trì Phật hiệu trong lòng luôn có Phật tính, cho dù miệng chẳng đọc nhưng lòng vẫn cảm nhận được tiếng Phật miên man không dứt, không muốn trì, nhưng những âm thanh đó vẫn giống như suối nguồn tự nhiên tuôn trào.

Thiền sư Phật Quang nói: “Thế thì quá tốt rồi! Chúng tôi thấy niệm Phật đã niệm tới mức Tịnh niệm miên trường, tương ứng với Phật, tìm thấy chân tâm của mình rồi.”

Chu Từ Mục nói: “Cảm ơn thiền sư khen ngợi, nhưng giờ không được nữa, con giờ rất khổ sở, vì chẳng còn thấy chân tâm nữa đâu.”

Thiền sư Phật Quang nói: “Chân tâm làm sao thấy được chứ?”

Chu Từ Mục nói: “Vì tâm tương ứng của con và Phật đã không còn, tiếng Phật tịnh niệm miên trường trong lòng không còn, muốn tìm cũng chẳng tìm được nữa. Thiền sư! Con rất khổ sở vì điều đó, xin thầy chỉ bảo, con phải đi đâu để tìm lại chân tâm của mình?”

Thiền sư Phật Quang chỉ bảo: “Tìm chân tâm của con, con phải biết, chân tâm chẳng hề ở nơi nào cả, chân tâm của con ở trên người của bản thân con vậy.”

Chu Từ Mục nói: “Tại sao con không biết nhỉ?”

Thiền sư Phật Quang nói: “Vì nhất niệm của con bắt giác hồi hạn vọng tâm, nên chân tâm rời xa con.”

Sau khi tín đồ Chu Từ Mục nghe xong dường như ngộ ra.

Đúng như đại sư Vĩnh Gia nói: “Quân bất kiến, tuyệt học vô vi khốn đạo nhân, bất trừ vọng tưởng bất cầu chân, vô minh thực tánh tức Phật tánh, Hoán hóa không thân tức Pháp thân, Pháp thân giác liễu vô nhất vật, Bỏn nguyên tự tánh thiên chân Phật.”¹

-
1. Tam thánh Hoa Nghiêm – Sự khác biệt về tượng Phật – Giữa Tam thánh Hoa Nghiêm là Tỳ Lư Xá Na Phật, tức giáo chủ của thế giới Hoa tạng (Tịnh Thổ của Phật Báo Thân). Tỳ Lư Già Na Phật, Lư Xá Na Phật và Thích Ca Mâu Ni trong Thiên Đài tông là Pháp Thân Phật, Báo Thân Phật và Ứng Thân Phật; Bên trái là Văn Thủ Bồ Tát, chuyên ty trí tuệ, nên còn gọi là Đại Trí Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát. Trên đỉnh đầu Văn Thủ Bồ Tát có kết năm búi tóc, tay cầm bảo kiếm, đại diện cho trí tuệ sắc bén. Tượng

Trí tuệ Thiên:

Tại sao con người bị lầm lạc? Vì, hư vọng che mắt chân tâm, chân tâm không còn, tự nhiên chẳng tìm thấy được ngôi nhà của mình nữa.

được tạo tác đa phần dưới dạng cười sư tử nhằm đại diện cho trí tuệ uy mãnh; bên phải là Phổ Hiền Bồ Tát, tượng đa phần được tạo tác dưới dạng cười voi trắng sáu ngà.

TIÊU ĐIỀU VIÊN TỊCH

Viện Linh Thụ của thiền sư Linh Thụ Như Mẫn 20 năm rồi chẳng có người phụ trách “Thủ tọa”, mỗi khi mọi người hỏi, thiền sư trả lời rằng: “Thủ tọa của ta vừa mới ra đời!”, rồi có người hỏi nữa thì đáp: “Thủ tọa của ta đang chẵn trâu!”, lại có người hỏi, ông trả lời: “Thủ tọa của ta đang đi hành hương.” Những câu trả lời như vậy khiến người hỏi chẳng biết sao cả.

Một hôm thiền sư bỗng sai mọi người đi gióng trống khua chiêng và dẫn tới chân núi đón Thủ tọa. Trong lúc các thầy đang xôn xao kinh ngạc thì thiền sư Vân Môn thỉnh thoảng đi tới, thiền sư Như Mẫn bèn mời ông giữ chức Thủ tọa.

Vì thế, mọi người đồn rằng thiền sư Linh Thụ có thần thông biết được quá khứ, vị lai.

Không lâu sau, khi Lưu Thịnh thời Hậu Hán, Ngũ Đại đưa quân chinh phạt, nghe nói thần thông của thiền sư Linh Thụ bèn đích thân đến chùa muốn xin thiền sư chỉ bảo cho một số điều chưa biết trong tương lai để tham khảo nhằm đề ra quyết sách.

Đâu ngờ thiền sư Linh Thụ đã biết trước, nên ra đi trước. Khi Lưu Vương tới rất giận giữ hỏi: “Thiền sư mắc phải bệnh gì thế? Sao mà viên tịch nhanh như vậy?”

Thị giả trả lời rất thành thực rằng: “Thiền sư chẳng hề mắc bệnh gì, ngài biết trước ông sẽ tới, nên đã ra đi trước rồi, nhưng có để lại một chiếc hộp cho ông.”

Lưu Vương nhận chiếc hộp vừa xem thấy bên trong có một tờ giấy, trên viết “Nhân thiên nhãn mục, đường trung thủ tọa”. Lưu Vương ngộ ra ý chỉ liền thu quân và mời thiền sư Vân Môn vào đảm nhận trụ trì chùa Linh Thụ.

Trí tuệ Thiền:

Cổ Đức rất ít khi làm những việc mang tính hình thức, có những vị trí phải chờ người thích hợp; có những người mặc dù tài đức vẹn toàn, nhưng cũng phải chờ nhân duyên. Thủ tọa trong chùa cũng phải đợi nhiều năm, qua đó có thể thấy được thái độ thận trọng trong việc lựa chọn người tài.

TUYẾT TẠNH RỒI ĐI

Thiền sư Đức Phổ đời Tống tính tình vốn phóng khoáng, thuở nhỏ theo thiền sư Phú Lạc Sơn Tịnh xuất gia, năm 18 tuổi sau khi thọ Cụ giới liền mở mang chiếu giảng hoàng đạo. Ở Tư Tổ, Lương Xuyên chẳng người nào tranh biện, rồi vì ông làm người hào hiệp sốt sắng, nên người đời xưng tụng là Nghĩa Hổ.

Vào một ngày nọ năm Triết Tông đời Tống, thiền sư Đức Phổ nói với các đệ tử: “Khi chư phương tôn túc chết, chùa chiền phải cúng tế, ta cho rằng đó là việc làm vô bổ, vì con người chết rồi thì làm sao ăn được, ai cũng hiểu điều đó. Nếu ta chết, các con nên cúng trước khi ta chết. Bắt đầu từ giờ, các con có thể làm giỗ được rồi.”

Mọi người cho rằng ông nói giỡn, vì thế mà cũng hỏi mớ rằng: “Thiền sư bao giờ thiên hóa vậy?”

Thiền sư Đức Phổ trả lời: “Chờ các ngươi làm xong lễ ta sẽ ra đi.”

Bắt đầu từ hôm đó, chuyện đùa làm thành thật. Tắm đường, cờ lọng sắp sẵn đâu đấy, thiền sư ngồi vào trong, các đệ tử tới cúng lễ, dâng hương, dâng thực, đọc văn tế.

Các đệ tử lễ tất, tín đồ thập phương định ngày lần lượt tới viếng và cúng dường, cho tới ngày mùng 1 tháng giêng năm sau, trải qua hơn 40 ngày mọi người mới cúng xong.

Vì vậy, thiền sư Đức Phổ nói với mọi người: “Mai tuyết tạnh thì đi.”

Bấy giờ, trên trời tuyết đang rơi nặng bông, tới ngày hôm sau quang đăng, tuyết bỗng ngừng rơi, thiền sư Đức Phổ đốt hương ngồi khoanh chân, thanh thân ra đi.

Trong mắt thiền giả, sống đương nhiên chưa thể vui, chết cũng chẳng phải buồn, sống và chết chẳng phải hai chuyện khác nhau, sống chết là một vậy; vì đã có sinh, làm sao có thể không tử? Quan trọng là vượt qua sinh tử, không bị sinh tử luân hồi, như thiền sư Đức Phổ, không chỉ biết trước được sinh tử mà còn để lại ấn tượng đẹp trong sinh tử. Ông chẳng phải đã thoát khỏi sinh tử sao?¹

-
1. Tỳ Lư Phật, Tiếp Dẫn Phật – Sự khác biệt về tượng Phật. Tỳ Lư Phật là giáo chủ trong thế giới Liên Hoa tạng mà “Kinh hoa nghiêm” có đề cập. Tòa hoa sen mà ngài ngồi là hoa sen nghìn lá, trên tất cả các cánh sen đều có một pho Tiểu Phật, tức Phật Ứng Thân Thích Ca. Mỗi cánh hoa đại biểu cho một thế giới Tam thiên đại thiên, cả tòa sen đại biểu cho thế giới Hoa Tàng. Tiếp Dẫn Phật là tượng đứng Phật A Di Đà, tay phải buông xuống, làm “Dữ Nguyên ấn”; tay trái đặt trước ngực, trong tay có đài Kim liên, là tượng Tiếp dẫn chúng sinh.

Trí tuệ Thiền:

Những lời lẽ hành vi của thiền sư ngộ đạo đem đến cho con người cảm nhận cuộc đời như một cuộc chơi. Kỳ thực, thiền giả không chỉ chế nhạo đời, mà ngay cả sống chết cũng là chơi mà thôi.

THƠ THIỀN

ĐÀO HOA YÊN QUANG (Anh khói hoa đào)

Đi chơi Đào Nguyên tặng Lưu Quân Thục

Uyển nhược thần tiên phủ, Nghi vô thể tục phong.

Nhân gia sơn sắc lý, Môn kính thủy thanh trung.

Liễu miên cộng trùng dương, Đào hoa tương ánh hồng.

Yên quang chính hoa noãn, Du lạc ý vô cùng.

(Vườn tựa phủ thần tiên. Nghi là chẳng có gió thể tục.
Xóm nhà chìm vào sắc núi. Liễu mềm lớp lớp, hoa đào rực
hồng. Khói tỏa ấm áp, lạc thú vô cùng.)

Ý thiền trong thơ

Xuất gia tu hành kỳ nhất là rơi vào cảnh “Tử tịch ngoan không”. Vì, Thiền thực sự có sức sống mãnh liệt. Đào Nguyên sau tác phẩm “Đào hoa nguyên ký của Đào Nguyên Minh đã trở thành “Danh lam thắng cảnh”, không chỉ có tầng lớp quan lại tới tham quan, dựng nhà, mà còn hấp dẫn nhiều thiền sư tới thưởng lãm. Bài thơ này thông qua việc mô tả cảnh xuân yên tĩnh đẹp đẽ của Đào Nguyên, điểm xuyết thêm xuân ý trong lòng thiền sư Chân Tịnh. Thiền chính là cuộc sống, ấm áp, chứ không hề sơ cứng, lạnh lẽo.

HÀN THỬ THANH HƯƠNG

(Nóng lạnh hương thanh)

Thơ vịnh hoa mai

Nhà sư đời Đường

Hỏa ngược phong hào thủy tứ cân,
Sương xuân tuyết sô cổ đài hần.
Đông phong vị khắng tùy hàn thử,
Hựu ngiệt thanh hương dữ phản hồn.

(Nóng hun gió gào dễ dầm nước. Sương nứt, tuyết nhàu hần rêu phong. Gió đông chưa hần đã đem theo khí nóng hay lạnh. Chồi xanh hương trong hồn trở về.)

Ý thiền trong thơ:

Đây là một bài thơ ngụ ý thiền lý thiền cơ, quá trình ngộ đạo thật đúng như hồn hoa mai xưa lại trở về đơm hoa vậy, phải trải qua một kiếp nạn, rồi tu trì tới mức tình ý hư không mới có cơ duyên đạt tới cảnh giới đạo pháp hiện lộ

PHONG VŨ HOA LẠC (Mưa gió hoa rơi)

Xuân hiểu

Mạnh Hạo Nhiên

Xuân miên bất giác hiểu, Xứ xứ văn đề điều

Dạ lai phong vũ thanh, Hoa lạc tri đa thiếu?

(Giấc xuân chẳng biết trời đã tỏ. Nghe tiếng chim hót muôn nơi. Đêm vắng tiếng gió mưa. Hoa rụng biết bao nhiêu?)

Ý thiền trong thơ:

Bài thơ này khá thông tục, nhưng nhà sư (hay nhà thơ – ND) dùng nó để biểu đạt ý thiền, bày tỏ cảnh giới “thân tâm tịch diệt”, tức *Xuân hiểu* đến tự nhiên nhi nhiên, tiếng chim hót bất giác vắng đến, gió mưa, hoa rụng cũng được liên tưởng một cách tình cờ. Cảnh giới tuyệt đỉnh trong tham thiền chẳng dựa vào sự nỗ lực hướng ngoại, chấp ý, mà là thuận theo lẽ tự nhiên, trở về bản tâm của mình. Có lẽ, ý của Mạnh Hạo Nhiên không nhằm đề cập về Thiền, nhưng phơi bày cảnh giới không linh của thiền.

HƯƠNG LƯ NHẬT MỘ (Chiều tà Hương Lư)

Cảm hứng

Lý Doan

Hương lư tối cao đỉnh, Trung hữu cao nhân trú.

Nhật mộ hạ sơn lai, Minh nguyệt thượng sơn khứ.

(Đỉnh Hương Lư cao nhất. Trên có cao nhân ở. Chiều tà đi xuống núi. Trăng sáng lại lên non.)

Ý thiền trong thơ:

Ở đỉnh cao ngất là một hiện thực, cũng là hình ảnh ẩn dụ. Người sau khi ngộ đạo tiến thẳng vào nơi tối tuyệt, nên thường lấy hình ảnh đăng cao, lên những đỉnh non đơn độc để so sánh. Cao nhân thốt ra những lời này ở trên đỉnh cao vời, qua đó nhằm lột tả việc tu thiền đã đạt tới cảnh giới chân như. Sau khi ngộ thì sao chứ? Câu trả lời là “Chiều tà đi xuống núi. Trăng sáng lại lên non.” Ngộ được chân lý tịch diệt chẳng phải là bước vào cảnh giới tử tịch mà sống theo lẽ tự nhiên, chẳng màng dấu tích, như mặt trời, mặt trăng vận hành trong hư không, hư không chẳng động mà nhật nguyệt động, song đâu có động đến nửa tắc nào?

VÔ TÍCH VÔ TÔNG (Chẳng còn dấu tích)

Vô đề

Thiền sư Điều Khoa Đạo Lâm

Lai thời vô tích khứ vô tông, Khứ dữ lai thời sự nhất đồng.

Hà tu cánh vãn phù sinh sự, Chỉ thử phù sinh thị mộng trung.

(Lúc đến, khi đi chẳng để lại dấu vết gì. Việc đi và đến đều giống nhau cả. Sao phải hỏi chuyện đời trôi nổi. Cuộc đời nổi trôi này chỉ là giấc mộng.)

Ý thiền trong thơ:

Sống chết của con người chẳng lưu lại dấu vết để có thể lần tìm, không biết ta từ đâu đến, cũng chẳng biết sẽ đi về đâu. Trong vòng sinh tử, chỉ có một việc giống nhau, đó là mê hoặc. Con người từ sống tới chết đều không thể nào thoát khỏi mê hoặc, nếu không thể nhìn thấu sự mê hoặc trong cuộc đời thì chỉ có thể tiếp tục chìm đắm trong mê hoặc. Đời người bàng hoàng như một giấc mộng xuân.

THIẾU NIÊN PHONG LƯU (Chàng trai phong lưu)

Thơ ngộ đạo

Chiếu Giác Khắc Cần

Kim áp hương tiêu cảm tú duy, Sênh ca từng lý túy
phù quy.

Thiếu niên nhất đoạn phong lưu sự, Chỉ hứa giai nhân
độc tự tri.

(Vịt vàng bán hương, màn thêu gấm. Đàn ca say
khướt gượng trở về. Chàng trai một thời sống phong lưu.
Có lẽ chỉ mình giai nhân biết.)

Ý thiền trong thơ:

Chiếu Giác Khắc Cần là một cao tăng cuối đời Bắc
Tống. Ông khai ngộ đắc đạo bắt đầu từ một bài thơ tình
diễm lệ. Vừa đọc quả thực thấy đó là một bài thơ tình phong
lưu phóng khoáng, song nó ẩn dụ những cảm nhận thương
yêu đối với quá trình ngộ đạo, mùi vị giác ngộ không thể
nói ra được, giống như chuyện phong lưu một thời của
chàng trai vậy, không thể nói cho người khác biết.

TỈNH THỂ CA (Bài ca tỉnh đời)

Tỉnh thể ca

Đại sư Hàm Sơn

Hồng trần bạch lãng lưỡng mang mang,
Nhẫn nhục nhu hòa thị diệu phương
Đáo xứ tùy duyên diên tuế nguyệt,
Chung thân an phận độ thời quang
Hưu tướng tự kỷ tâm điền muội
Mạc bả tha nhân quá thất dương
Cẩn thận ứng thù vô ảo não
Nại phiền tác sự hảo thương lượng
Tùng lai ngạnh nỗ huyền tiên đoạn
Mỗi kiến cương đao khẩu dịch thương
Nhạ họa chỉ nhân hàn khẩu thiệt
Chiêu khiên đa vi lang tâm trường
Thị phi bất tất tranh nhân ngã
Bỉ thử hà tu luận đoản trường
Thế sự do lai đa khuyết hãm
Hoán khu yên đặc miễn vô thường
Ngật tá khuy xứ nguyên vô ngại

Thoái nhượng tam phần dã bất phương
Xuân nhật tài khán dương liễu lục
Thu phong hựu kiến cúc hoa hoàng
Vinh hoa chung thị tam canh mộng
Phú quý hoàn đồng cử nguyệt sương
Lão bệnh tử sinh thù thế đắc
Toan thiềm khổ lạt tự thừa đương
Nhân tòng xảo kế khoa lan lợi
Thiên tự tòng dung định chủ trương
Sâm khúc tham sân trụ địa ngục
Công bình chính trực tức thiên đường
Xạ nhân hương trọng thân tiên tử,
Tâm vi tư đa mệnh tảo vong
Nhất tể dưỡng thần bình vị tán
Lưỡng chủng hoà khí nhị trần thang
Sinh tiền uổng phí tâm thiên vạn
Tử hậu không lưu thủ nhất song
Bi hoan ly hợp chiêu chiêu náo
Thọ yếu cùng thông nhật nhật mang
Hưu đắc tranh cường lai đấu thắng
Bách niên hỗn thị hý văn trường
Khoảnh khắc nhất thanh la cổ yết
Bất tri hà xứ thị gia hương
(Hong trần, sóng bạc mênh mang,
Nhấn nhục, dịu dàng là phương cách tuyệt vời

Tới đâu tùy duyên theo năm tháng
Một đời an phận sống qua ngày,
Đừng để cõi lòng mình u ám
Chớ có nhân thêm lỗi lầm của người đời
Thù tặc cần trọng không phiền muộn
Làm việc chịu đựng dễ bàn bạc
Nỗ cứng xưa nay dây đứt trước
Thường thấy đao thép dễ sút mẻ
Gây họa chỉ vì lời đàm tiếu
Rước tội đa phần vì lòng lang
Chuyện thị phi chẳng cần tranh cãi người hay ta
Cần chi đôi bên phải tranh biện về sở trường, sở đoản
Chuyện đời xưa nay đều có khiếm khuyết cả
Xác ảo sao tránh khỏi vô thường
Chịu thiệt đôi chút vốn không ngại
Nhún nhường ba phần cũng chẳng ngần
Ngày xuân mới thấy dương liễu xanh
Gió thu lại trông hoa cúc úa
Vinh hoa rốt cuộc là giấc mộng lúc canh ba
Phú quý chẳng qua cũng giống như sương tháng 9
Sinh lão bệnh tử ai thay được
Chua cay ngọt đắng tự mình chịu
Con người vốn quỷ kế, láu táu
Trời cứ thung dung, quyết định chủ trương
Nói xấu tham hận rơi xuống địa ngục

Công bằng ngay thẳng chính là thiên đường
Con xa vì mùi thơm, người nặng nên chết trước
Tầm vì tơ nhiều mà yếu mạng
Một liều thuốc dưỡng thần làm lạnh dạ dày
Hai loại hòa khí canh Nhị trần
Trước khi còn sống lòng uổng phí hàng nghìn vạn
Sau khi chết để lại đôi tay không
Chuyện buồn vui ly hợp ồn ào mỗi sớm
Thọ yếu cùng thông ngày ngày bận rộn
Thôi được tranh mạnh với giành thắng
Trăm năm toàn là một cuộc chơi
Khoảnh khắc một tiếng trống chiêng dứt
Chẳng biết nơi đâu chốn quê nhà.)

Ý thiền trong thơ:

“Người tỉnh không bằng trời tỉnh”, câu nói này là lời cảnh tỉnh đối với chuyện đời vô thường, khiến cho chúng ta sống nơi hồng trần mà tâm hồn vẫn có một cõi đi về. Cõi đi về trong tâm hồn này có thể đem đến cho chúng ta một góc nhìn không bị méo mó, ngược lại giúp chúng ta có được một cuộc đời thẳng thắn, tinh tảo và không hổ thẹn với trời đất.

TÂY PHONG TẾ VŨ (Gió tây mưa giăng)

Thu hoài

Au Dương Tu

Tiết vật khởi bất hảo, Thu hoài hà ảm nhiên?
Tây phong tửu kỳ thị, Tế vũ cúc hoa thiên.
Cảm thân bi song tế, Bao tu thực vạn tiền.
Lộc xa hà nhật giá? Quy khứ Dĩnh Đông điền

(Cảnh vật chẳng đẹp thay. Lòng thu sao ảm đạm.
Trong gió tây cờ rượu bày biện. Dưới mưa giăng hoa cúc
nở đầy. Ưu phiền làm buồn cho tóc mai. Thẹn vì được
hưởng bổng lộc nhiều. Ngày nào mới được cưỡi cỗ xe nai?
Để trở về nơi ruộng vườn Dĩnh Đông.)

Ý thiền trong thơ:

Thời kỳ nhà Tống, Thiền và Nho có xu hướng hợp nhất với nhau. Lý luận Phật giáo trở thành một thứ triết học và tư tưởng tinh thần không thể thiếu được đối với tầng lớp sĩ đại phu. Có lúc “Tiền ăn hàng vạn”, khi thì “bị giáng chức”, sự vô thường của đời người khiến cho nhà thơ chỉ muốn trở về Dĩnh Đông để sống cuộc đời ẩn cư nơi ruộng vườn, làm một cư sĩ Thiền môn thanh nhàn.

GIANG NGUYỆT MÊ NHÂN (Sông trăng làm say mê lòng người)

Tịnh địa mê nhân

Thiền sư Khô Mộc

Môn tiên tự hữu thiên giang nguyệt,
Thất nội khước vô nhất điểm trần.
Bối điệp nhược đồ già đắc nhãn,
Tu tri tịnh địa dịch mê nhân.

(Trước cửa tự dừng có đến hàng nghìn vầng trăng trên sông. Trong nhà lại chẳng có một chút bụi trần. Lá bối nếu có mờ mờ che được mắt. Phải biết rằng nơi đất tịch mịch cũng làm con người mê say.)

Ý thiền trong thơ:

Phật nói, mục đích của 12 bộ kinh điển Tam tạng nằm ở khai hiển ánh sáng Phật tính của con người. Song, nếu coi kinh luân là tri thức thế gian để nghiên cứu hay trích dẫn những câu từ riêng trong đó nhằm trang sức cho mình thì sẽ làm mờ chân tâm. Như vậy, dù thăm viếng đạo tràng, tụng kinh lễ Phật, nhưng trong lòng vẫn ngập tràn lối mê.

THIÊN SƠN VẠN KINH (Nghìn non vạn lối)

Giang tuyết (Tuyết sông)

Liễu Tông Nguyên

Thiên sơn điều phi tuyết, Vạn kinh nhân tông diệt.

Cô châu soa lập ông, Độc điều hàn giang tuyết.

(Nghìn non chim bay hết. Hàng vạn con đường chẳng thấy dấu tích con người. Một chiếc thuyền cô quạnh cùng lão già đội nón lá, áo quần tả lơi. Một mình câu tuyết trên sông Hàn.)

Ý thiên trong thơ:

Bài thơ này thể hiện một cách kinh điển cảnh giới Thiên. Núi cao, con đường nước, mặt sông chìm trong tuyết phủ, một dải trắng mênh mang, mặt đất vô cùng tinh khiết, thế giới dường như ngừng chuyển động. Cảnh câu cá là một hình tượng ngưng kết, tĩnh tại, tái hiện cảnh giới vạn vật trở về tâm tịch mịch của Thiên gia.

PHI HOA PHI VỤ (Chẳng phải hoa, sương)

Hoa phi hoa, vụ phi vụ

Bạch Cư Dị

Hoa phi hoa, vụ phi vụ; Dạ bán lai, minh nguyệt khứ.

Lai như xuân mộng kỷ thời đa? Khứ tự chiêu vân vô
tâm xứ!

(Hoa chẳng phải hoa, sương không phải sương. Nửa
đêm đến, sáng ngày đi. Đến bao lần như giấc mộng xuân?
Đi tựa như mây sớm chẳng biết tìm đâu!)

Ý thiền trong thơ:

Hoa trong mắt chẳng phải hoa thực, sương cũng
không phải sương thực, mà chỉ là “ảo giác” của hoa và
sương được khúc xạ bởi “bản tâm” mà thôi. Những thứ đó
“nửa đêm đến, sáng ngày đi!”, ra đi trong khoảnh khắc,
chẳng để lại dấu tích gì. Khi đến đột ngột như “Đến bao
lần như giấc mộng xuân”; khi đi thì “Đi tựa như mây sớm
chẳng biết tìm đâu”, không thể truy tìm, chẳng thể chạm
sờ, vô hình vô ảnh, tất cả trở về “hư vô”.

THIỀN SỰ THIỀN ÔNG, TỨ ĐẠI GIAI KHÔNG (Chuyện thiền ông thiền, Tứ đại giai không)

Vô đề

Bạch Cư Dị

Đặc nhập không môn vẫn nhược không,
Cảm tướng thiền sự vẫn thiền ông.
Vi đương mộng thị phù sinh sự?
Vi phục phù sinh thị mộng trung?

(Vào cửa Phật hỏi về Nhược không. Dám đem chuyện thiền hỏi thiền ông. Tại sao coi giấc mộng là chuyện đời nổi trôi? Tại sao lại coi đời nổi trôi là giấc mộng?)

Ý thiền trong thơ:

Không là hư không, không cũng là giác ngộ. Có thể nhận thức được Tứ đại giai không, giác ngộ ra lẽ vô thường trong đời, tâm tính có thể được nâng lên từ đó. Đối với người ngộ đạo, mộng như một tấm gương phản chiếu cuộc đời, nói với bạn rằng mọi chấp chước đều là hư không, có thể thường trú trong lòng, song chẳng qua là thiền tính mà thôi.

KIM NHẬT BẤT TRI MINH NHẬT SỰ (Hôm nay chẳng biết chuyện ngày mai)

Thế sự phân phân (Chuyện đời đa đoan)

La Hồng Sinh

Thế sự phân phân như thiềm điện,
Luân hồi cồn cồn tựa vân phi.
Kim nhật bất tri minh nhật sự,
Ná hữu công phu luận thị phi.

(Chuyện đời đa đoan như ánh chớp. Luân hồi cuộn cuộn tựa mây bay. Ngày nay chẳng biết chuyện ngày mai. Đâu có thời giờ luận thị phi.)

Ý thiền trong thơ:

Phật Tổ nói với chúng ta rằng: “Sinh mệnh nằm ở từng hơi thở, một hơi đã có thể khiến cho trời và người cách biệt mãi mãi. Thường ngày chúng ta ưa nói “đang sống”, nhưng khi chúng ta bàn luận chuyện tào lao, lãng phí thời giờ thì một mặt đã lãng phí sinh mệnh của bản thân, mặt khác cũng làm rối loạn sự yên bình và an tịnh trong lòng mình.

NGUYỆT LẠC PHONG HƯƠNG

(Trăng xế gió thơm)

Khốc tăng (Nhà sư khóc)

Thanh thượng

Đạo lực tự siêu nhiên, Thân vong đồng tọa thiền.
Thủy lưu nguyên tại hải, Nguyệt lạc bất ly thiên.
Khê bạch táng thời tuyết, Phong hương phần xứ yên.
Thế nhân tàn hạ lệ, Bất kiến ngã sư huyền.

(Đạo lực bản thân siêu việt. Người chết trong tư thế tọa thiền. Nước chảy khởi nguồn từ biển cả. Trăng xế chẳng lìa trời. Suối trong, tuyết trắng đưa. Gió thơm khói lan chốn thiền hóa. Người đời mãi rơi lệ. Chẳng thấy thầy huyền ta.)

Ý thiền trong thơ:

Hành giả tu hành nhận được sự đồng cảm vô điều kiện của mọi người, đồng cảm với nỗi khổ của chúng sinh tức là đại từ đại bi; đối xử bình đẳng giữa Phật và chúng sinh, giữa bản thân và tha nhân, chẳng vì bản thân đã siêu việt trần thế mà miệt thị người đời và tận lực giải trừ đau khổ, phổ độ chúng sinh.

BẠCH VÂN HỒNG TRẦN

(Mây trắng hồng trần)

Ap trung Châu tọa kệ (Bài kệ Châu tọa trong ấp)

Ngũ tổ Pháp Diễn

Bạch vân tương tổng xuất sơn lai
Mãn nhãn hồng trần bạt bất khai
Mạc vị thành trung vô hảo sự
Nhất trần nhất sát nhất lâu đài

(Mây trắng tới núi đưa tiễn nhau. Hồng trần đầy mắt dứt chẳng xong. Đừng nói chẳng có việc tốt ở trong thành. Một hạt bụi, một sát na, một lâu đài.)

Ý thiền trong thơ:

“Thường xuyên chăm chỉ phỉ phất, không để nhuốm bụi trần” có thể nói là lời ghi tạc của những người tu hành. Thiền sư thực thụ thì không như vậy, “Bỏn lai chẳng phải là một vật, Làm sao nhuốm bụi trần”. Thứ “dứt chẳng xong” trong hồng trần này chính là đạo tràng của bản thân!

PHẬT PHÁP VIÊN THÔNG

Vô đề

Thiền sư Bảo Chí

Khâu nội tụng kinh thiên quyển,
Thể thượng vấn kinh bất thức.
Bất giải Phật pháp viên thông,
Đồ lao tầm hàng số mặc.

(Miệng tụng nghìn cuốn kinh. Hỏi mình chẳng biết gì. Chẳng hiểu Phật pháp khôn lường. Nhọc nhằn lần tìm những hàng chữ.)

Ý thiền trong thơ:

“Trực chỉ nhân tâm, Kiến tánh thành Phật”, nhiều kinh điển của Phật không ngoài tìm hiểu “tâm” của chúng ta. Nếu kinh luận chỉ đem ra xem và giảng, nhưng xa rời việc thực hành thì dù Phật có giảng thêm một bộ Đại tạng kinh nữa cũng chẳng thể nào cứu vãn được.

THỦY HÀN NGUYỆT MINH

(Nước lạnh trăng tỏ)

Vô đề

Thiền sư Đức Thành

Thiên xích ti luân trực hạ thù,
Nhất ba tài động vạn ba tùy.
Dạ tĩnh thủy hàn ngư bất thực,
Mãn thuyền không tải nguyệt minh quy.

(Dây tơ ngàn thước buông thẳng xuống. Một lớp sóng động vạn lớp xô. Đêm tĩnh nước lạnh cá chẳngớp mồi. Đầy thuyền trống trở trăng tỏ về.)

Ý thiền trong thơ:

Thiền tông cho rằng con người sở dĩ đau khổ là vì “vô minh”, “chấp chước”, nếu có thể buông xuôi sẽ giải thoát. Ý cảnh trong bài thơ này hết sức tỏ tường, thể hiện Thiền tông chẳng hề chấp chước, thái độ điềm tĩnh, thanh thản “tâm vô sở trú” giống như “Đi tới nơi thủy tận, ngồi xem mây bay lên.”

VĂN PHONG THỬ VỮ (Gió chiều mưa nông)

Phỏng Lỗi Tai (Thăm Lỗi Tai)

Ngô Văn Phổ

Tĩnh giả sai môn ngoại, Khán vân mạo ảnh tà.

Văn phong trình phệ cáp, Thử vũ ngoã sinh hoa.

(Thiền giả ngoài cửa cúi, ngắm mây hình nón nghiêng.
Gió chiều bờ ruộng, tiếng chó sủa, con sò. Mưa nông ngói
nở hoa.)

Ý thiền trong thơ:

Cuộc sống nơi “Gió chiều, bờ ruộng, tiếng chó sủa, con sò. Mưa nông ngói nở hoa” của “Tĩnh giả” yên bình, tự nhiên biết bao. Song, sự tĩnh tại tựa thiền tịch đó lại được miêu tả bằng hình ảnh “sống”. Cái đẹp êm ả đã được làm đẹp bởi sự chuyển động, thể hiện một cách chính xác “Tĩnh giả”, thanh thản, an nhàn tới cảnh giới đậm bạc xa vời.

SINH SINH BẤT TỨC (Không ngừng sinh sôi)

Nhất niên xuân tận (Xuân hết một năm)

Thiền sư Vân Cái Trí Bản

Nhất niên xuân tận nhất niên xuân,
Đã thảo sơn hoa kỷ độ tân.
Thiên hiểu bất nhân chung cổ động,
Nguyệt minh phi vi dạ nhân hành.

(Xuân hết một năm xuân một năm. Cỏ dại hoa núi thay mấy độ. Trời hiểu chẳng vì chuông trống động. Trăng sáng chẳng vì người đi đêm.)

Ý thiền trong thơ:

Thời gian liên tục như nước trôi, cứ năm này qua năm khác, cỏ non ngoài cánh đồng, bất kể có người thương thức hay không cũng vẫn sinh sôi, tàn úa theo quy luật tự nhiên. Con người ở đời như hạt muối giữa biển khơi, chẳng thấm tháp vào đâu, còn vạn vật trong vũ trụ cứ tuần hoàn mãi không ngừng. Năm tháng và thời gian con người tạo ra cũng chẳng nhắc đến làm gì?

TỊCH DƯƠNG LIÊN HOA (Hoa sen trong chiều)

Đề ở thiền phòng Nghĩa Công chùa Đại Vũ

Mạnh Hạo Nhiên

Nghĩa Công tập thiền tịch, Kết vũ y không lâm.
Hộ ngoại nhất phong tú, Giai tiền chúng hắc thâm.
Tịch dương liên vũ túc, Không thúy lạc đình âm.
Khán thủ liên hoa tịnh, Phương tri bất nhiễm tâm.

(Nghĩa Công tập thiền định. Hòa vào vũ trụ rừng Không. Ngoài cửa một đỉnh non mỹ lệ. Trước thềm nhiều khe sâu. Bóng chiều cùng với chân mưa. Không trung xanh tỏa xuống đình âm u. Thấy hoa sen tinh khiết. Mới biết tâm chẳng nhuốm bụi trần.)

Ý thiền trong thơ:

Thiền tịch trong Thiền tông nhằm chỉ quá trình tọa thiền đạt tới cảnh giới Tâm minh không vô, sự quan chiếu đó cũng chính là “Tịch chiếu”, vì tĩnh tới mức tịch, nên đạt được giải thoát. Nghĩa Công chọn nơi sơn thủy hữu tình như vậy để xây dựng thiền phòng, qua đó có thể thấy ông có tấm lòng thiền chẳng nhuốm chút bụi trần.

THANH HÀI ĐẠP VŨ (Hài xanh đập mưa)

Thứ Vận Tử Chiêm tặng đại sư Kim Sơn Bảo Giác

Tân Quan

Vân phong nhất biến cách viêm lương,
Do hỷ trùng lai phạn tích hương.
Túc điều thủy can nghênh hiệu náo,
Loạn phạm thiên tế thọ phong mang.
Thanh hài đập vũ tầm u kinh,
Chu hỏa lung sa ngũ thượng phương.
Trân trọng cố nhân đôn diệu khế,
Tự lân thân thể lưỡng mang mang.

(Mây non vừa đổi chia cách nóng, lạnh. Đường như niềm vui trở lại, cơm giữ hương. Chim già nước cạn đón trời sáng, ồn ào. Buồm khắp chân trời chịu gió bạt. Dép xanh đập mưa tìm con đường tôi. Lồng son đỏ thắm lời lẽ thanh tao. Trân trọng câu chữ thành tâm của người xưa. Thương thay cho thân thể mệnh mang.)

Ý thiền trong thơ:

Thiếu Du là thủy tổ của những lời lẽ uyên chuyên một thời, thơ thiên cũng viết được đẹp đẽ như vậy. Trong ngữ nghĩa huyền diệu vẫn không mất đi cái đẹp của âm vận nhịp nhàng, đáng để suy ngẫm.

PHÙ DUNG PHÂN PHÂN (Phù dung giếng đầy)

Tân Di ổ (Lũy Tân Di)

Vương Duy

Mộ mặt phù dung hoa, Sơn trung phát hồng ngạc.

Gián hộ tịch vô nhân, Phân phân khai giải lạc.

(Đầu ngọn hoa phù dung. Trên núi tỏa đài hồng. Nhà giữa khe núi tịch mịch chẳng có người. Nở rồi tàn khắp nơi.)

Ý thiền trong thơ:

Bài thơ này là tuyệt phẩm về sự quán tưởng sinh diệt trong khoảnh khắc, thời gian trong bài thơ trên của Vương Duy dường như chẳng còn chia cách sớm chiều, xuân thu, phẳng phất chỉ một sát na. Song, cây cỏ đã biến hóa khôn lường trong chớp mắt, trải qua hàng nghìn kiếp trong sát na. Một thân cây, một gọng cỏ trong thơ đều ẩn chứa đạo lý “Chư hành vô thường”, “Chư pháp vô ngã”.

ĐỘNG LÝ ĐÀO HOA

(Hoa đào trong động)

Kệ thượng đường Đáo Hưng Hóa

Ngũ Tổ Pháp Diễn

Động lý vô vân biệt hữu thiên,
Đào hoa như cầm liễu như yên.
Tiên gia bất giải luận đông hạ,
Thạch lạn từng khô bất ký niên.

(Trong động không mây, có trời lạ. Hoa đào như gắm, liễu tựa khói sương. Nhà tiên chẳng biết bàn về mùa đông, mùa hạ. Đá mòn từng khô không ghi dấu năm tháng.)

Ý thiền trong thơ:

Người xuất gia tu đạo rời xa hồng trần nơi thế gian
huyền ảo, trời đất nơi đó quả thực có khác với nhân gian.
Trong động này dường như mãi là mùa xuân đem đến cho
người tu hành một sức sống yên bình và vĩnh hằng.

VÔ TRỞ VÔ NGẠI (Không trở ngại)

Thông thân thị nhãn (Khấp người là mắt)

Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần

Thông thân thị nhãn kiến bất đảo,
Thông thân thị nhĩ vấn bất cập.
Thông thân thị khẩu thuyết bất chước,
Thông thân thị tâm giám bất xuất.

(Khấp mình là mắt nhìn không thấy. Khấp mình là tai nghe chẳng được. Khấp mình là miệng nói chẳng thành. Khấp mình là tâm giám không thoát.)

Ý thiền trong thơ:

Làm thế nào để tới được bờ này của tâm hồn? Trên thực tế, Lục căn của chúng ta chẳng hề cản trở việc tu đạo, trở ngại nằm ở thói quen phân biệt đối xử đối với 6 căn này. Nếu có thể nhập đạo thông qua Lục căn, một ngày nào được khai ngộ thì khắp mình sẽ đều là mắt, đâu cũng có thể thâm nhập mà tự đắc.

XUÂN HOA ĐÔNG TUYẾT (Hoa xuân tuyết đông)

**Tụng bình thường tâm thị đạo
(Đạo ngợi ca thường tâm)**

Vô Môn Huệ Khai

Xuân hữu bách hoa thu hữu nguyệt,
Hạ hữu lương phong đông hữu tuyết.
Nhược vô nhân sự quái tâm đầu,
Tiện thị nhân gian hảo thời tiết.

(Xuân có trăm hoa, thu có trăng. Hạ có gió mát, đông có tuyết. Nếu không chuyện phiền vương bận lòng. Thời tiết nhân gian chính đẹp thay.)

Ý thiền trong thơ:

Thường tâm nhằm chỉ cảnh giới nhãn tiền, là sự hiển hiện của chân tâm, chân lý tức thì, chẳng cần tìm đâu xa. Nếu chuyện phiền chẳng vương vào lòng, thời tiết bốn mùa tươi đẹp trong năm, tất cả trở thành cuộc chơi Phật tính thiên biến vạn hóa, người ngộ đạo luôn mỉm cười rong chơi nơi ấy.

HÀN VÂN DÃ HẠC (Mây ngàn hạc nội)

Tặng tặng (Tặng nhà sư)

Giả Đảo

Thử sinh phi nạp quá, Tại thể đắc thân nhàn.
Nhật ngộ du đô thị, Thiên hàn văn Hoa sơn.
Ngôn quy văn tự ngoại, Ý xuất hữu vô gian.
Tiên chương văn biên thụ, Xào cảm thời xuất quan.

(Kiếp này từng khoác cà sa. Ở đời thân được an nhàn.
Trưa ngày rong chơi chốn thị thành. Đông lạnh tới văn núi
Hoa Sơn. Lờ lẽ ngoài văn tự. Ý tứ thoát khỏi hữu vô gian.
Cây xương rồng nơi chân mây, ra khỏi cửa ải cách trở.)

Ý thiền trong thơ:

Thiền tông đề cao việc “không lập văn tự, trực chỉ
nhân tâm”. Nhà sư này cũng đã phiêu diêu thoát khỏi chốn
Vô hữu, tựa như mây ngàn hạc nội vượt lên cách trở nhân
gian, tự do tự tại, rời xa nhân gian tranh đoạt danh lợi.

HÒA PHONG SÀI PHI

(Cửa tre gió hiền)

Vô đề

Bạch vân dữ ngã tối tương tri, Ngã trú sơn thời tha
dịch tùy.

Hòa phong xâm tảo từ chướng ngoại, Văn lai y cự
hộ sài phi.

(Mây trắng và ta rất biết nhau. Khi ta trên non nó theo
cùng. Gió hiền sớm thổi ra ngoài sườn non. Chiều đến vẫn
giữ gìn cửa tre.)

Ý thiền trong thơ:

Dưới ngòi bút sâu xa hoàn mỹ, mây trắng tượng trưng
cho Phật tính không xa rời chúng ta như hình với bóng.
Mây trắng bay đi biểu thị Phật tính của chúng ta bị lãng
quên. Mây trắng bay về tượng trưng cho sự yên tĩnh thanh
lương của Phật tính trở về sau khi chúng ta hoàn thành bài
học về thế giới vật chất, như ngọn gió mát từ từ thổi lại sau
đêm tối.

TRỪNG GIANG MINH NGUYỆT (Trăng sáng sông trong)

Giang trung tụng kinh (Tụng kinh trên sông)

Trương Thuyết

Thực tương quy huyền giải, Hư tâm ám tại thông.

Trùng giang minh nguyệt nội, Ứng thị sắc thành không.

(Tướng thực mà khó hiểu. Tâm hư ngâm thông suốt. Trăng sáng trên sông trong. Chắc là sắc thành không.)

Ý thiền trong thơ:

“Trùng giang minh nguyệt nội, Ứng thị sắc thành không” lột tả cảnh giới nhà thơ sau khi đã thể ngộ được thực tướng. Nước sông trong veo, ánh trăng sáng tỏ, trong sự nhận thức về thực thể đó, nhà thơ bỗng cảm nhận hết được toàn bộ thân tâm và trăng sáng, sông trong hòa vào làm một, đó cũng chính là không là sắc, thoát tục trở về tự nhiên.

THIÊN NHIÊN VÔ GIÁ

Vàng trắng cô quạnh trên đỉnh núi Hàn

Hàn Sơn

Hàn sơn đỉnh thượng nguyệt luân cô,
Chiếu kiến tình không nhất vật vô.
Khả quý thiên nhiên vô giá bảo,
Mai tại ngũ âm nịch thân khu.

(Vàng trắng cô quạnh trên đỉnh núi Hàn. Chiếu sáng bầu trời tất cả mọi vật. Đáng quý thay báu vật vô giá của thiên nhiên. Vui trong ngũ âm đắm đuối mình.)

Ý thiền trong thơ:

Bản tâm của con người sáng trong, tinh khiết như trăng, cũng soi sáng vạn vật. Con người vốn có tự tánh thanh tịnh và đều có thể thành Phật. Vậy sao lại chẳng thành Phật chứ? Vì, mọi báu vật vô giá thiên nhiên – Phật tánh - bị “ngũ âm” che mất, kết quả làm mất đi tự tánh thanh tịnh vốn có tạo thành vô vàn phiền não và đau khổ.

THỦY NGUYỆT VÂN HÀ (Trăng nước mây chiều)

Sư cụ Thù Huy đêm thu
một mình ngồi ở sơn đình Hữu Tạng

Trần Tử Ngang

Chung phạn kinh hành bãi, Hương sàng tọa nhập thiền.

Nham đình giao tạp thụ, Thạch lại tả minh tuyến.

Thủy nguyệt tâm phương tịch, Vân hà tư độc huyền.

Ninh tri nhân thế lý, Bì bệnh khổ phan duyên.

(Chuông, kinh Phật ngừng lại. Giường hương ngồi nhập định. Đình đá cây lai tạp. Thạch đá tiếng suối tuôn. Tâm trăng nước mới lặng. Mây chiều một mình nghĩ ngợi xa xôi. Mong biết trong cõi người. Ham duyên khổ bệnh lụy.)

Ý thiền trong thơ:

Thiền định giúp cho tâm tĩnh lặng, từ đó mà khai phát trí tuệ, như những khi mặt nước phẳng lặng có thể hiển hiện ánh trăng. Dựa vào trí tuệ, quan sát các pháp vốn chẳng có ý nghĩa thực, như bóng ảo của trăng dưới nước, có thể xa lánh mà không bị hoen ố sẽ trở thành người giác ngộ. Trời xanh xưa nay chẳng hề thay đổi, như Phật tánh chân như không sinh không diệt, không tăng không giảm.

TÂM TÂM TƯƠNG ẮN

(Tâm tình hòa hợp)

Thư thạch bích vách thiền cư

Quán Hưu

Xích chiêm đàn tháp lục thất cấp,
Bạch hàm đàn hoa tam tứ chi.
Thiền khách tương phùng chỉ đàn chỉ,
Thử tâm năng hữu kỷ nhân tri?

(Thảm đồ tháp đàn sáu, bảy tầng. Sen trắng cành hoa ba bốn nhánh. Khách thiền gặp nhau chỉ gảy tay. Tâm này mấy người có biết thay.)

Ý thiền trong thơ:

Thiền giả gặp nhau chỉ búng ngón tay để giao lưu ý thiền mà chẳng dùng lời lẽ, cách tương tác ngầm nhà thiền có thể hiểu nhau. Trong “Ngũ đẳng hội nguyên” từng có mẫu đối thoại sau: “Hòa thượng Đại Tuyền thử hỏi rằng: Tâm này là thể nào? Thầy chẳng thể đối đáp được.” Câu nói ẩn ý rằng bản thân khó thể trả lời, người thực sự hiểu có được mấy ai?

NHÂN NGŨ THANH ĐÀI

(Rêu xanh lối người)

Lộc sài (Củ nai)

Vương Duy

Không sơn bất kiến nhân, Đán vắn nhân ngữ hưởng.
Phản cảnh nhập thâm lâm, Phúc chiếu thanh đài thương.

(Núi trống chẳng thấy người. Nhưng nghe tiếng ai vọng. Rời cảnh vào núi sâu. Lại chiếu trên rêu xanh.)

Ý thiền trong thơ:

Trong “Kinh kim cang” mà Thiền tông coi trọng nhất có viết: “Mọi thứ hữu tướng đều là hư vọng”. Vương Duy trong bài thơ này đã gửi gắm ý niệm mà về bản chất tư tưởng hoàn toàn thống nhất với quan điểm trên.

THIÊN HÀN PHONG TUYẾT (Gió tuyết trời lạnh)

Khất thực tăng (Nhà sư khất thực)

Quán Hưu

Kính bát mạo thanh doanh, Thiên hàn xuất tự trì.

Chu môn đương đại lộ, Phong tuyết lập đa thời.

Tựa nguyệt tâm thường tịnh, Như ma sự bất tri.

Hành nhân mặc khinh tiểu, Cổ Phật tận như tư.

(Nâng bát dáng người thanh thoát. Trời lạnh rời chùa chậm. Đương trên đường lớn, trước cửa son. Đúng lúc gió tuyết dồn dập. Tâm như trăng luôn tinh khiết. Chẳng hay chuyện tầm phào. Người qua đường đừng coi thường. Phật xưa chính là đây.)

Ý thiền trong thơ:

Phật pháp chân chính cũng như “Thường đạo”, “Chỉ đạo” Lão Tử nói, là chẳng để dấu tích mà có thể cầu, chẳng có lời nói văn tự nào có thể biểu đạt. Tương tự như thế, cao nhân ngộ đạo thành Phật chân chính cũng chẳng lộ rõ hình tướng, không hề mảy may thể hiện bộ dạng cái thể, như tục ngữ nói: “Chân nhân bất lộ tướng, Lộ tướng chẳng phải là chân nhân.” Đối với người đã đại triệt đại ngộ Phật pháp về mặt hình tướng bề ngoài chẳng có gì khác biệt so với người thường.

YÊN MỘNG VIÊN NGUYỆT (Trăng tròn khói mộng)

Vô đề

Tự lạc bình sinh đạo, Yên mộng thạch động gian.
Dã tình đa phóng khoáng, Trường bạn bạch vân nhân.
Hữu lộ bất thông thế, Vô tâm thực khả phan.
Thạch sàng cô dạ tọa, Viên nguyệt thượng trại sơn.

(Tự vui vầy với đạo bình sinh. Trong thạch động sương khói tựa giấc mộng. Tình hoang nhiều phóng khoáng. Bạn cũ mây trắng thông dong. Có đường chẳng thông với đời. Vô tâm ai sánh nổi. Giường đá đêm cô ngồi. Núi trại trên trăng đầy.)

Ý thiền trong thơ:

Một mình tĩnh tọa trên chiếc giường đá, trăng sáng vừa leo lên đỉnh núi, trong lòng cũng theo đó mà sáng tỏ, trong vắt, tâm cảnh hứng thú hoang xa tự nhiên, vô dục vô niệm đúng là một thứ lạc thú trong tham thiền ngộ đạo.

TÂM NHÀN TÀI THỊ NHÀN

(Tâm nhàn mới thanh thản)

Tâm nhàn (Lòng thanh thản)

Thiền sư Thử Trung Vô Uẩn

Nhàn đáo tâm nhàn thủy thị nhàn,
Tâm nhàn phương khả thoại cư sơn.
Sơn trung thắng hữu nhàn sinh hoạt,
Tâm bất nhàn thời cư cánh nan.

(Thanh thản tới mức tâm tự tại mới là nhàn. Tâm nhàn mới có thể nói đến ở núi. Trong núi có cuộc sống thanh thản. Khi tâm không thanh thản càng khó ở.)

Ý thiền trong thơ:

Thanh thản thoát mái là gì? Nó chẳng phải động tác khoan thai, đẹp đẽ về bề ngoài. Thanh thản, tự tại thực sự nằm ở phong thái ung dung, tự tại về nội tâm, chỉ có người mà chính khí thực sự định thần mới có thể nói tới điều huyền diệu của cuộc sống ẩn dật và thể hội được lạc thú của nó.

QUẾ HOA XUÂN SƠN (Hoa quế non xuân)

Điều minh gián (Khe chim hót)

Vương Duy

Nhân nhàn quế hoa lạc, Dạ tĩnh xuân sơn không.

Nguyệt xuất kinh sơn điều, Thời minh xuân gián trung.

(Người thư thái, hoa quế rụng. Đêm thanh tịnh, non xuân trống trải. Trăng lên khiến chim núi hoảng hốt. Khi hót trong khe xuân.)

Ý thiền trong thơ:

Tâm thiền đạo Phật của Vương Duy nghe được tiếng hoa quế rụng xuống thềm trên núi trống trải, thậm chí nghe được cả tiếng thở của tâm hồn mình. Núi trống vắng chỉ là hư cảnh trước mắt, tâm hư không mới là điều nhà thơ tâm đắc.

VÔ NGÔN LIỄU NGỘ

(Giác ngộ lời không nói)

Sớm tối Thiền viện Siêu Sư đọc kinh Thiền

Liễu Tông Nguyên

Cấp tỉnh thấu hàn sĩ, Thanh tâm phát trần phục.
Hàn trì bồi điệp thư, Bộ xuất đông trai độc.
Chân nguyên liễu vô thủ, Vọng tích thể sở trực.
Di ngôn ký khả minh, Thiện tính hà do thực?
Đạo nhân đình ninh tịnh, Đài sắc liên thâm trúc.
Nhật xuất vụ lộ dư, Thanh tùng như cao mộc.
Đạm nhiên lý ngôn thuyết, Ngộ duyệt tâm tự túc.

(Mức nước giếng xúc miệng thấy răng buốt. Thanh tâm phủi quần áo bụi. Thanh thời cầm sách lá bồi, bước ra Đông trai đọc. Cội nguồn chân chính hiểu ra lẽ buông xuôi. Thế nhân theo đuổi những thứ hư ảo. Lời người xưa mong muốn có thể sâu xa. Tu tính đâu dễ rèn theo được? Đình đạo nhân lặng lẽ, màu rêu hòa cùng với tre rậm. Mặt trời lên sương móc còn đọng. Tùng xanh như được gột sạch. Hiển nhiên xa lánh lời lẽ, tâm ngộ vui vậy tự lấy làm sung túc.)

Ý thiền trong thơ:

Trong Thiền viện Siêu Sư, đình vũ thanh tịnh, rêu xanh và rừng trúc biếc hòa thành một dải. Buổi sớm khi mặt trời mới lên, sương mù và sương móc vẫn còn, cây tùng được gột bởi sương móc càng lộ rõ một màu xanh đậm. Cảnh đẹp đó đều không thể lột tả bằng lời lẽ, xét từ ý cảnh cũng giống như Thiền tông chẳng lập văn tự, hoàn toàn phù hợp với tư tưởng Trực chỉ bản tâm (nhắm thẳng vào bản tâm) nhằm theo đuổi sự giác ngộ vô ngôn.

THUẬN TRỊ HỎI VỀ “NGÃ” (Thuận Trị hỏi về cái tôi)

Tán tặng thi (Thơ ngợi ca nhà sư)

Hoàng đế Thuận Trị

Vị tăng sinh ngã thù thị ngã,

Sinh ngã chi thời ngã thị thù.

Lai thời hoan hỷ khứ thời bi,

Hợp nhãn mông lung hựu thị thù?

(Chưa từng sinh ra ta, ai là ta. Khi đã sinh ra ta, ta là ai. Khi đến vui sướng khi đi buồn. Nhắm mắt mông lung lại là ai?)

Ý thiền trong thơ:

Trong lục đạo luân hồi, “ta” rốt cuộc là ai? Vị trí nào trong thời gian, không gian vũ trụ? Chúng ta có thể cảm nhận về bản thân ở khoảnh khắc thực tại, song lại không thể giải thích được bản lai diện mục của mình trước khi sinh ra và sau khi nhắm mắt. Câu hỏi của vua Thuận Trị là một vấn đề khó giải thích hàng nghìn năm rồi.

TỰ TÍNH

Vô đề

Hàn Sơn

Cấp cấp mang mang khổ truy cầu,
Hàn hàn lãnh lãnh độ xuân thu.
Chiêu chiêu mộ mộ doanh hoạt kế,
Muộn muộn hôn hôn bạch liễu đầu.
Thị thị phi phi hà nhật liễu,
Phiền phiền não não kỷ thời hưu?
Minh minh bạch bạch nhất điều lộ,
Vạn vạn thiên thiên bất khẳng tu.

(Vội vội vàng vàng khổ sở theo đuổi. Lạnh lạnh lẽo lẽo qua đi xuân thu. Sớm sớm chiều chiều tính toán lo toan cuộc sống. Buồn phiền tối mắt bạc cả đầu. Thị thị phi phi ngày nào hiểu. Phiền phiền não não giờ nào nguôi? Sáng sáng tỏ tỏ một con đường. Vạn vạn nghìn nghìn chẳng thể nên.)

Ý thiền trong thơ:

Đời người có mấy mươi mùa nóng, mùa lạnh, con người ta đa số đều sống một cuộc đời lặn lội lo vun vén, thậm chí làm mất đi nhiều vai trò khác. Trong đêm tối tĩnh lặng, cảnh vật ngoại tại và hư không trong lòng làm hình thành sự đối tỉ rõ rệt, chỉ còn chút bỏ và buông xuôi, dõi theo nội tâm của mình mới có thể đạt được sự yên ổn thực sự.

Lời bạt

Những bậc tiên hiền Trung Hoa với trí tuệ lớn đã sáng tạo ra Thiền Trung Quốc, công dụng của nó không chỉ giới hạn trong phạm vi tôn giáo, mà còn có tác dụng tích cực, ảnh hưởng tới toàn bộ nền văn minh Trung Hoa. Lịch sử phát triển tới ngày nay, Thiền chẳng hề bị cũ kỹ, mà luôn được bổ sung những nhân tố mới. Nó có khả năng giúp con người nhận thức về mình và thế giới tốt hơn.

Mặc dù Thiền đã xa xưa, nhưng nó đáng trở thành công cụ của con người hiện đại nhằm sáng tạo nên cuộc sống tốt đẹp. Vì, Thiền có rất nhiều công dụng: mở mang cõi lòng, kiên định nghị lực, gợi mở trí năng, điều tiết tinh thần, thanh lọc thói xấu, tăng thêm sức bền, thay đổi thói quen, rèn luyện tâm trí, nâng cao ngộ tính...

“Cuộc sống thiền” theo tên truy nghĩa thì nó chính là tham thiền trong cuộc sống. Thiền tông nhấn mạnh tự tánh là Phật, chẳng có Phật bên ngoài tâm, phủ nhận thần linh, vận mệnh làm chủ con người. Cuộc sống thiền chính là việc thông qua tinh thần thiền nhằm hướng dẫn cuộc sống của chúng ta, dùng trí tuệ của thiền để giải quyết những

vấn đề khó trong cuộc sống, làm chủ được bản thân và vận mệnh của mình.

Trong cuộc sống của chúng ta tràn đầy thiên ý và thiên cơ, “Thiên linh hoạt và diệu dụng, chuyển nước và rời củi”, chỉ cần toàn tâm toàn ý dẫn thân, tất cả đều có thể lĩnh ngộ được thiên cơ, mọi thứ đều có thể chứng thực được bằng cảnh giới của thiên. Vì, con người ta đại đa số tự đóng khung trong khuôn khổ, chẳng ý thức được tiềm năng thể nghiệm thiên vốn có của bản thân mình, đó gọi là “Bá tánh nhật dụng nhi bất tri”. Chúng tôi sợ dĩ đề xướng cuộc sống thiên là vì lý do này.

Tinh hoa của thiên chẳng hề chỉ nằm ở lời nói của những bậc thiên sư, cũng không dừng lại ở lời thuyết minh trong các tác phẩm của người đương đại, mà chính là công án. Công án Thiên tông chính là một thứ văn thể được hình thành từ cuộc sống, việc tu tập, thể nghiệm thiên của những thiên sư thời xưa, công án bao gồm hàng loạt quá trình khai thị, ứng cơ, tiếp cơ, khai ngộ của các thiên sư, có chủ thể, đối tượng, có khi là sự triển khai đồng thời vài cặp mâu thuẫn thể hiện một cách cực kỳ sinh động, linh hoạt toàn bộ quá trình bước vào cảnh giới thiên. Bên cạnh đó, trong công án không có thuyết giáo dạng Huyền học, chẳng hề có dụng tâm tư biện, mà là sự gọi mở thẳng thắn, nhắm thẳng vào tâm của con người.

Công án đa phần được biểu đạt bằng nhiều hành vi, động tác phong phú, như đẩy, kéo, ngoảnh, đánh, thui,

uống, hành, đi, chỉ thẳng, giường quyền, phủ... lời lẽ cũng hết sức sinh động, mưu trí, hàm súc, hài hước, khiến cho ý nghĩa tiềm ẩn của công án đạt được sự phong phú hết mức, đem tới cho người sau không gian tưởng tượng bao la.

“Trong mắt chúng sinh, con người đều là chúng sinh, còn trong mắt Bồ Tát, ai ai cũng đều là Bồ Tát”. Con người sống trong xã hội hiện đại đều có đầy đủ trí tuệ, trong tiềm năng của con người vốn chứa ẩn một thứ sức mạnh tinh thần cao vời, hãy khai phát tiềm năng đó của con người bằng tư tưởng thiền, mở mang trí tuệ, thông qua sự cố gắng của bản thân nhằm tìm kiếm chân lý, thực hiện giá trị tối cao, từ đó giúp cho con người thoát khỏi hiện thực phồn tạp nhằm đạt tới sự tự do.

Đối với tư tưởng phong phú tiềm ẩn trong văn hóa truyền thống này, đối với những hiểu biết tinh túy của nó, người viết nông cạn biết bao, sở dĩ dám không tự lượng sức đề dấn thân, là vì ý nguyện ban đầu muốn lấy đó làm ngòi nổ nhằm thăng hoa trí tuệ lớn trong lòng độc giả.

Thiền là một cách nắm bắt bản chất của sự vật. Nó không cần dựa vào phương pháp tư duy lôgic toán học để suy lý, phán đoán đối với sự vật, mà đi vào cảm nhận bản chất sự vật thông qua mối quan hệ trực tiếp và ngoại tại bằng nội tâm cá thể. Đó là một cánh cửa tiện lợi nhằm nâng cao nhận thức, thậm chí làm thế nào để nhập môn này chỉ cần dựa vào bản thân chúng ta, như cá uống nước, nóng lạnh tự hay.

Nếu các bạn có thể có được những gợi ý và triển khai trong khi đọc, suy xét rộng ra hoặc bắt gặp “Phật tánh của mình”, từ đó nhận thức được cái tôi, hoàn thiện, phát triển bản thân, vậy thì người viết đã vô cùng mãn nguyện.

MỤC LỤC

MỌI THỨ ĐỀU LÀ THIỀN	5
TÍNH KHÔNG SINH DIỆT	7
MỘT SINH VẠN PHÁP, VẠN PHÁP ĐỀU LÀ MỘT	9
NHẤT TỨC THIỀN	12
THIỀN BẤT SINH	16
THIỀN PHÒNG HOA MỘC THÂM.....	20
BẠC THẦY	22
HỒ SÓI VÀ PHẬT	24
NGƯỜI NGỘ XUNG ĐẮC.....	27
NHẤT NIỆM TỰ TẠI	29
GIÁC MÀ KHÔNG MÊ.....	31
NGỘ KHÔNG SINH NHÃN.....	33
PHẬT NGŨ TÂM VI TÔNG	35
TÂM TRỆ, CÁC PHÁP ĐỀU CHẴNG THÔNG.....	38
THÊ TƯỚNG VỐN TỰ NHIÊN	40
ĐẠO NHÂN LANH LỢI.....	44
MUỐN GÌ ĐƯỢC NẤY	47
VỊ THIỀN	50
TẤT CẢ ĐỀU HƯ VỌNG.....	52
CẦU PHÁP NGOÀI TÂM, BỆNH ĐƯỢC MẮT	54
TÂM Ở TRONG NGỘ.....	56
NHÀ SƯ HÀNH HƯƠNG	59
HOẶC NHIÊN ĐẠI NGỘ	62
LÂM TẾ BÁI TỔ	65
BIẾN VÀ BẤT BIẾN	68

“CÁI NÀY” LÀ GÌ.....	71
THƯỢNG TỌA NƠI ĐÂU.....	73
MỘT ĐỒNG GIẤY LỘN.....	76
KHÔNG VÀ SẮC.....	78
TRI SẮC TRI DỤC.....	80
SẮC TỨC THỊ KHÔNG.....	83
CÂY KHÔ VÁCH LẠNH.....	85
KHAI NGỘ TÂM SẼ YÊN.....	88
NGỘ ĐẠO BẰNG VẬT.....	91
KHÔNG PHẢI LỄ ĐỪNG LÀM.....	94
SINH DIỆT VÔ THƯỜNG.....	97
NÚT THỜI GIAN.....	101
RẮN ĐỘC VÀNG.....	104
VÀNG BẠC ĐÃ HẾT.....	108
NGỘ THIỀN VÔ DỤC.....	110
THIỀN Ý TRONG SÁNG.....	112
TÚI TIỀN KHÔNG ĐÁY.....	115
KHỎ TẬP DIỆT ĐẠO.....	117
VÌ SỢ DÂY CHƯA ĐÚT.....	119
NHÀ SƯ VÀ TRÀNG HẠT.....	121
TRẮNG SÁNG ĐẦY NHÀ.....	125
THUẬN TRỊ NGỘ THIỀN.....	127
TÂM CHẴNG ĐỘNG CHÍNH LÀ ĐỊNH.....	130
HÒA THƯỢNG HÚP CHÁO.....	133
NẮM VÀ BUÔNG.....	137
TỨ ĐẠI GIAI KHÔNG.....	139
ĐỘI TUYẾT CHẶT TAY.....	141

CHẲNG VỜI PHẬT NGƯỜI	144
CÁ TÍNH LÀ NGỌN LỬA.....	146
CỎ XANH TRÓI HÒA THUỘNG	148
NHẬP ĐẠO TAM BẢO MÔN	152
DUYÊN KHỞI TÁNH KHÔNG	155
MƯA HOA KHÔNG THẨM ÁO	158
BÁO THÂN VIÊN MẶN	161
TÂM NGỘ KỲ PHÚC.....	164
THIỆN NÓI VỀ VUI KHỎ.....	167
BUÔNG XUÔI TẤT CẢ	170
PHIỀN NÃO CHỦ YẾU VÌ LÒNG THAM	174
BỎ DAO MỎ XUỐNG, ĐỨNG LÊN THÀNH PHẬT	177
YÊN ỒN TÙY NGỘ	179
THẬT LÒNG	182
NHÂN QUẢ KIỀM THÀNH CỦA PHẬT	185
LÒNG THAM HỄ PHÁT, HẠI NGƯỜI HẠI MÌNH.....	188
ĐẠT MA BÀN VỀ CHÂU BÁU	190
CÓ NGHIỆP CÓ BÁO.....	193
KẾT GIAO VỚI NGƯỜI CỬA PHẬT	196
CHẶT TAY CẦU PHÁP	198
ĐƯỜNG MUÔN LỐI	201
CHỈ BIẾT THAM ĐƯỜNG, KHÔNG BIẾT ĐÃ LỖ	204
TA ĐI VỀ TÂY PHƯƠNG.....	206
PHÁP THÂN VÔ BỆNH	208
THIỆN TÍNH CHÂN PHẬT.....	211
TIÊU ĐIỀU VIÊN TỊCH	214
TUYẾT TẠNH RỜI ĐI.....	216

THƠ THIỀN	219
HÀN THỦ THANH HƯƠNG (Nóng lạnh hương thanh).....	220
PHONG VŨ HOA LẠC (Mưa gió hoa rơi)	221
HƯƠNG LƯU NHẬT MỘ (Chiều tà Hương Lưu)	222
VÔ TÍCH VÔ TÔNG (Chẳng còn dấu tích)	223
THIẾU NIÊN PHONG LƯU (Chàng trai phong lưu)	224
TÌNH THẾ CA (Bài ca tình đời)	225
TÂY PHONG TẾ VŨ (Gió tây mưa giăng)	229
GIANG NGUYỆT MÊ NHÂN (Sông trăng làm say mê lòng người)	230
THIÊN SƠN VẠN KINH (Nghìn non vạn lối).....	231
PHI HOA PHI VŨ (Chẳng phải hoa, sương)	232
THIÊN SỰ THIÊN ÔNG, TỨ ĐẠI GIAI KHÔNG (Chuyện thiên ông thiên, Tứ đại giai không)	233
KIM NHẬT BẤT TRI MINH NHẬT SỰ (Hôm nay chẳng biết chuyện ngày mai).....	234
NGUYỆT LẠC PHONG HƯƠNG (Trăng xế gió thơm).....	235
BẠCH VÂN HỒNG TRẦN (Mây trắng hồng trần)	236
PHẬT PHÁP VIÊN THÔNG	237
THỦY HÀN NGUYỆT MINH (Nước lạnh trăng tỏ)	238
VĂN PHONG THỦ VŨ (Gió chiều mưa nồng).....	239
SINH SINH BẤT TỨC (Không ngừng sinh sôi)	240
TỊCH DƯỠNG LIÊN HOA (Hoa sen trong chiều).....	241
THANH HÀI ĐẠP VŨ (Hài xanh đập mưa)	242
PHÙ DUNG PHÂN PHÂN (Phù dung giăng đầy).....	244
ĐỘNG LÝ ĐÀO HOA (Hoa đào trong động)	245
VÔ TRỞ VÔ NGẠI (Không trở ngại)	246
XUÂN HOA ĐÔNG TUYẾT (Hoa xuân tuyết đông)	247

HÀN VÂN DÃ HẠC (Mây ngàn hạc nội)	248
HÒA PHONG SÀI PHI (Cửa tre gió hiền)	249
TRƯỜNG GIANG MINH NGUYỆT (Trắng sáng sông trong).....	250
THIÊN NHIÊN VÔ GIÁ	251
THỦY NGUYỆT VÂN HÀ (Trắng nước mây chiều).....	252
TÂM TÂM TƯƠNG ẮN (Tâm tình hòa hợp)	253
NHÂN NGŨ THANH ĐÀI (Rêu xanh lời người).....	254
THIÊN HÀN PHONG TUYẾT (Gió tuyết trời lạnh)	255
YÊN MỘNG VIÊN NGUYỆT (Trắng tròn khói mộng).....	256
TÂM NHÂN TÀI THỊ NHÂN (Tâm nhân mới thanh thân).....	257
QUẾ HOA XUÂN SƠN (Hoa quế non xuân).....	258
VÔ NGÔN LIỄU NGỘ (Giác ngộ lời không nói)	259
THUẬN TRỊ HỎI VỀ “NGÃ” (Thuận Trị hỏi về cái tôi).....	261
TỰ TÌNH.....	262
LỜI BẠT	263

